

BÁCH KHOA

20

I THÁNG 11-1957

Trong số này :

- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ dân chủ cổ điển : nước Anh.*
CÓ-LIÊU *Dân tộc tỉnh văn nghệ.*
PHẠM-HOÀN-MĨ *Ngày giỗ Phan-Sào-Nam thứ 17.*
HUỖNH-ĐỨC-QUANG *Tìm hiểu kế hoạch Marschall.*
NGUYỄN-VĂN-BA *Cụ Hài-Thượng Lãn-Ông.*
MINH-ANH *Quy luật của một vạt lối thơ.*
TRIỆU-ĐUỜNG *Nếu (thơ dịch).*
NGUYỄN-NGU-Í *Nhơn xem tranh Việt - Nam năm
ngàn năm văn hiến của Lê-văn-Sieu.*
TẠ-KÝ *Bài thơ dễ hiểu.*
Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI *Đường thi dịch giải.*
NGUYỄN-PHÚC *Thoát*
LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đặc dịch) *Khót lửa Kinh thành.*

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°
— Rượu Tàu "Lão Mạnh Trử" *Lao Manh Tru*
— Rượu Tàu "Tích-Thọ Trử" *Tich-Tho Tru*

SI-RÔ "Verigoud":

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES ***DE L'INDOCHINE***



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ « **SUPER G** »



SAIGON - PARIS

(chuyến bay « **THANH-LONG** »)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 9g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhất
SAIGON

Tél : 20 981 & 20 984

TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Trong những số tới:

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ cổ điển: Hợp chúng quốc Mỹ-châu*
- VƯƠNG-HÒA-ĐỨC : *Quỹ tiền tệ quốc tế*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vì sao gan dạ hay nhút nhát tại mặt trận.*
- NGUYỄN-VĂN-MẦU : *Quyết nghị lập pháp và quyết nghị hành chánh.*
- NGUYỄN-VĂN-BA : *Đồng y trên căn bản nhân vị.*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Hồ-Quý-Ly, một gương thất bại.*
- TRẦN-HÀ : *Ảnh hưởng chiến tranh nha phiến đối với lịch sử Trung-Quốc*
- THOẠI-NGUYỄN : *John Dewey.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN: NƯỚC ANH

Hoàng-minh-Tuynh

SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC ĐỊNH CHẾ NƯỚC ANH



SAU khi đã trình bày đại cương chế độ lập hiến nước Anh, và trước khi bàn về Liên Hiệp Anh, chúng tôi muốn nói sơ qua về sự tiến hóa trong các định chế chính trị nước Anh từ khoảng ba mươi năm trở lại đây.

Từ ba mươi năm trở lại đây, nhất là từ sau cuộc đại chiến, chúng tôi nhận thấy rất khó xác định đà tiến hóa của các định chế chính trị nước Anh đã tới mức độ nào. Nước Anh trong bước tiến, bao giờ cũng chỉ vự vào thực tế mà đi bước một liên tiếp, không hề tuyên bố nguyên tắc làm phương châm cho bước tiến của mình.

Tuy nhiên, ta có thể nhận xét được mấy điểm sau đây :

I.— Nghị viện ủy nhiệm quyền lập qui cho cơ quan hành pháp.

Theo luật nước Anh, cơ quan hành pháp không có quyền lập qui, nghĩa là ban bố những qui tắc để áp dụng luật hoặc bổ khuyết luật đã do cơ quan lập pháp khả quyết. Nhà vua chỉ có thể dùng lời tuyên cáo nhắc nhở quốc dân thi hành luật pháp mà thôi. Tuy nhiên, từ sau cuộc đại chiến 1914 — 1918, thủ tục ủy nhiệm lập pháp phát triển một cách rộng rãi, theo đấy thì Nghị viện nhượng cho Nội các hoặc một cơ quan nào đó của chính phủ, quyền lập qui trong một phạm vi nào đó và với một mục đích nào đó. Bởi không có bản

vấn hay nguyên tắc nào giới hạn chủ quyền Nghị viện, nên nghị viện có thể tự tiện trao cho một cơ quan thay mình mà lập qui. Tuy nhiên việc ủy nhiệm đó đặt ra một vấn đề chính trị rất quan trọng đối với người Anh, có thể biến đổi cục diện lập hiến cổ truyền của nước Anh, hậu quả của nó là trao cho các cơ quan hành chính những quyền hành hết sức rộng rãi xưa rầy vốn chỉ dành riêng cho Nghị viện mà thôi. Trước cuộc chiến tranh, một vài cuốn sách đã từng nêu lên vấn đề « *một chủ nghĩa độc tài mới* », vấn đề « *chế độ nha sảnh (bureaucratie) toàn thắng* » v.v... đề ám chỉ sự lấn quyền trên. Trong thời kỳ chiến tranh, phong trào bài xích này lại càng bành trướng và Nghị viện cũng tìm cách thể kiểm sát nghiêm ngặt các cơ quan được ủy nhiệm lập qui, nhưng vấn đề cho các cơ quan này có đủ quyền hành để đối phó kịp thời trong những trường hợp cần thiết.

2.— *Khuyh hướng trung ương tập quyền.*

Cuộc chiến tranh 1914 — 1918, cuộc khủng hoảng kinh tế từ năm 1930, các tiến bộ của chủ nghĩa xã hội và nhất là cuộc chiến tranh 1939 — 1945, càng khiến cho quyền hành của các cơ quan hành chính thêm nhiều và rộng rãi hơn.

Hiện nay, nước Anh thực sự sinh hoạt dưới một chế độ chỉ huy. Trong một nước vốn dĩ quen sống với một nền hành chính gần như thụ động và ít khi lộ diện, có thể coi những biến thiên đó là một cuộc cách mạng thực sự và lớn lao. Đồng thời các yếu tố trên

cũng làm nặng thêm cái khuynh hướng trung ương tập quyền, khiến cho vấn đề địa phương phân quyền giảm sút rất nhiều và cái self government cũng theo đây mà không còn được coi trọng như trước nữa.

3.— *Dân chủ kinh tế và xã hội.*

Cứ hiểu theo như định nghĩa hiện nay, chế độ dân chủ kinh tế và xã hội là chế độ trong đó nhà nước can thiệp thường trực, hoặc đề chỉ huy sản xuất và mậu dịch, hoặc đề quân bình phân phối lợi tức, hoặc đề hạn chế tiêu thụ. Một nước đã theo chế độ trên thì tất nhiên sẽ vấp phải một vấn đề tối quan trọng cần phải giải quyết : đó là vấn đề phải tìm ra một phương cách nào khả dĩ cứu vãn được tự do của người công dân về phương diện chính trị, mà giảm bớt các tự do của họ về phương diện kinh tế; hay nói rõ hơn, phải làm sao thiết lập một chính phủ quyền uy chuyên đoán về phương diện kinh tế, nhưng quảng đại rộng rãi về phương diện chính trị... Đó là trường hợp nước Anh. Nhưng không phải chỉ riêng nước Anh mới ở trong trường hợp ấy. Vấn đề trên nằm trong lòng mọi cải cách của hầu hết các nước trên hoàn cầu. Song, tại nước Anh, vấn đề ấy có lẽ gay go hơn tại các nước khác, bởi lẽ nước Anh, một mặt còn tha thiết với tự do đã thâm nhiễm trong trí óc người Anh từ lâu đời, còn một mặt khác lại bị thúc bách bởi những nguyện vọng xã hội rất mãnh liệt hiện nay đang sôi nổi trong đám dân chúng muốn được hưởng một đời sống sung túc hơn.

LIÊN HIỆP ANH

Từ trước đến nay, khi bàn về nước Anh, chúng tôi chỉ nguyên kể đến các thành phần cấu tạo nên chính quốc Anh gồm chính nước Anh, miền Wales, miền Ê-cốt và miền Bắc Ái-nhĩ-Lan. Tuy nhiên không nên quên là vị trí nước Anh trên hoàn cầu, từ gần đây, một phần lớn đã do Liên hiệp Anh hoạch định ranh giới, và Liên hiệp Anh rộng gồm một phần tư đất nòi trên trái đất và một phần tư dân số trên hoàn cầu. Chúng tôi rất tiếc phạm vi loạt bài khảo cứu này không cho phép chúng tôi bàn kỹ về cơ cấu của Liên hiệp Anh, một cơ cấu rất phức tạp nêu nhiều vấn đề rắc rối về luật quốc tế cũng như về luật hiến pháp, nhất là cơ cấu ấy hiện còn đang biến đổi chưa biết thế nào mà lường trước được. Vậy chỉ xin tóm tắt lại mấy điểm sau đây :

1— Cơ cấu pháp lý của Liên hiệp Anh không có nơi nào giống hẳn một nơi nào. Ở bên những Dominions là những quốc gia độc lập (theo qui chế Wesminster năm 1931) ràng buộc vào nước Anh do bởi thuộc chung một vương quyền và thần phục một Hoàng triều, ta thấy có nào là thuộc địa Hoàng triều, thuộc địa tự trị, thuộc địa bảo hộ, lãnh thổ quốc tế quân thác v.v...

2— Bởi vì nhiều nước, nhiều xứ trong Liên hiệp Anh ngày nay đang cố vươn mình lên, đề đòi ít ra là những qui chế rộng rãi, xứng hợp với đà tiến triển của nhân loại, và cũng bởi tình hình quốc tế đang biến chuyển thuận lợi cho các

nước, các xứ ấy, nên nước Anh cảm thấy rõ rệt cần phải có những ý niệm mới về những tổ chức Liên hiệp của mình. Khi công bố cho Ấn-độ, Mã-lai được độc lập, nước Anh đã bước vào một con đường mới. Đành rằng trước đó, ta đã thấy nhiều Dominions càng ngày càng tiến tới chỗ độc lập, nhưng trong các dominions, phần đông dân số vốn thuộc gốc rễ anglo-saxon và những liên hệ về máu mủ, về tinh thần cũng như những tương quan về kinh tế, có thể thay thế cho những liên hệ về pháp lý.

Trong trường hợp của Ấn-độ, của Mã-lai, (không phải là những dominions mà là những quốc gia độc lập thật sự), nước Anh quả đã can đảm, dám phó mặc cho may rủi, đánh một lá bài mới quyết định mệnh hệ của họ trong lịch sử.

3.— Liên hiệp Anh hiện nay đang biến chuyển trở thành một thứ liên hiệp quốc gia và sự cố kết căn cứ trên ba yếu tố :

a) yếu tố đồng tình cảm đối với những nước dân số vốn dòng anglo-saxon.

b) yếu tố đồng chính sách đối ngoại và phòng thủ quốc tế.

c) yếu tố đồng quan hệ kinh tế.

Tuy nhiên, ai cũng thấy rằng các giây liên hệ đó sẽ chặt chẽ thêm hay sẽ rời rã ra, phần lớn còn tùy thuộc vào thời vận chính trị và kinh tế trong thế giới, biến chuyển thuận lợi hay không thuận lợi.

Nước bài mà người Anh đã chọn và nhất quyết đánh, sẽ thắng hay bại, thời gian sẽ trả lời chúng ta.

Kết luận

Đề kết luận thiên biên khảo về chế độ dân chủ nước Anh, chúng tôi xin thâu tóm và rút ra những điểm căn bản của chế độ ấy, coi xem nó đặc biệt ở những chỗ nào :

1— Nếu xét về phương diện lý thuyết thì chế độ nước Anh là chế độ nghị viện cờ điền, có một vị quốc trưởng vô trách nhiệm, một nghị viện gồm hai viện, một nội các chịu trách nhiệm với nghị viện, nhưng có những phương tiện để đối phó với uy thế của nghị viện, nghĩa là một chế độ dung hòa quyền uy của cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp.

2— Đó là về phương diện lý thuyết. Nếu đi sâu hơn, về phương diện thực tế, ta thấy nhà vua chỉ được những quyền hết sức mơ hồ, chỉ có trên lý thuyết; chính ông thủ tướng nhà vua cũng không được quyền lựa chọn. Còn các nghị sĩ Quý tộc viện thì không thật sự có quyền quyết định và Nội các chỉ là phản ảnh của nhóm đa số Hạ nghị viện. Rút lại ta có cảm giác rõ ràng đứng trước một chế độ độc tài do một Nghị viện duy nhất cầm quyền, hay đúng hơn do, một đảng chiếm đa số trong Hạ nghị viện nắm giữ tất cả.

3) Đó là về phương diện thực tế. Tuy nhiên, cảm giác của ta như trên vẫn chưa thật đúng và còn sai lầm. Ta phải vào sâu hơn nữa mà xét cái trạng thái của một chế độ chỉ biết vụ vào thực tế có một không hai trên hoàn cầu.

Tất cả những nhận xét trên không phải không đúng hẳn, song, như ta đã thấy nhà vua tuy không có quyền quyết định thật sự trong các công việc quốc gia, mà ảnh hưởng tâm lý của nhà vua trên dân chúng rất là quan trọng, Quý tộc viện cũng vẫn giữ được uy thế rất đáng kể, và ta không thể coi đó là hình tích của một thời đại xa xưa còn sót lại hoặc là một bộ máy thừa trong các định chế của nước Anh.

Sau hết, ta chớ lầm tưởng mà cho rằng trong chế độ nước Anh, chính phủ và nhóm đa số trong Hạ nghị viện, một khi nắm được quyền uy tuyệt đối, có thể « trở giáo » bất cứ lúc nào và dân chúng Anh bị một hiểm họa « độc tài đảng trị » hăm dọa thường trực.

Sự thật thì tại nước Anh chưa từng bao giờ xảy ra những vụ tráo trở như đã từng xảy ra tại Pháp (hồi Cách mạng) hay tại Nga-sô.

Mối quan hệ từ chính phủ đến, nhóm đa số, từ nhóm đa số đến chính phủ, có sự liên đới mật thiết, nhưng không hề có sự thông đồng với nhau hay sự chi phối lẫn nhau.

Mối liên lạc của nhóm đa số với nhóm thiểu số rất mực minh bạch và cả hai nhóm đều là những định chế cốt thiết trong chính thể nước Anh.

Người ta đồng lòng chấp nhận : nhóm này cầm quyền thì nhóm kia chỉ trích, hoặc cảnh cáo. Người Anh cho đối lập là một chức vụ và đã quan thức hóa chức vụ đối lập bằng cách gọi lãnh

tự phải đối lập là « lãnh tụ phải đối lập của ngài ngự » ; vị lãnh tụ còn được trả lương và chức vụ đối lập được coi là một chức vụ cần thiết không kém gì chức vụ của thủ tướng hay của chủ tịch Hạ nghị viện.

Tất cả chính thể nước Anh đều hành trong một bầu không khí « fair play », chỉ riêng nước Anh mới có.

Luật hiến pháp nước Anh là luật hiến pháp của một nước thẳng thắn

chọn hai chữ tự do với tất cả mọi sự may rủi của hai chữ ấy và sở dĩ được vậy, có lẽ bởi họ đã may mắn thực hiện được sự thoả thuận cốt thiết với nhau về một quan niệm nhân sinh nào đó vậy. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể tự hỏi: chẳng biết sự thoả thuận đó sẽ còn giữ vững được cho đến bao giờ ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài trước, trang 2, cột 2, ở bốn dòng cuối, xin đọc lại như sau :
Trái với Tổng thống Pháp...

Danh ngôn, danh lý trong số này qui về ý chính :

ĐAU KHỔ, ƯU HOẠN

★ TẬP quen khó nhọc là cốt để sau này gánh vác việc đời.

TĂNG-QUỐC-PHIÊN

★ MỘT bức anh hùng cứu nạn, giúp nguy, thì cốt phải lao tâm khổ lực.

TĂNG-QUỐC-PHIÊN

Thuật trị dân theo Khổng-Tử

Bàn luận về chính sự, Khổng-Tử nói :

Thân chính thì dù không ra lệnh, lệnh vẫn được tuân hành ;
thân không chính, thì dù ra lệnh, lệnh cũng chẳng được nghe theo.

Thân đã chính thì trị dân có khó gì ? Còn thân không chính thì trị dân sao được.

DÂN - TỘC - TÍNH VĂN - NGHỆ

Cô-Liêu

I.— ĐỊNH - NGHĨA



TRONG một bài diễn thuyết đọc tại thủ đô ngày 9-3-55, giáo sư Nguyễn-dăng-Thực quan niệm dân tộc tính là :

« Hồn nước, cái ý thức truyền thống khi tiềm tàng, khi biểu lộ, từ cá nhân thông cảm với núi sông vũ trụ, một vòng bất đoạn bất phân nối quá khứ với hiện tại và tương lai ».

Ý thức ấy được cấu tạo bởi một dân tộc đã cộng đồng chung đụng trong một thời gian tương đối lâu dài với những điều kiện thỏa mãn về lãnh thổ, giống nòi, kinh tế, chánh trị, ngôn ngữ và tâm lý chung.

Văn nghệ là phản ảnh của đời sống một dân tộc, thì văn nghệ dù thoát thai

bằng đường lối thơ, họa, nhạc, hay hình thức nào khác, cũng phải diễn tả những màu sắc riêng biệt của phong tục, tính tình, cảnh vật của dân tộc ấy.

Như vậy, tìm hiểu xem ý thức về sự sống cộng đồng chung đụng phát hiện ra thế nào trong phong tục, tập quán, ngôn ngữ v.v... của một dân tộc, là tìm những yếu tố để định nghĩa, danh từ dân tộc tính trong văn nghệ.

Chúng ta thử phân tách hai câu thơ rất phổ thông trong dân chúng lúc này :

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

Đề tài là một cảnh tát nước đêm trăng bằng gầu, một cảnh đặc biệt chỉ có thể có ở Việt-Nam mà nhà văn,

với khiếu rung cảm riêng biệt đã ghi lại bằng một phương pháp diễn ý trừu tượng : thi ca. Cách lấy nước vào ruộng ấy, thông dụng trên lãnh thổ Việt-Nam, nên thành một lễ lối riêng biệt của dân tộc Việt. Các dân tộc khác có những lễ lối khác để lấy nước vào ruộng, chẳng hạn như dân tộc Cận-Đông cho bò kéo một thứ guồng làm bằng gỗ. Thi sĩ Việt-Nam ngâm vịnh cảnh tát nước, dĩ nhiên, không thể đặt bò và guồng vào thơ của mình. Vì thế khung cảnh ấy, lễ lối làm việc đồng áng ấy, đã làm thể hiện dân tộc tính Việt-Nam.

Văn chương là tinh hoa của ngôn ngữ đã trung thành ghi lại nếp sống của dân tộc với tất cả ước vọng thống khổ lẫn hân hoan.

Đó là phần nội dung của văn chương. Nhưng nếu ta xét văn chương về cạnh khía công cụ để ghi lại ý tưởng, thì chính cái công cụ ấy cũng nhuộm nặng hương vị dân tộc.

Đây là trường hợp truyện Kiều, một tinh hoa văn nghệ của đất nước. Kiều lấy đề tài ở một câu chuyện xảy ra dưới triều Minh bên Tàu. Cái xã hội đề cập đến là xã hội Trung-Quốc, nhân vật là nhân vật Trung-Quốc. Nhưng thiên trường hạn ấy chỉ có thể là phản ảnh trung thành của xã hội Việt-Nam.

Là vì văn chương truyện Kiều đã cô kết được những gì là tế nhị, văn hoa, óng chuốt, tóm lại là tinh hoa của tiếng nói chúng ta. Tính tình, tâm trạng nhân vật trong truyện, cũng chỉ có phong độ Việt-Nam. Trong cái vỏ người Tàu, các

nhân vật đã rung cảm, vui, buồn, lo âu hay phẫn uất bằng những sợi tơ lòng của người Việt. Cốt truyện chỉ là những cái đinh đóng lên tường dùng làm móc để treo những bức tranh Việt-Nam tuyệt mỹ. Dân tộc tính đã được biểu lộ qua tâm trạng nhân vật, qua lời văn.

Long, ly, quy, phượng, bốn con vật thần bí đã dùng để trang trí nóc đình, nóc chùa, cho đến y phục, dụng cụ thường dùng, đồ thờ cúng của ta. Đó là những con vật biểu hiện quan niệm của dân tộc về tín ngưỡng ; nghệ thuật muốn diễn tả một ý nghĩa tượng trưng thần bí, thường biểu hiện theo quan niệm ấy. Mỗi dân tộc có những quan niệm thần bí, có những con vật thần bí khác nhau, do đó quan niệm nghệ thuật cũng khác.

Thử so sánh một cái ẩm, cái chén, cái hộp trà, con dao của ta với những thứ đồng loại của Cao-Miên, của Thái-Lan, của Nhật-Bản, ý nghĩa tượng trưng về thần thoại, về lịch sử, nét vẽ, nét trạm, khắc, hình thù, khác nhau bao nhiêu, đến nỗi không thể ghép một cái tổng của Nhật vào bộ khay chén « Xích-Bích » của Tàu chẳng hạn, mà không thấy chướng mắt. Một kiến trúc sư Việt-Nam không thể thay một cái cột, một cánh cửa ngôi chùa của ta bằng thứ mượn của Cao-Miên mà không phạm đến nhịp điệu chung của toàn thể.

Ở đây, quan niệm về thần bí là một hình thức biểu hiện ý thức về dân tộc tính. Mỗi dân tộc tùy phong thổ và đường lối sinh hoạt, quan niệm văn đề một khác, do đó có bao nhiêu dân tộc là có từng ấy quan niệm thần bí, dẫn đến từng

ấy quan niệm mỹ thuật. Tuy nhiên, nhiều dân tộc vẫn mượn kỹ thuật và bắt chước mỹ thuật của nhau, nhưng họ đã biến đổi đi cho hợp với nhu cầu, với khiếu thẩm mỹ của mình, làm cho mỹ thuật biến ra một sắc thái khác. Chính việc làm biến đổi và dung hòa cho hợp với mình, là một hành động bộc lộ linh hồn dân tộc, ta không thể coi việc bắt chước ấy là một cách cắt đứt với quá khứ.

Âm nhạc của mỗi dân nào tộc phảng phất những âm điệu riêng của dân tộc ấy. Những nhịp điệu đơn giản, chất phác, mộc mạc, phát nguồn từ người dân, do những cảm xúc trước trời đất và nhân tình thế sự, phải trải qua bao nhiêu cuộc đào thải biến hóa mới trở thành những tiết điệu được coi là căn cứ cho sự sáng tác nhạc. Sáu câu vọng cổ, một lời than vãn giải, nã nùng và điệu juyen của sân khấu cổ nhạc, tuy mới được khai sinh vài chục năm nay, từ khi có bài vọng cổ hoài lang, nhịp 4, bắt đầu bằng câu :

Nhời thề xưa sơn hải

Nghĩa nặng ai nữ phối pha...

nhưng đã bắt nguồn từ những câu hát ru em, những điệu hò, hiện nay còn lưu truyền ở Nam-Việt và miền Nam Trung-Việt.

Như thế, một sáng tác âm nhạc có màu sắc dân tộc, là vì đã đúc kết những ý niệm về âm thanh, tiết điệu, phổ biến trong dân chúng, hoặc còn tiềm tàng trong dân chúng.

Trong cái gia tài của ông cha ta để lại có phần gia tài tinh thần là to tát và can hệ hơn cả. Phong hóa, tập quán,

tính tình, đều là di sản của tổ tiên khiến cho thể hệ của chúng ta chỉ là một giai đoạn của dòng sông dân tộc triền miên. Mỗi dân tộc có những lễ thói riêng biệt đề tưởng niệm tổ tiên, chôn cất người chết, dựng vợ gả chồng. Kỷ cương gia đình xã hội đã làm cho mỗi dân tộc có những phong thái khác nhau, những mối cảm nghĩ khác nhau trước cùng một cảnh ngộ.

Thử đặt ba thanh niên Pháp, Việt, Lào, trước cùng một hoàn cảnh : cùng là thanh niên ở nhà quê, nghèo, đang lo lắng sinh lễ đi cưới vợ.

Thanh niên Việt sẽ gửi can trường vào hai câu thơ của Nguyễn Bính :

Ai làm cả gió đất cau ?

Ai làm sương muối cho trâu đồ non ?

Anh ta nghĩ đến nộp, treo, hoa tai, bánh trưng bánh giầy.

Nhưng thanh niên Pháp sẽ nghĩ đến rượu nho, tiền nộp cho nhà thờ làm lễ cưới, đến chiếc « Alliance », đến những cuộc khiêu vũ say sưa dưới ánh trăng.

Thanh niên Lào lại lo ông bố vợ tương lai sắm thêm ruộng đất, vì anh sẽ phải nai lưng ra làm hết, không có thì giờ hút thuốc và thồi khèn dưới cửa nhà người vợ tương lai. Anh ta lấy nhân công làm sinh lễ.

Vậy là cùng một hoàn cảnh đã tạo ra những mối lo nghĩ khác nhau.

Ý thức về sự cộng đồng chung dụng đã bắt rễ sâu xa xuống lãnh vực phong tục, tập quán, tính tình, để tạo ra một đời sống tinh thần chi phối hết thảy mọi người cùng có một linh hồn tổ

quốc, cùng chung một đường lối sống.

Chúng ta nhận thấy bất cứ trên phương diện nào, như tín ngưỡng, phong tục, tập quán, tâm tình, ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật, một dân tộc có những quan niệm tương đồng về chân, thiện, mỹ, khiến cho người ta chỉ có thể làm, cảm, nghĩ, trong khuôn khổ những cái mốc do sự sống cộng đồng đã đặt ra.

Nhận định sự vật như trên, chúng ta có thể đề nghị một định nghĩa như sau :

Dân tộc tính văn nghệ là những ý niệm về tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lễ thói, tính tình, ngôn ngữ. Những ý niệm ấy chỉ đạo và hướng dẫn sự sáng tác, làm cho văn nghệ của một dân tộc có những sắc thái riêng biệt, khác hẳn với văn nghệ của dân tộc khác.

(Còn nữa)

Cô-Liêu

Gió thổi qua thì cỏ rạp xuống.

QUÍ-Khương-Tử hỏi Khổng-Tử về việc chính trị :

— Giết kẻ vô đạo, để người khác ăn ở cho có đạo, thầy nghĩ có nên chăng ?

Khổng-Tử đáp :

— Trong việc chính trị, cần gì phải dùng sự chém giết. Nếu ông muốn thiện thì dân sẽ trở nên thiện. Đức người quân tử như gió, đức kẻ tiểu nhân như cỏ, gió thổi qua thì cỏ rạp xuống.

Và nơi khác, Khổng Tử nói thêm :

— Cổ ngữ có câu: người thiện nối nhau trị nước được trăm năm thì đủ thắng được kẻ bạo tàn và không phải dùng sự chém giết nữa. Lời nói thành thật thay !

★ Người mà chịu được khổ thì việc gì không nổi.

留別全國同胞

N
H
Ớ

Ô
N
G

G
I
À

即仰 廣南 新青年 阮進君惠存

珠訣語



救國存種有志無才今意與國民長辭罪甚乞恕

(ảnh của nhà ANH-MINH)

BẾN - NGỰ

*Cái con sông nhỏ con con ấy
Có thấy chẳng Người-chửa-mỏi-chân...
Trong lúc cuộc cờ đang chuyển nước,
Đành ngồi một xó để ôm cần.*

Bờ sông Trà-khúc,
ngày giỗ Sào-Nam Phan-Bội-Châu thứ 10
(29-10-1950)

NGUYỄN-HỮU-NGŨ

NHÂN NGÀY GIỖ SÀO-NAM

PHAN - BỘI - CHÂU, THỨ 17 :

29 - 10 - 1957

Sào-Nam PHAN - BỘI - CHÂU :

(1867 — 1940)

NGƯỜI ĐẾN HƠI THỜI CUỐI CÙNG « CÒN NẶNG GÁNH GIANG SAN »

PHẠM-HOÀN-MÍ



LÚC lên bảy, tôi vì gia
biến phải sống xa nơi
chôn nhau cắt rún, xa cả
hai thân và đứa em yêu
quí. Tôi ở với bác trai
tôi. Ban ngày, tôi đi
học ; ban ngày bài vở nhà trường làm tôi
bận rộn, song đêm đến, tôi hay mơ màng,
nhớ và mong. Có lẽ bác tôi thấy thế,
lại thấy tôi trần trọc trước khi ngủ,
nên khi hai bác cháu tép mừng xong,
nằm xuống, là người tay thì phe phẩy
chiếc quạt lông chim, miệng lại khe khẽ

ngâm thơ, đọc văn, với cái giọng đặc
biệt Nghệ-Tĩnh mà ba mươi năm sống
ở miền Nam nước Việt vẫn không thay
đổi được chút nào.

Và người bắt tôi lặp lại. Thơ là một
đoạn Kiều, đoạn nói về người họ Từ tên
Hải. Văn là một bài văn tế, bài văn tế của
cụ Sào-Nam khóc cụ Tây-Hồ. Chẳng
bao lâu, tôi thuộc lòng bài văn tế này,
cũng như đoạn Kiều nọ. Phải chăng
bác tôi muốn cho hồn măng sữa của tôi
thấm nhuần chút gì của quê nội xa xôi
mà tôi chưa biết.

Tôi cũng chưa biết gì về hai nhân vật lịch sử kể trên, cũng như về cái hay của áng văn bất hủ nọ. Tôi chỉ cảm mơ hồ rằng hai người đó họ thương nhau nhiều, thương nước lắm, và có những câu đã rung động hồn tôi sâu, đậm, mặc dầu tôi chỉ hiểu rất mơ hồ, hay chẳng hiểu gì hết.



« Than ôi !

« Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nợ kếm thua hơn được, ngó non sông thêm nhớ bậc tiên tri,

« Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét hơi đau lòng hậu bối.

« ...Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đau áo mao xuềnh xoang.
« Thói nhà chăm việc bút nghiên, giấu mặt anh hào, khi tạm cũng khoa trường đeo đuôi.

« ...Dọc ngang trời đất, rực vẻ văn minh,

« Tức tối nước nhà, cam đường hủ bại.

« Cá chậu chim lồng vơ vẩn thế, áng công danh thôi vứt lối tầm thường.

« Rong mây cợp gió lạ lòng thay, miền thanh khí thử hô người trung ngoại.

« ...Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần Tự do đã dùng đình về đây,

« Bạn người Việt với thầy người Tây, ma Chuyền chế dám dùng dằng ở mái.

« Nào hay :

« Trời đã éo le,

« Người còn quỉ quái,

« Chứa chan máu quốc, nước vắn vơ hồn,

« Xao xác canh gà, trời mờ mặt tối.

« ...Thành Hà-nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào người chống thuế, chữ âm mưu tô vẽ đủ trăm đường ;

« Đảo Côn-lôn rục rục lửa oan cừu, thấy người yêu nước, thấy kẻ thương dân, to xướng loạn dệt thêu ra một mối.

« ...Trước mặt nào ai hơn hở, thấy ngựa xe luống ngằn ngoa chiều,

« Bên tai những tiếng kêu oan, nghe sưu thuế càng ngao ngán nổi.

« ...Anh em ta.

« Đất rế đôi đường,

« Tình chung một mối.

« ... Gánh tồn vong ai cũng nặng nề,

« Nghĩa chung thì lòng càng bối rối.

« Sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đang lúc cheo leo,

« Mây mù muôn dặm đất xa khơi, dấu ngựa nhờ ai dung ruồi.

« ... Thương ôi !

« Bề bạc còn tro, trời xanh khó hỏi.

« Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào,

« Tấc dạ dám thề cùng sông núi... »



Và tôi tự hứa với tôi, sau này, thế nào cũng tìm hiểu người sống khóc người chết một cách lâm li, tìm hiểu bài văn tế nọ. Ba chục năm qua, bài văn, tôi có thể nói rằng đã hiểu, song người làm bài văn kia, tôi nào dám bảo rằng mình đã hiểu. Nay nhân ngày giỗ Người — ngày 26 tháng 10 dương lịch—

tôi nói đến Người, biết đâu lại chẳng phụ Người, biết đâu lại chẳng nói được điều chi. Nhưng ngậm miệng, thì lòng như ấm ức, ấm ức vì chưa trả được món nợ tình thần, một món nợ chẳng ai đòi, một món nợ mà người trả lại lo mình thêm nợ !



Người yêu nước

« Thét to Mông-cổ kinh rơi dầu,
« Oai giữ Hồ, Ngô chạy mất mông,
« Dài hơi cao liêng kém ai dầu,
« Bắc Tàu, Tây Xiêm vang sấm động.
« Phun mưa, thời sóng mấy ngàn năm,
« Uy thanh lừng lẫy mãi trời Nam »

(Kỷ niệm báo « Tiếng Dân » đầy năm)

Người chào đời khi vận nước đến hồi nghiêng ngửa (1867), vừa đúng năm năm miền Nam nước Việt bị lọt vào tay thực dân Pháp-lan-tây ; Người từ biệt cõi trần (1940) lại đúng năm năm trước mùa Thu toàn dân cùng chỗi dậy lật một lần hai chế độ lỗi thời : đế quốc tư bản và phong kiến quan liêu. Đời Người nằm gọn lỏn trong « tám mươi năm sống đời tối tăm » của Đất Nước. Đời Đất Nước đầy đầy cay đắng, thì đời Người cũng chưa chút đến ghen ngào.

Có những người mà đôi chi tiết trong đời như là tiền định. Người sanh ra là nước bắt đầu mất, chỗ người sanh lại là nơi Mai-Hắc-đế chống không lại quân nhà Đường, chạy vào núi, rồi chết luôn ở đó.

Tình yêu dân tộc nồng nàn, tình thần bất khuất luôn luôn sáng tỏ, rồi « Việt điều sào nam chi », thất bại này đùn thất bại khác, khiến sau này, cá chậu chim lồng, Người đã thở ra :

« Than ôi ! lịch sử tốt mà có gì ! chỉ là một bộ lịch sử hoàn toàn thất bại ! Chân trời góc bể gần ba mươi năm, vì tôi liên lụy mà kẻ chết người tù, họa tràn quận quốc, độc trôi đồng bào, thường nửa đêm vô ngực, quết mắt trông trời hơn hai mươi năm sa đà, trông râu mày mà then hồ, ngóng trông những anh hùng vô danh là ai đó, khao khát biết bao nhiêu ? » (1) :

Nhưng nếu con Tào bắt Người sống lại cái đời thất bại, thì Người chẳng chối từ, vì chính Người công nhận rằng :

« Xưa nay những thời đại đỉnh tắn cách cổ vừa đụng nhau, quét bụi lông đồng, lừng có người nào không thất bại, mà thành công rư ?

« ... Anh em chúng ta nếu xem ở cái gương thất bại trước mà gấp lo tìm cách cải lương, sẽ mở một lối thành công sau, vạch đường tẩn tưởi, ở trong muôn cái chết mà tìm ra một đường sống, ở sau chín lần gãy cánh mà định bài thuốc hay ; cơ sự mật thì không giấu đầu hở đuôi, tâm chí đồng sẽ gây nên rửa máu.

« Sách Tây nói : « Không lấy máu người rửa máu người thì không cải tạo được xã hội », « Thất bại là mẹ đẻ thành công », thiệt đúng.

« Thế thời Phan-Bội-Châu lịch sử, há không phải là gương xe trước cho người sau sao ? » (1)

Nên chi, bị bạn bè thôi thúc nhiều phen, Người tự tay ghi lại đời mình, và viết xong, Người thấy nhẹ nhõm phần nào, hạ hai câu tuyệt bút :

« Hậu tử thường đa tân tuế nguyệt,
« Tiền trình bất thị ác phong vân »

(1) Tự quyền « Tự phán »

mà cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đã dịch :
*« Lốp trẻ còn nhiều năm tháng mới
 « Đường sau chả phải gió mưa ròng ».*

Con cháu nhờ những bậc tiền bối mở đường khai lối mà đỡ gian lao, nhưng đời Người thì gió mưa biết mấy.

Khi mười chín tuổi, hường ứng chiếu Cần-vương. Người đã cùng bạn thiết lập thành thí sinh quân, và toan bạo động lúc quân Pháp sắp vào thành Nghệ. Một tấm lòng son, một bầu nhiệt huyết, chưa đủ. Thí sinh quân tan rã vì quân Pháp khủng bố ráo riết, và bao vấn đề sống chết không giải quyết được : lương thực, khí giới...

Con cuồng phong đang thời khốc liệt, chút cây con đành phải nghiêng đầu. Song Người chẳng như ai một mình một gối, tuyên bố với chung quanh :

*« Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,
 « Chờ khi thấy máy sẽ ra tay... (2)*

Người đề mười năm chuyên lo dạy học dặng un đúc đám con em, rút kinh nghiệm đông tây kim cồ, liên kết với các bậc anh hùng chí sĩ, tuyên truyền tư tưởng cách mạng... Rồi một khi cơ hội đến, là con chim Việt ấy rời bỏ núi Hồng sông Lam để bay cùng non nước.

Và từ đó — từ năm Người ba mươi mốt tuổi — hết vào Nam, lại ra Bắc, bao gặp gỡ, bao thấy nghe, cùng bàn cãi, nghiệm suy càng nung chí Người lên cao mãi. Và bao bạn đường với Người kết chặt mối đồng tâm mà lịch sử tranh đấu giải phóng giống nòi dành những trang xúng đáng :

Tiêu-La Nguyễn-Thành, Kỳ-Ngoại-hầu Cường-Đề, Hi-Mã Phan-Châu-Trinh, Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiến,

Tập-Xuyên Ngô-Đức-Kế, Minh - Viên Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-Quý-Cáp, Tăng-Bạt-Hồ, Hoàng-Hoa-Thám, Thái-Phiên, Trần-Cao-Vân...

Người lúc đầu tưởng bọn quan trường còn ít nhiều tâm huyết, bèn dùng ngòi bút vẽ lại cảnh nước nhà tủi nhục, nợ thiêng liêng của kẻ sĩ, bồn phận mở mang trí thức cho dân..., song tiếng Người rơi vào sa mạc. Sau này, trong *« Ngục trung thư »*, người nhớ lại mà uất hờn cuộn cuộn :

« Ruột gan của họ, chỉ biết có sự phú quý của thân họ. Trước việc, thì họ chỉ ngồi ngó tới thành bại ; sau việc, thì họ lựa sống theo chiều. Nay ta mạo hiểm dãi bày tâm sự với họ, nhưng thật không chỗ nào trông cậy họ được. Tôi luống thẹn mình kém phần trí sáng, chẳng có tài làm cho tượng đá biết gột đầu, rồi càng nghĩ, càng ăn năn trước kia mình tư tưởng lợi dụng quan trường thật là bá láp ».

Tiếng Người rơi vào sa mạc, là đối với phường giá áo túi cơm kia, chớ đối với những người thương nước thương dân, thì đó là tiếng còi báo động chân thành, đã qui tụ được những bậc chí sĩ còn ăn dật, còn đợi chờ. Ấy mới biết :
*« Có đi ra Bề xem triều Nước,
 « Mới biết muôn Sông đổ một Lòng... » (3)*

Hồ hào trong nước đã có đồng chí tiếp tục, Người lãnh sứ mạng ra ngoài đề vận động ngoại giao, đề mua khí giới, mở màn cho cuộc Đông du. Bài thơ khải chiến lúc lên đường (1905) đã

(2) Thơ Phan-Văn-Trị

(3) Thơ Thám-Tám

nêu cao một tấm lòng và một chí lớn :
 « Sinh vi nam tử yếu hi kị,
 Khảng hứa càn khôn tự chuyển di.
 Ư bách niên trung tu hữu ngã,
 Khi thiên tải hạ cách vô thù.
 Giang san tử hỉ sinh đồ nhuế,
 Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.
 Nguyên trực trường phong Đông-hải khứ,
 Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi. »

Đào-Trình-Nhất dịch :

Khác thường bay nhảy mới là trai.
 Chẳng chịu vắn xoay mặc ý trời !
 Trong cuộc trăm năm đành có tớ,
 Rồi sau muôn thuở há không ai ?
 Non sông đã mất, mình khôn sống,
 Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài.
 Đông-hải xông pha nường cánh gió,
 Nhìn làn sóng bạc múa ngoài khơi.

Rồi suốt hai mươi năm trời, « một bầu
 nhiệt huyết, tưới ra khắp Hoàn-tân,
 Bắng-cốc, Thượng-hải, Yên-kinh ». Trên
 bước đường bôn tẩu ở hải ngoại, tâm
 nào lúc nào cũng như dầu sôi sục sục
 ấy, cũng có đôi khi Người dừng bước,
 hướng về quê cha đất tổ, ngùi ngùi khi
 nhận được đôi bài thi của nhà thơ sông
 Vị hay hăng hái thiết hơn về một lối
 đi với chí sĩ Tây-Hồ.



Mấy năm vượt bể lại trào non,
 Em hỏi thăm qua bác hãy còn.
 Mái tóc giáp-thần đà nhuộm tuyết,
 Diêm đầu canh-tí chữa phai son.
 Vá trời gặp hội mây năm về,
 Lấp bề ra công đất một hòn.
 Có phải như ai mà chẳng chết,
 Dang tay chống vững một càn khôn !



Ta nhớ người xa cách núi sông,

Người xa, xa lắm, nhớ ta không ?
 Sao đương vui vẻ ra buồn bã,
 Vừa mới quen nhau đã lạ lòng.
 Khi nhớ, nhớ cùng trong mộng tưởng,
 Nỗi riêng, riêng đến cả linh chung.
 Tương tư lạ phải là trai gái,
 Một ngọn đèn xanh, trống đêm thung !



«... Nước ta mấy ngàn năm, bấy
 giờ ai đã biết thuyết dân chủ là gì,
 nay bỗng nhiên mọi người trở mắt
 nhìn và ùa chạy theo những lý thuyết
 đang khát vọng ấy.

« Nhưng thưa Đại-huynh, trình độ
 nhân dân Việt-Nam hãy còn ấu trĩ, như
 răng chưa cứng, chân chưa mạnh, nếu
 sử dụng mà nhai, mà đi, thì sao
 đang nổi.

« Nhân dân Việt-Nam so với Âu-
 Mỹ hãy còn kém họ xa lắm, như người
 còn đau, đang đau nổi gánh nặng.
 Nhân dân ngu muội đói khổ, nay mình
 đem những lý luận cao siêu mà áp
 dụng, không sao tránh được những
 việc lảo đảo ngã nghiêng... » (4)



« Vượt vọt cõi gió, lướt búa nào hề,
 « Nắm mặt nằm gai, gió sương bao quản.
 (Văn tế cụ Nguyễn-Thượng-Hiền)

(4) Trích thư gửi cụ Phan-Châu-Trình, mở
 đầu : « Hi-Mã huynh ông nhà giám ». Nhà xuất
 bản Anh-Minh sao lục bức thư này ở phần phụ
 lục cuốn « Tự phán », di cảo cụ Sào-Nam, có
 ghi : ngày 9 tháng 10 năm Kỉ-tị (1929) ; ông
 Kiên-Đạt, trong quyển « Luận đề về Phan-Bội-
 Châu », có trích lại một đoạn, cũng ghi « thư đề
 ngày 9 tháng 10 năm Kỉ-tị (tức năm 1929).
 Chắc là sai. Vì cụ Phan-Châu-Trình mất ngày
 24-3-1926. Có lẽ thư ấy viết vào năm Kỉ-dậu, tức
 năm 1909.

Nắm mặt năm gai, song rớt cuộc đã
tràng xe cát. Đề một ngày kia của tháng
7 năm 1925, tại Thương-hải, thực dân
Pháp khép lại cuộc đời hoạt động cách
mạng của người mà

« Chân không, sao muốn đá trời,
« Tay không sao muốn lấp vời đời non ? »

Chánh phủ bảo hộ Pháp có ngờ đâu
phiên nhóm của Hội-dồng Đề hình ngày
23-11-1925 xử án « tên phiến loạn Phan-
Bội-Châu » lại là ngày châm ngòi cho
phong trào yêu nước mãnh liệt bùng lên
chưa bao giờ thấy. Kiến nghị tấp tểi bay
đến Toàn quyền Đông-Pháp, đến Thương
thur bộ Thuộc địa, đến Tổng thống Pháp,
đến Tòa án quốc tế công pháp, đến cả
hội Vạn-quốc. Báo chí phản đối ầm - ỉ,
dư luận xôn xao, ở trong nước cũng
như ở ngoài nước. Không một người
Việt nào mà lãnh đạm, thờ ơ được.
Cá nhân Phan-Bội-Châu không còn nữa,
mà chỉ còn nhà cách mạng Sào Nam,
tượng trưng cho tình Yêu-nước.

Và tình Yêu nước ấy có thể nói kết
động nơi một nhà nho, ông Nguyễn-Khắc-
Doanh, tục kêu là Tú Khắc, người
Nam-dịnh, đã xin chịu chết thế cho
Người. Năm năm sau, chính Người lại
xin chết thế cho ba người chiến sĩ
lao động : Thâu, Thạch, Tạo ; sau đây
là bức điện tín đánh cho nhà cầm
quyền Pháp :

« Kính gửi quan Toàn quyền
Đông-dương.

« Xin ngài cho thi hành án tử hình
« kết Phan-Bội-Châu năm trước, hoặc
« tha cho ba ông Tạo, Thâu, Thạch.
Xin cảm ơn Quan lớn.— Phan-Bội-
Châu ».

Viên Biện-lý xin cái đầu của người
chí sĩ ấy, thì Tòa án Bảo hộ ban cho
cái án khổ sai chung thân. Đáp lại, toàn
thể dân Việt đều đứng lên, khiến Toàn
quyền Alexandre Varenne phải ký nghị
định ân xá và hạ lệnh tha ngay người.
Đó là ngày 24-12-1923, ngày lịch sử.

Ông già bến Ngự

« Những ước anh em đầy bốn biển,
« Ai ngờ trắng gió nhốt ba gian. »

Biết bao chua xót nằm trong hai câu
thơ này của bài thơ cuối cùng Người gửi
lại quốc dân trước khi từ già cõi trần.

Hai lần toan ra Bắc không thành, một
chuyến quyết vô Nam chẳng kịp, Người
như đành phận với con sông Hương.
Đành phận là một cách nói, chứ người
chiến bại ấy không hề nuôi tình thần
chiến bại.



« Ngô lác đác mưa, trúc hiu hiu gió,
« Lan ủ màu xanh, phong phơi lá đỏ...
« Đài Ngô lấp ló dấu hươu nai, cờ phất
phới lá vàng thêu mấy sắc,
« Bến Sở lơ mờ tắm vượn hạc, hồn tê
mê suốt đỏ khóc bao hồi.
« Tháp Chiêm-thành thuở nọ chốc tro tàn,
« gương hưng phế ngàn thu ghê gớm, »...
(Bài phú Hương-giang thu phẩm).



Người không thể đến được ai, thì
ai đến Người, Người không câu nệ.
Tín đồ của Thiên-chúa-giáo hay của
Cao-dài-giáo, của đạo Phật hay đạo
Tin-lành, Người đều chân thành đón
tiếp, luận bàn,

Tác giả « Giọt lệ thu », khoảng năm 1933, có ghé thăm Người, và cuộc gặp gỡ, rồi chia tay ấy còn được ghi lại trong bốn bài thơ xướng họa dưới đây : (5)

Duyên thơ

Cụ Phan-Bội-Châu

tặng Trương-Phổ nữ sĩ

Cái nợ cầm thi mới trả xong,
Khi vui bút mực cũng mây rồng.
Tưởng là rồi kiếp cùng trời đất,
Đâu nghĩ còn duyên với núi sông.
Mở cửa gió lùa thông họa vận,
Cuốn rèm trăng gội nước soi lòng.
Đàn Nha may gặp Chung-Kì gái,
Muôn thuở Hồng-Lam với Tản-Hồng.



Bài họa của Trương-Phổ nữ sĩ

Ngày tối, đường dài, việc chữa xong,
Biển Đông, rồng đã cuốn vẩy rồng.
Dạ hồn quên nghĩ cùng năm tháng,
Máu nóng còn sôi với núi sông.
Giọt lệ năm canh ngâm khóc nước,
Tắm thân bốn bể nguyện theo lòng.
Anh hùng sá kể chi thành bại,
Vẫn nhớ ngành Nam tổ Lạc-Hồng.



Cụ Sào-Nam tiễn Trương-Phổ nữ sĩ

Vừa bắt tay nhau đã rẽ tay.
Duyên thơ, nợ bút hãy giàu ngày.
Ai về nhắn với mây Tam-đảo :
Gió Bắc đe Nam thôi nhận bay,



Bài họa của Trương-Phổ nữ sĩ

Sông Hương ngơ ngần buổi chia tay,
Lời ước tròng lai khó hẹn ngày.
Hoài bão lớn lao xin chúc Cụ,
Cánh bằng muôn dặm lại cao bay.



Ít khi mà ta được dịp thưởng thức những bài thơ của Người mà thời thế chẳng lưu lại chút gì.

Một ả chèo đồ nào đó, lướt ngang chiếc thuyền Người buộc gốc một cây sung, đã véo von :

« Ăn sung nằm gốc cây sung,
« Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm »,
khiến Người xao xuyến tấm lòng mà có bài thơ đề lại :
Thời thế xui nên giả vợ chồng,
Lấy anh chưa để đã nằm chung.
Ừ chơi cho nó toi đồng bạc,
Há đề cho ai mếu má hồng.
Cười gượng lắm khi che nước mắt,
Khóc thầm vì nỗi khác hai lòng.
Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,
Thỏa ihuận cùng nhau tát bể Đông.

Nhưng con đồ như buộc chặt tấm tình già chẳng phải là lúc nào cũng có dịp cởi mở. Có lần chẳng biết ai đã dạy một em bé hò :

« Thái-bình-dương gió thổi,
« Chiếc buồm em trôi nổi tựa cánh bèo...
« Sao không ra giúp chống đỡ chèo,
« Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền ? »

Nằm queo trong thuyền, chính là Người rồi, nhưng Người có phải là anh hùng không, thì hẳn là Người không dám tự nhận.

Phải bó gối ngồi một nơi, Người buồn cho kiếp sống thừa của mình biết mấy.

« Sống xác thừa, mà chết cũng xương tan,
« Cầu tâm sự gởi chín ngàn cá biển ».

Nợ nước kiếp này chưa trả trọn, dám đâu gánh thêm cái nợ đồng bào.

(5) Chúng tôi xin cảm ơn bà Trương-Phổ đã vui lòng cho chúng tôi công bố mấy bài thơ này.

Nên dạo 1935, trên vài tờ báo trong Nam, người ta được đọc lời quảng cáo sách như sau :

Một cuốn sách nên xem

Về ước gần 10 năm nay, sự sống của cụ Phan thường được đồng bào quốc dân đề ý tới, nhưng ngày nay coi chừng cụ không muốn phiền anh em nữa nên cụ giao cho M. Hồ-Hữ-Nhã, chủ tiệm

« THANH-THANH »,

lo xuất bản thi văn của cụ đăng bán lấy tiền lời giúp vào sự sống. Trong cuốn SÁO-NAM VĂN TẬP có trên 150 bài vừa vận văn tản văn, đều là tác phẩm có giá trị đặc biệt. In khéo, giấy tốt, bìa đẹp, giá bán 0đ.50. Mua sỉ mua lẻ, xin do THANH-THANH, 120 Boulevard de la Somme, Sài Gòn.

(Tuần báo « Sống », số 5, ngày 26-2-1935)

« Lời cảm tạ đồng bào toàn quốc » cho ta thấy nỗi lo canh cánh của Người :

« ... Đồng bào còn chẳng bỏ tôi, cho tôi ăn, cho tôi mặc đã đành, mà lại mấy năm gần đây, tôi đau ốm luôn luôn, cơ hồ với đồng bào vĩnh biệt, may nhờ đồng bào quá ái, kẻ cho thuốc, người cho tiền, thân tàn đến nay còn phiền lụy đến đồng bào, kẻ kêu rêu ở mặt báo, người quyên mộ ở nơi nhân gian, hết sức lo sự sống cuối cùng cho tôi (...)

« Từ ngày nay trở về sau, xin nhất thiết đồng bào, ai có lòng thương tôi, xin chỉ thương tôi ở mặt tinh thần, chớ thương tôi trên đường vật chất ; xin giúp cho tôi sống về phần chủ nghĩa, chẳng cần gì giúp cho tôi sống về phần xác thịt (...)

« Nói tóm lại, tôi hi vọng với đồng bào, từ ngày nay về sau, xin nhờ đồng bào nuôi giúp tinh thần cho tôi, còn như xác thịt của tôi, dầu sống hay chết, nếu đồng bào quá thương mà cung cấp cho những giống vật chất ở khi sống hay khi chết, thời tôi xin chịu tội với đồng bào, tôi không dám thừa nhận.

Lòng sâu vô hạn, lời cạn hữu cùng. Chỉ bấy nhiêu, xin đồng bào dám lượng ! »



Cái sầu nước mắt, cái tủi sức hèn, nỗi lo làm phiền muộn đồng bào, và sức khỏe mòn hao... đã hơn một lần khiến người nâng bút.

Nhưng trong các bài thơ sau cùng Người để lại, không có bài nào bộc lộ bao nhiêu tình tiết ấy — lại thêm pha vị hài hước, lẫn mùi đắng cay — cho bằng bài « Tạ lỗi cô men », mà tiếc thay, chúng ta không được thưởng thức trọn vẹn, vì có bốn câu bị kiểm duyệt.

Tạ lỗi cô men

Mình từ tráng niên,
Mắc bệnh uất phiền,
Nỗi lo trời sụp,
Nỗi tủi sức hèn,
Tắm thân góc bể,
Chiếc bóng bên đèn,
Nhiều khi buồn quá,
Cơ hồ phát điên.
Tìm phương giải uất.
Đụng gập cô men,
Bên hồ trước chén,
Địa đảo thiên diên.
Vừa ngâm vừa dốc,
Độc thành độc hiên,

Từ đó với cô,
Riu rít tình duyên.
Hễ nghe cô tới,
Kì lạc vô biên.
Nhưng khổ yêu cô,
Tất phải sẵn tiền,
Tiền còn, cô tới,
Tiền hết, cô quên,
Vì có như thế,
Mình khó lưỡng tuyền.
Muốn được lòng cô,
Sự tiền phải lo.
Mà sự lo tiền,
Lại càng cay co.
Trời ách thẳng ngu,
Túi vẫn không xu.
Gần đây mấy tháng,
Trong túi càng khô.
Thần tiền tránh xa,
Có men vắng nhà.
Ma sầu riu rít.
Như ngần như ngơ.
Trên trời dưới đất,
Trơ một mình ta.



Nghĩ cho ra chước,
Tình xuôi tình ngược,
Hạn định mỗi ngày,
Cúng cô hai giắc.
.....
.....
.....
..... (6)
Dầu hai chục xu,
Há phải dễ được,
Chỉ vì cô men,
Lũy hồn lũy xác,
E phải tuyệt giao,
Vội cô men trước,

Thương cô vẫn thương,
Không tiền chịu ác.
Tuy nghĩ thế thôi,
Nhưng còn bồi hồi,
Là sợ ma sầu,
Rình lên hôm mai,
Bỗng dẫu ngửng mặt,
Thấy trước cửa ngoài
Có ông áo đỏ
Đất cô tới nơi.
Cô trông thấy mặt,
Liên tùm tùm cười,
Rằng : « Anh với em,
Trót bấy nhiều năm,
Nồi cay nồi ngọt,
Khi dùng khi nằm,
Anh thương vợ vò,
Em vẫn chăm chăm.
Gân anh quá yếu,
Vị em mới hùng,
Huyết anh quá trệ,
Nhờ em mới thông,
Thành sâu dây mấy,
Em phá cũng xong,
Bề sâu sâu mấy,
Em lấp như không,
Công em vẫn nặng,
Tình em lại nồng,
Anh toan quyết tuyệt,
E anh chết lòng.
Chỉ hai giắc bạc,
Hữu thi vô chung,
Nhẹ tình trọng bạc,
Há giống Tiên-Rồng,
Còn trời còn đất,
Còn núi còn sông,
Bĩ rồi phải thái,
Truân rồi liền phong.
Xin em với anh,

(6) 4 câu này bị xóa bằng mực đen nhà in

Tình nghĩa trọn vòng
 Thử đem tình nghĩa
 Cân với bạc đồng,
 Bên thời núi Thái,
 Bên thời lòng hồng,
 Nặng bạc bỏ tình,
 Anh nghĩ đáng không ?
 Xin em với anh
 Đến ngày cuối cùng,
 Thuyền tình xe nghĩa,
 Vào nhà Đại đồng »,
 Cô kẻ mấy dòng,
 Minh giác ngộ hung.
 Bắt tay cô vào,
 Vỗ về đập hồng,
 Suốt đêm dốc chén,
 Vira trời rụng dòng,

(Tuần báo « Văn-lang », số 10,
 ngày 29-9-1939)



Đời của Dân tộc mà được thấy cảnh
 rạng đông, thì Người cũng đã góp một
 phần xứng đáng.

Người góp phần bằng một thanh gươm
 với một lá cờ, mặc dù thanh gươm kia
 vừa ra khỏi vỏ, lá cờ kia vừa bay phất
 phới chẳng được bao lâu ; Người góp
 phần bằng những lời hô hào thống thiết
 từ hải ngoại bay về, bằng những phen
 vận động đó, đây, bằng cuộc sống âm
 thầm mà thanh bạch bên bờ Hương-
 giang lơ lửng.

Một người sẵn bầu máu nóng, sẵn
 tánh can cường, luôn luôn hiếu động, mà
 đành chịu cảnh « trắng sĩ năm co », nhất
 động nhất tĩnh đều bị dìm bị ngó, thì
 bức bối và xót xa thế nào ! Mặc kệ
 chuyện đời, hay « lấy gió mát trắng thanh
 kết nghĩa, mượn hoa đàm đuốc tuệ làm

duyên », thái độ đó, nếu Người có, thì
 quốc dân cũng hiểu cho Người. Nhưng
 không. Tấm lòng ưu ái với non sông
 vẫn không lúc nào phai được.

Người sống trong cảnh bó gối,
 nhưng người chẳng chịu bó tay.

Năm ba bài thơ văn đăng ở các báo trong
 Nam ngoài Bắc, năm bảy bài báo in
 trên « Tiếng Dân » ở Trung, lúc nào
 cũng trước sau như một. Bao sớ đặc trong
 Nho học, bao kinh nghiệm trong trường
 đời, Người lần lượt dãi bày lên giấy.

« Luân lý vấn đáp, Lời gia huấn, Nam
 quốc dân tu tri, Nữ quốc dân tu tri, Cao
 đẳng quốc dân, Châu dịch quốc văn
 diễn giải, Khổng học đăng, Tự phán... » :
 bao tác dạ trải bày cùng Sông Núi.

« Chớ đem thành bại luận anh hùng ! »
 Câu dặn dò này, kẻ đương thời cũng như
 phùng hậu tấn thường hay đem ra đề
 ngửa những ai chỉ chú trọng đến kết
 quả trước mắt, mà quên lung ảnh hưởng
 về sau hay hoàn cảnh lúc bấy giờ. Nhất
 là đối với Người đã nhận rằng lịch
 sử đời mình chỉ là một bộ lịch sử hoàn
 toàn thất bại, lời dặn dò kia lại càng
 cần thiết hơn đối với ai.

Thế mà chẳng khỏi có đôi người,
 đôi đoàn thể, may mắn thành công trong
 một giai đoạn nào đó, vội vàng lớn tiếng
 chê bai những kẻ đi tiên phong đã ngã
 quỵ trên đường cứu dân cứu nước, và họ
 lại cho họ là giỏi, là đi đúng đường
 đúng lối, hành động có kế hoạch hẳn
 hoi, có chủ nghĩa vững chắc, có người lãnh
 đạo tài ba vân vân và vân vân... đề mà,
 hỡi ơi ! « tranh công đầu ».

Họ là những kẻ quá tự phụ, nên
 mù quáng, hóa vô ơn, thành bội nghĩa.

Có bao thất bại, lỡ lầm, thiếu sót của người đi trước, kẻ đến sau mới lấy đó làm gương mà đi lần tới thành công chắc chắn. Việc giải phóng dân tộc là việc lâu bền, liên tục, chẳng khác nào một cuộc chạy đua tiếp sức. Ti như phù sa vừa bồi thì có lớp cây mầm mọc trước đặng « làm vật hi sinh » : làm cứng đất bồi, để lớp tràm, lớp đước, lớp bần kế tiếp biến dần vùng sinh lầy thành đất phì nhiêu sẵn sàng tiếp nhận lưỡi cày khai thác.



« Sóng bạc mây vàng chen sắc đỏ, mưa
 Âu giò Mỹ cuốn trời Nam.
 « Mời gì hay, càng mời càng làm, dẫu
 núi đồi sông nhào ta chẳng quản ».
 (Tự Tân)

Hơn ai hết, Sào-Nam Phan-Bội-Châu đã thấy trước cái vai trò bạc bẽo của mình, vai trò của những ai « chân không sao muốn đá trời, tay không sao muốn lấp vơi đời non ». Nhưng gặp lúc chẳng thể chờ đợi nữa, cần khua quốc hồn, cần thức tỉnh dân tình, thì hành động đi, rồi may gặp thời cơ..., thành công nào đợi kẻ khoan tay. Thay vì nằm nguyên rửa bóng tối, thay vì ngồi mong đợi bình minh, Người đã thắp lên một ngọn đèn giữa trời nước mịt mù, rồi đi.

Tấm lòng chí thành đối với nghĩa cả, tinh thần bất khuất đối với cường quyền, giữ trọn tiết tháo của người yêu nước, bao đức tánh ấy cũng đủ làm cái gương sáng chói trong lịch sử giải phóng giống nòi. Chúng ta càng cảm động khi thấy, đến hơi thở cuối

cùng, tấm thân già của Người « còn nặng gánh giang san ». Người đã kết bài thơ sau cùng của Người, bài thơ « Gởi phượng hậu tử », với một niềm tin ở lớp đến sau :

« Nay đương lúc tử thần chờ ngoài cửa,
 « Có vài lời ghi nhớ đề về sau.
 « Khuyên đàn hậu tử tiến mau »...

Và hôm nay, 29 tháng 10 năm 1957, kỷ niệm ngày người mất, thứ 17, ta ngậm ngùi nghĩ đến bầu nhiệt huyết của Người đã phải « vùi xuống cừu nguyên còn đóng cục », nhưng nỗi ngậm ngùi này cũng vơi được phần nào khi ta nhớ đến lời một chí sĩ vô danh, người Hà-tĩnh, khóc Người :

« Sống vì nước hân thác đành vì nước,
 luồng khí tinh anh khôn dứt, phá Tam-giang muôn trượng thét ầm ầm ;

« Đá thành bia mà miệng cũng thành bia,
 trăm năm ảnh hưởng còn truyền, đỉnh Thiên - nhận nghìn trùng trông vọi vọi ».

PHẠM-HOÀN-MĨ

Hộp thơ Bách khoa

— Ông Trúc-Linh, Đà-lạt. Đã nhận được thơ dịch của ông. Xin gởi thêm cho các bài khác,

— Ông Lam-Giang : Trân trọng xin cho biết địa chỉ để chúng tôi tiện gởi bưu phiếu.

— Ông Nguyễn-Tử-Quang : Đã nhận được các bài của ông. Những bài trước chúng tôi đương xem và sẽ đăng trong những dịp thích hợp với các bài đó. Bài sau cùng ông gởi tới đề tài khô khan quá. Mong đợi những bài khác hấp dẫn hơn.

Ông Nguyễn-xuân-Lan KBC. 4079 : xin cho biết địa chỉ hiện thời.

— Ông Phùng-Bá-Khanh, : Trân trọng xin cho biết địa chỉ của ông, để chúng tôi tiện gởi bưu phiếu.

KẾ HOẠCH MARSCHALL

HUỲNH-ĐỨC-QUANG

Đang khi hội nghị Colombo nhóm họp ở thủ đô Sài Gòn, chúng ta nên tìm hiểu một kế hoạch khác quan trọng hơn, bao quát nhiều vấn đề hơn, cả về phương diện kinh tế, chính trị, lẫn quân sự. Đó là kế hoạch Marschall.

Khi viết bài này, chúng tôi không muốn tuyên truyền ủng hộ, hay phản đối một nước, một dân tộc nào. Chúng tôi chỉ muốn trình bày theo tính cách lịch sử, theo phương diện khách quan hoàn toàn. Dù muốn dù không, kế hoạch Marschall đã thành lập và đã là một sự kiện lịch sử, chúng ta cần tìm hiểu nó cũng như tìm hiểu các vấn đề quan hệ khác có liên lạc với đời sống nhân loại.

Tác giả.

NGUYỄN NHAN THÀNH LẬP KẾ HOẠCH MARSCHALL.



GUYÊN nhàn thành lập kế hoạch Marschall rất phức tạp và mờ ám, nhiều khi còn mâu thuẫn nhau. Muốn

xét một cách khách quan và rõ ràng,

chúng ta phải xét kế hoạch Marschall dưới hai quan điểm: quan điểm Âu-châu và quan điểm Mỹ-quốc, vì mỗi quan điểm có mối trọng hệ riêng và nhằm vào những mục tiêu khác. Chúng tôi xin xét từng quan điểm một. Sở dĩ tôi không nói đến quan điểm Á-châu, vì kế hoạch Marschall lập ra cho Âu-châu và vì Âu-châu, mục

địch đề chấn hưng nền kinh tế các cường quốc bị tàn phá vì trận đại chiến thứ hai.

A — Quan điểm Âu-châu.

Trong bốn năm chinh chiến 1914-1918, cả Âu-châu bị thiệt hại, kỹ nghệ bị bom đạn thiêu hủy, tài sản của tư nhân cũng như của quốc gia đã kiệt quệ. Số nhân công cũng bị hao hụt, vì chiến tranh đã tàn sát hằng triệu sinh mệnh đủ mọi hạng người, và còn để lại cho xã hội những lớp người tàn tật, ốm yếu.

Nhưng chợt khi thoát khỏi nạn can qua, các cường quốc đều cố gắng sản xuất, sản xuất thật nhiều, sản xuất hầu như một cách vô trật tự. Cố sao bán để thu nhiều lời lãi, chẳng cần xét đến hiệu quả trên phương diện kinh tế. Cả các tân quốc gia mới dành được độc lập, cũng cố gắng sản xuất về mọi phương diện, để tự túc tránh sự nhập cảng quá mức, làm hao hụt ngân sách quốc gia. Thị trường trở nên hiếm hoi, hàng hóa ứ đọng lại. Người bán nhiều hơn người mua. Mãi lực sút hẳn xuống. Cuộc khủng hoảng bắt đầu, rồi mặc dầu mọi biện pháp cấp bách được các nhà cầm quyền đem ra thi hành, nó vẫn trầm trọng không phương cứu chữa cho tới ngày chiến tranh bùng nổ, và lan rộng mãi ra, gây nên trận đại chiến thứ hai.

Âu-châu là chiến trường dữ dội nhất và có tính cách toàn diện hơn, nên sau ngày đình chiến, nền kinh tế tài chính bị kiệt quệ. Từng triệu người chết và tài sản bị phá hủy. Để theo đuổi chiến tranh họ đã phải nhận tiền nong, vũ khí của Mỹ giúp, và sau ngày

hoà bình, chẳng những không thể trả được, mà còn phải nhờ Mỹ-Quốc để có đồ ăn, đồ mặc, thuốc men và phương tiện để hàn gắn mọi vết thương do bom đạn gây ra, như chấn hưng kỹ nghệ, xây đắp đường xá, cất dựng nhà cửa và đóng tàu bè buôn bán.

Muốn nhập cảng bằng ấy thứ phải có tiền. Nhưng mọi quốc gia đều túng thiếu, không còn vàng hay chỉ tệ ngoại quốc để trả. Đáng khác trong thời chinh chiến, Mỹ-Quốc đã cố gắng sản xuất nuôi chiến tranh. Mực sản xuất của họ đã lên tới mức rất cao nếu ta chưa nói là tốt bực. Xin trích sau đây vài ba con số làm tỉ dụ.

Năm 1935, Mỹ sản xuất được 358 triệu tấn than, năm 1946, sản xuất được 516 triệu tấn.

Sắt, từ con số 28 triệu tấn nhảy vọt lên 60 triệu tấn. Gỗ cũng thế, năm 1938 sản xuất 51 triệu thước khối, đến năm 1946 lên tới 70 triệu. Mấy con số đó đủ chứng minh hùng hồn nền kinh tế Mỹ sản xuất mạnh dường nào.

Sản xuất nhiều như thế mà Mỹ không được hưởng hết mọi lợi tức, vì phải giúp đỡ rất nhiều. Công quỹ Mỹ năm 1947 bị hao hụt 4.394 triệu mỹ kim, năm 1944 con số ấy còn to hơn nhiều: 9.058 triệu. Nguyên nước Nga từ tháng 10 năm 1941 đến mồng 1 tháng giêng 1944 đã nhận viện trợ của Anh và Mỹ 7.800 phi cơ, 4.700 xe tăng, 170.000 xe cam nhông 740.000 tấn ét sắt phi cơ, 177.000 tấn chất nổ, 1.350.000 tấn thép, và 2.250.000 tấn quân lương. Hầu hết các nước phe đồng minh đã nhận một số vũ khí đáng kể.

B. — Quan điểm Mỹ quốc.

Nhận thi hành kế hoạch Marschall Quốc hội và dư luận Mỹ-Quốc đã xét tới hai phạm vi kinh tế và chính trị.

a) Phạm vi kinh tế.

Trong thế kỷ 19, 20 các cường quốc Âu - châu, nhất là Anh, Pháp đã bỏ vốn cho ngoại quốc vay rất nhiều và khuyến khích tư nhân kinh doanh ở ngoại quốc, như lập ngân hàng, mở đồn điền, khai thác các mỏ, hầu tăng uy tín và ảnh hưởng chính trị, hầu tìm thị trường bán đổi hàng hóa, nhưng mục đích bao giờ cũng là trục lợi, cho vay lấy lãi.

Ta có thể ví kế hoạch viện trợ của Marschall là một phương pháp bỏ vốn cho vay lấy lãi chăng? Không thể coi viện trợ Mỹ như thế được. Vì 80 phần trăm, hay hơn thế nữa, là của cho không, là một hiến sự. Số tiền viện trợ cho vay chỉ vắn vắn có 20 phần trăm hay không đến 20 phần trăm. Đây là nói theo lý thuyết, sự thực Mỹ có đòi được hay không, thời gian sẽ trả lời cho họ. Nước Mỹ đã thừa hiểu như thế mà họ vẫn làm, chắc họ phải nhắm vào mục đích lợi ích nào.

● Vậy Mỹ quốc đã nhắm mục đích gì? Đây không phải là một quyền lợi rõ ràng nhất định. Số tiền viện trợ chỉ nhằm những mục đích lơ mờ, nhưng rất lợi cho Mỹ-Quốc. Nếu kỹ nghệ Âu-châu và thế giới phục hồi, nền kỹ nghệ Mỹ-Quốc mới phát triển mạnh. Trái lại, kỹ nghệ Âu - châu và kỹ nghệ thế giới sa sút, kỹ nghệ Mỹ-Quốc cũng bị ảnh hưởng lây.

Trước chiến tranh, kỹ nghệ Âu - châu phát triển mạnh mẽ với 250 triệu dân

cư, mà mức sinh hoạt rất cao. Nếu vì chiến tranh tàn phá, họ bị sống trong trạng thái sút kém quá, thì sẽ gây ra ảnh hưởng tai hại cho nền kinh tế hoàn cầu, nhất là cho Mỹ-Quốc. Vì sự liên đới kinh tế giữa các nước văn minh ngày nay, người Mỹ sẽ không thể nào theo chính sách kinh tế bế quan tỏa cảng được. Âu - châu xưa kia là khách hàng xộp của Mỹ - quốc, nếu ngày nay họ không còn vàng, còn chỉ tệ ngoại quốc để trả đồ vật mua, nếu họ không còn xuất cảng để lấy vàng mua đồ hàng của Mỹ, thì Mỹ sẽ bị khủng hoảng kinh tế, vì không bán hàng hóa cho ai được.

Hơn nữa, các quốc gia Âu-châu buôn bán nhiều với ngoại quốc, nhất là với các thuộc địa của họ. Những nơi này có nhiều nguyên liệu bán cho Âu - châu. Nếu kỹ nghệ Âu-châu thịnh vượng, các cường quốc Âu-châu sẽ mua nguyên liệu ở các thuộc địa và dân thuộc địa có tiền mua hàng của Mỹ. Thí dụ người Pháp mua than đá và cao su của người Việt - nam để cung cấp nguyên liệu cho kỹ nghệ của họ, thì người Việt - nam mới có tiền mua ô tô, máy ướp lạnh, máy cày bừa của Mỹ. Như thế các công xưởng của Mỹ mới có việc làm, lao động không bị nạn thất nghiệp, vì hàng hóa không nơi tiêu thụ, các xí nghiệp phải đóng cửa. Âu - châu bị phá sản, Mỹ mất thị trường Âu - châu và luôn thể thị trường các thuộc địa Âu - châu. Kỹ nghệ Mỹ chịu ảnh hưởng không phải là nhỏ.

Dù cho dân Mỹ tiêu thụ hàng hóa nhiều thế nào đi nữa, cán cân cung cầu vẫn không thể thăng bằng. Các nhà kinh tế Mỹ vẫn sợ nạn khủng hoảng và thất nghiệp như bên Anh.

Hơn nữa, kế hoạch Marschall sẽ phục hồi kỹ nghệ Âu-châu và nước Đức, để họ tự sản xuất, tự cung cấp lấy. Như thế sẽ tránh cho Mỹ-quốc một cuộc viện trợ lâu dài không có lối thoát. Mục thăng bằng thương mại sẽ bền bỉ hơn, công dân Mỹ khỏi phải dè vai đóng thuế cho kẻ chiến bại tiêu dùng. Nguyên Đức-quốc mỗi năm làm hao hụt ngân quỹ Mỹ-quốc một tỷ Mỹ kim. Ngày xưa Brennus nói với dân La-mã: *vae victis* (khốn cho kẻ chiến bại), khi Brennus ném lưỡi gươm nặng chiu của ông vào đĩa cân của người La-mã đang cân vàng bởi thưởng chiến tranh cho dân Gaulois. Sau trận đại chiến thứ hai, trên phương diện kinh tế ta có thể đổi lại: « *vae victoribus* » (khốn cho kẻ chiến thắng).

b) Phạm vi chính trị.

Kế hoạch Marschall còn có một mục đích chính trị. Mỹ-quốc nhận định rõ ràng sự thịnh vượng của họ liên hệ mật thiết với sự thái bình Âu-châu. Chủ nghĩa cộng sản bành trướng ở Âu-châu là một hiểm họa lớn cho Mỹ-quốc, cho quan niệm dân chủ mà họ đã hy sinh nhân mạng, tài sản, để bảo vệ khỏi chủ nghĩa Phát-xít. Dù muốn dù không, người ta bó buộc sự thực hiện nhiên là hiện giờ thế giới chia ra hai khối tranh dành ảnh hưởng nhau: khối Mỹ và khối Nga. Nếu cộng sản chiếm được Pháp, Ý, Hy-lạp..., thì lực lượng hiện thiên về Mỹ-quốc sẽ bị đảo lộn. Chính sách của Mỹ miền Địa-Trung-Hải sẽ bị đổi lại. Nếu khối Nga chiếm được kênh Suez, thì cộng sản sẽ đặt tay vào các mỏ dầu Cận-Đông.

Đàng khác, nếu cộng sản ngự trị ở

Âu-châu, mọi sáng kiến bị phá hủy, chủ nghĩa tập sản với mọi hình thức áp bức sẽ tha hồ tung hoành. Nền dân chủ sẽ sụp đổ và Mỹ-quốc bị ảnh hưởng lây. Nạn độc tài Phát-xít Hitler vừa tránh khỏi, người ta lại rơi vào cái thảm họa khác cùng giống.

Người Mỹ cũng nhận thấy rằng: cảnh vực thuận tiện nhất cho cộng sản phát triển tức là nghèo khó, là nền kinh tế bấp bênh, là những đảo lộn trật tự xã hội. Tránh được túng cực, Âu-châu tìm được cân cân thăng bằng, thì họa cộng sản bớt được phần cấp bách đi nhiều. Các chính phủ một khi giải quyết được vấn đề kinh tế, sẽ dễ dàng chỉnh đốn lại nền chính trị, tránh những cuộc cách mạng hay đảo chính liên miên.

Cuộc viện trợ Mỹ còn kèm theo một mối lợi khác là chứng kiến sự hiện diện Mỹ ở Âu-châu và liên kết các nước trong khối dân chủ để đối phó với sự liên kết cộng sản mà Nga-sô đứng đầu.

Kế hoạch Marschall còn có một căn nguyên nữa là để thay thế cho tổ chức ngân hàng quốc tế mà Mỹ đã cùng với 44 nước hội viên đề thảo luận ở Bretton Woods. Ngân hàng quốc tế đã không thực hiện được đúng như sở nguyện của các nước hội viên, cho nên Mỹ muốn dùng một tổ chức khác để ràng buộc các nước một cách chặt chẽ và hiệu nghiệm hơn. Tổ chức ấy là dùng cách viện trợ kinh tế cho các hội viên.

PHÁC HỌA CHƯƠNG TRÌNH

Kế hoạch Marschall là sự cộng tác giữa Âu và Mỹ. Tính cách này rất

quan trọng và là đặc tính của kế hoạch Marschall. Chúng ta có thể chia sự thành lập kế hoạch này ra làm năm giai đoạn : giai đoạn đầu, hay giai đoạn sáng kiến của Mỹ, và bốn giai đoạn khác.

A. -- *Giai đoạn đầu.*

Giai đoạn sáng kiến của Mỹ

Nguyên danh từ « kế hoạch Marschall » đủ cho chúng ta nhận thấy nguồn gốc và sáng kiến của nó. Nguyên do là bài diễn văn của đại tướng Marschall, Bộ trưởng bộ Quốc phòng, đọc ngày 5-6-1947 tại đại giảng đường Harvard. Trong bài diễn văn, tướng Marschall nhắc đến nỗi khó khăn của Âu-châu về ăn mặc, thuốc men, máy móc trang bị cho nền kinh tế của họ đã bị phá hủy trong thời kỳ chiến tranh. Tóm tắt, Âu-châu thiếu mọi phương thể sinh sống và kiến thiết quốc gia. Thế mà họ không có vàng bạc để nhập cảng những thứ cần cho nhu cầu cấp bách ấy. Tướng Marschall nói : « Trong mấy năm gần đây, các quốc gia Âu-châu sẽ phải nhập cảng rất nhiều mới đủ đồ ăn, áo mặc và phương tiện kiến thiết xứ sở. Nguy hại thay, là họ không có tiền để mua. Chúng ta phải viện trợ cho họ. Để mặc họ tự lo liệu lấy, họ không thể tránh khỏi sự khủng hoảng kinh tế, xã hội, chính trị ». Đại tướng nhấn mạnh : « Mỹ-quốc phải cố gắng chống với đói nghèo, thất vọng và xáo trộn trật tự kinh tế và xã hội hơn là chống với một quốc gia, một chủ nghĩa nào ».

Lời tuyên bố của Tướng Marschall có còn giữ được mãi về sau không ? Chắc chúng ta nhận thấy có sự chuyển

hướng, vì biến cố chính trị, vì nạn cộng sản bành trướng hăm dọa hoà bình thế giới. Mục đích nhân đạo vẫn còn. Nhưng mục đích chính trị đã chiếm phần ưu tiên. Những nước đi với cộng sản ít trông được viện trợ. Trái lại, những nước nào mà vai trò chính trị quan trọng sẽ được hưởng nhiều hơn.

Để sự sáng kiến này không sinh hiệu quả là Mỹ-quốc muốn can thiệp vào nội bộ của các quốc gia Âu-châu, nên Mỹ đề cho Âu-châu tự phác họa chương trình lấy. Đại tướng nói : « Sáng kiến là tự Âu châu ». Thực sự Mỹ vẫn sợ dư luận thế giới hiệu quả làm cho mình muốn dùng « dollar » làm bá chủ hoàn cầu, bắt các quốc gia phải lệ thuộc, hay là một hình thức mới để tái diễn chế độ thuộc địa, bảo hộ. Bảo hộ về đảng chính trị cũng giống như bảo hộ về đảng kinh tế, vì hai phạm vi thường liên kết chặt chẽ và đi song song nhau như bóng với hình.

Lời hứa hẹn và kêu gọi trên kia được các cường quốc Âu-châu hưởng ứng. Ngày 16-6-1947, ông Ernest Bevin, Bộ trưởng bộ Ngoại giao, gặp ông Bidault ở Ba-lê. Cả hai mời Nga tham dự kế hoạch Marschall. Ngày 27-6-1947, ở Ba-lê khai mạc hội nghị Bevin-Bidault-Molotov. Thế là kế hoạch Marschall thành hình từ ngày ấy.

B — *Giai đoạn thứ nhất, giai đoạn Âu-châu.*

Muốn cho kế hoạch Marschall thực là của Âu-châu thì cần phải có Nga tham dự. Ngày 2-7-47, Molotov rời Ba-lê và khước từ tham dự. Sự từ chối này có nhiều lý do cả kinh tế lẫn chính trị.

Nga sợ ảnh hưởng quá lớn của Mỹ

ở Âu châu, sợ bị coi như thuộc Mỹ và như thế sẽ mất thế giá trước dư luận quốc tế, hạ uy danh của một cường quốc chiến thắng. Nga còn sợ kinh tế của Đức được phục hồi và chương trình Reich được kiến thiết lại, như thế sẽ lợi cho Mỹ, vì năng lực kỹ nghệ của Đức sau khi phục hưng, mức sản xuất than đá ở vùng Rhen sẽ làm hạ giá nguyên liệu này ở các miền thuộc Nga kiểm soát như Ba-lan, Tiệp-khắc. Sau cùng, Nga có phác họa kế hoạch đệ tứ « Ngũ chu niên ». Muốn thực hiện kế hoạch này cần có sự cộng tác các nước chư hầu. Kế hoạch Marschall làm cản trở một phần nào sự thành công của kế hoạch đệ tứ Ngũ chu niên của Nga.

Ngày 3-7-1947, Pháp, Anh mời 22 nước dự hội nghị Ba-lê. Ngày 9-7 nhận được đơn nước Lỗ, Bảo, và Ba-lan xin từ chối tham dự hội nghị. Ngày 10, đến lượt Tiệp-Khắc cũng từ chối, tuy trước đã tỏ ý bằng lòng gia nhập. Sau cùng Hung và Albanie cũng kiêu. Thành ra ngoài hai nước đứng mời, chỉ có 14 nước nhận dự kế hoạch Marschall. Mười bốn nước ấy là Áo, Bỉ, Đan-mạch, Hy-lạp, Ái-nhĩ-lan, Ý, Lục-xâm-bảo, Na-uy, Hoà-lan, Bồ-đào-nha, Thụy-diễn, Thụy-sĩ, Thôn-nhĩ-kỳ, Ý-nhĩ-lan.

Tuy có một số nước từ chối dự hội nghị, nhưng đến ngày 18-7-1947, hội nghị vẫn khai mạc dưới quyền chủ tọa của ông Ernest Bevin và lập ủy ban hợp tác kinh tế Âu-châu (Comité de Coopération Économique de l'Europe, C.C.E.E.), đề thảo một bản phúc trình về tình trạng lợi tức và nhu cầu của 16 nước hội

viên và cả Tây-Đức trong giai đoạn 1948-1951. Bản phúc trình này thường được mệnh danh là « bản phúc trình mười sáu nước » (rapport des seize). Phúc trình ấy trù liệu trong khoảng 1948-1951, 16 nước hội viên sẽ nhận 22 tỷ 440 triệu Mỹ kim.

C. — Giai đoạn thứ hai.

Phúc trình này tới Hoa-thịnh-Đốn được các chuyên viên khảo sát tỉ mỉ. Tổng thống Truman cho lập nhiều ủy ban chuyên môn nghiên cứu mọi phương diện, phỏng đoán mọi phản ứng về kinh tế Mỹ. Ngày 10-10-47 ủy ban chuyên viên của nghị viện, đứng đầu là Herter, phác họa qua kết quả cuộc nghiên cứu có mấy điểm chính như sau :

a) Các nước tham dự hội nghị nhận kế hoạch viện trợ của tướng Marschall phải cố gắng hết sức trong công cuộc phục hưng nền kinh tế của họ đã bị chiến tranh tàn phá.

b) Các nước tham dự và thuộc địa của họ phải sản xuất kim khí dùng trong chiến tranh bù lại viện trợ của Mỹ đã bỏ ra.

c) Khuyến khích các tư nhân, nhất là các công ty sản xuất hoạt động mạnh hơn về mọi vấn đề để bù lại số viện trợ.

D. — Giai đoạn thứ ba, giai đoạn Âu-châu.

Nhưng phải biết phân phối viện trợ thế nào cho hợp lý và định rõ phần nào là của cho không, phần nào là của cho vay mượn. Nếu có cả vay cả cho không, thì các nước sẽ được hưởng làm

sao. Các đồ viện trợ và tiền nong sẽ do một tổ chức chung cho các quốc gia Âu-châu hay đề từng nước giao thiệp trực tiếp với Mỹ-quốc.

Ngày 15-3-1948, Ủy Ban Hợp tác Âu-châu nhóm họp ở Ba-lê và bế mạc ngày 15 tháng tư, sau một tháng thảo luận. Tất cả các nước tham dự muốn cộng tác trong chương trình kiến thiết chung, cam kết cố gắng tăng mức sản xuất, giữ vững giá trị tiền tệ, phát triển thương mại và cố gắng phối hợp tổ chức thuế quan. Hội nghị lập ba cơ quan chấp chính.

a) *Hội nghị*.— Hội nghị gồm các nước hội viên, giữ mọi quyền quyết định, mỗi năm bầu một chủ tịch, hai phó chủ tịch, có ủy ban chấp chính và tổng thư ký. Hội nghị có thể lập nhiều ủy ban chuyên môn tùy nhu cầu.

b) *Ủy Ban chấp chính*.— Có bảy hội viên, do hội nghị hằng năm chỉ định ra, có một chủ tịch và một phó chủ tịch.

c) *Tổng thư ký*.— Gồm một tổng thư ký và hai phó thư ký, tất cả đều do hội nghị bầu.

E.— *Giai đoạn thứ tư. Giai đoạn Mỹ*.

Ở Mỹ, một tổ chức quản trị được thành lập trước khi thành lập hội nghị Âu-châu, đề sát nhập vào kế hoạch Marschall.

Trong tờ phúc trình của Harriman, ông đã bàn chu đáo đến sự quản trị này. Ban quản trị có chức vụ và nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch đã phác họa ở bên Âu-châu, thay đổi nếu xét thấy có sự cần thiết, ước lượng sức sản xuất

kinh tế Mỹ. Ban quản trị lại có nhiệm vụ thi hành tìm cho ra sản phẩm, kiểm sát bán đòi thị trường Mỹ, thi sát việc thi hành kế hoạch viện trợ ở ngoại quốc. Ban quản trị là một tổ chức tự trị (E.C.A. Vị chỉ huy ban quản trị buổi đầu là Hoffman chịu quyền Tổng thống Mỹ, có đặc quyền định đoạt trước rồi phúc trình sau. Quyền hạn rất rộng. Có hai tổ chức chuyên môn chính giúp đỡ.

a) *Phòng tư vấn*.— Phòng này gồm 12 nhân vật quan trọng trong giới kinh tế, chính trị. Mỗi tháng họp một lần, hay nhiều ít tùy sáng kiến vị quản trị.

b) *Hội đồng quốc gia tư vấn* — Hội đồng này sẽ giúp ý kiến về vấn đề quốc tế trong phạm vi kinh tế và tiền tệ (The National Advisory Council on International Monetary and Financial Problems, viết tắt ba chữ N.A.C.)

c) Ngoài hai cơ quan trọng yếu này, còn có nhiều ban chuyên môn khác giúp việc ban quản trị.

NHẬN XÉT DƯ LUẬN

Nhận xét hay phê bình kế hoạch Marschall là một việc tế nhị:

a) vì đó là một tổ chức mới mẻ, chưa thấy xuất hiện trong lịch sử. Cho nên các nhà khảo cứu không có tài liệu lịch sử để làm cứ điểm cho cuộc nhận xét

b) Vì những mục đích theo đuổi trong kế hoạch này rất phức tạp và lờ mờ, vừa có tánh cách vị kỷ, vừa có tánh cách vị tha. Lời nhận xét còn tùy thuộc một phần lớn về quan niệm chính trị,

kinh tế của mỗi người. Hai người đứng trên lập trường chính trị, kinh tế khác nhau sẽ có những phán đoán khác nhau về kế hoạch này, vì họ nhìn một sự vật bằng hai ống kính khác nhau.

c) Vì dư luận thế giới cũng như dư luận cá nhân rất tương phản, nhiều khi đến chỗ mâu thuẫn, người ủng hộ, người mặt sát, lại cũng có hạng người vụ lợi.

d) Vì quan niệm luân lý dị đồng : có người Mỹ tự hào coi viện trợ cho các nước như là một thi ân, một tặng phẩm cho các dân tộc. Trái lại nhiều người cho đó là thuộc phạm vi công bằng. Nước Mỹ thoát khỏi sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh như ở các nước khác, xưởng kỹ nghệ của họ không bị bom đạn hủy diệt, nay họ phải chịu đỡ cho những người đã cùng họ tranh đấu cho nền hòa bình và họ còn phải tranh đấu mãi mãi cho lý tưởng ấy. Đó là công trình chung của nhiều quốc gia, chứ không phải cho một nước nào, một dân tộc nào.

e) vì thiếu am hiểu : với bộ óc quá ư đơn sơ và bông bột, nhiều người bị tuyên truyền rằng : Mỹ - quốc sản xuất nhiều quá, không bán hết, thay vì đề huỵch, thay vì đem đồ xuống biển như cà phê của Ba-tây năm khủng hoảng, thì họ đem cho đi, hay tệ hơn nữa họ đem chiến cụ cho các dân tộc khác để họ gây hấn với nhau mà mua chiến cụ của Mỹ.

Lập luận như thế cũng có đôi phần sự thực, nhưng tỏ rõ bộ óc quá giản dị và thiếu am hiểu, vì Mỹ viện trợ chẳng những bằng dụng cụ chế tạo ở

Mỹ, mà còn bằng tiền, bằng mĩ kim. Đáng khác, khi Mỹ phải đặt hàng ở ngoại quốc để lấy đồ viện trợ là cố ý để nâng đỡ kỹ nghệ nước ấy. Nghĩa là họ trông làm một việc mà được lợi cho đôi bên,

Nếu kế hoạch Marschall có toàn mục đích vụ lợi, hay tệ hơn nữa là phản hòa bình, thì chắc tướng Marschall, ông tổ đề ra kế hoạch viện trợ, sẽ chẳng được giải thưởng hòa bình Nobel ở Oslo (Na-uy) với bác sĩ Schweitzer, cán bộ Y tế ở Lambarence (Phi Châu). Đã hẳn khi tặng giải thưởng hòa bình cho tướng Marschall, hội đồng Nobel đã xét tới nhiều công cuộc hòa bình của Ông, nào tổ chức giải phóng thế giới khỏi bàn tay sắt phát xít Ý, Đức, Nhật, nào cầm đầu phái đoàn hòa giải giữa họ Mao và họ Tưởng ở Trung-quốc, nào kế hoạch viện trợ kinh tế.

KẾT LUẬN

Đã rõ nhờ viện trợ một số dân tộc đỡ được phần lớn khổ sở đói rét và tránh cho họ những sự loạn lạc xã hội, và làm cho cộng sản ít cơ hội may mắn nắm được chính quyền. Nhưng thế không có nghĩa tiêu diệt được cộng sản. Đói khổ chỉ là miếng đất thuận tiện cho cộng sản mọc lên. Nhưng nó chưa chắc có phải đẻ ra cộng sản không, vì cộng sản bao gồm nhiều phạm vi : kinh tế, xã hội, triết học. Cải thiện đời sống dân chúng có thể là nó lùi bước, nhưng liên hệ với chế độ hiện thời, nhiều nơi nó lại hiện ra với dấu hiệu mạnh mẽ hơn.

HUỲNH-ĐỨC-QUANG

CỤ HẢI-THƯỢNG LẤN-ÔNG

NGUYỄN-VĂN-BA

L.T.S.— Đây là mục thứ tư trong quyển ĐÔNG Y TRÊN CĂN BẢN NHÂN VỊ mà Hội Y Dược Việt-Nam đã trình bày trong Đại Hội Liên Tỉnh và Liên Quận tại Mỹ-tho, ngày 28-8-57. Mục nhất nói về Y HỌC NHÂN VỊ TRONG VĂN MINH CƠ GIỚI và VĂN MINH DỊCH LÝ ; mục nhì nói về CĂN BẢN ĐÔNG Y NHÂN VỊ là DỊCH LÝ ; mục ba nói về TÁM GIAI ĐOẠN QUAN TRỌNG ĐIỂN HÌNH NHÂN VỊ TRONG ĐỜI MỘT ÔNG LƯƠNG Y.

M

ÔNG 9 tháng 3, năm Mậu-Thìn (1759), con trai yêu quý của Cụ Hải-Thượng Lấn-Ông bị bệnh nặng. Bệnh đậu mùa, khí huyết đều hư mà các lương y đều dùng phép công đề trị cho đến chí nguy : bệnh nhờn nghiêng răng, đại tiện đầy giường. Đến chừng tìm được ông thầy hay, biết căn nguyên của bệnh, thì đã nặng quá không sao cứu nổi, nên cậu trai yêu quý ấy tắt thở ngày 25 tháng 3.

25 tháng 3 là ngày đau khổ nhất đời của Cụ Hải-Thượng. Ruột gan héo von đứt đoạn, nằm ngời không an, tinh thần bất tỉnh, sáu tháng qua mà Cụ vẫn như

ngây như dại. Than ôi, cò nhân có nói : « Người không học thuốc tự như du hồn, cha, anh, trưởng thượng có nguy khốn cũng không biết làm sao ; con, em, lâm nạn đành phải lấy mắt mà nhìn, dầu có tâm từ hiếu đến đâu cũng chỉ nát gan héo ruột mà thôi. Cho đến thân mình thốt nhiên vương lấy tật bệnh bất thường, họa đến rồi tâm mới run rẩy, tinh thần khuất nhục, đồ lỗi tại trời mà phó thác thân quý trọng này cho bọn phàm y muốn làm cách nào tự ý ». Cụ Hải-Thượng, năm ấy 34 tuổi, bèn thệ chí học y, tìm thầy hay về nhà, một tấm lều tranh dưới ngọn núi Hương-Sơn. Bể môn tuyệt khách trong mười lăm năm, Cụ chỉ phụng dưỡng mẹ già và nghiên mài y thư, viết được

mười quyền đậu mùa, gọi là «Mộng Trung Giác Đậu». Trong mộng mà biết bệnh đậu, thật là một giấc mộng dị kỳ, kéo dài mười lăm năm trong sự mến yêu thương tiếc.

Mười lăm năm Cụ Hải-Thượng tranh đấu, không phải cho con mình không còn, mà cho con em thiên hạ ; không vì cha mình và anh mình đã mất, mà cho cha, anh thiên hạ : không vì mẹ mình đã gần khuất núi, mà vì mẹ của tất cả đồng bào. Cụ tranh đấu cũng không vì bản thân của Cụ đã tan tác cõi lòng, mà vì nhân phẩm, nhân vị của ai. Mười lăm năm tranh đấu cho nhân loại, nhân vị, Cụ Hải-Thượng Lân-Ông đánh dấu một công trình vĩ đại là lập nền Y Học Việt-Nam chắc chắn thêm trên căn bản Nhân Vị ; nếu không trên căn bản ấy, Y Học chỉ là một môn học thuật có thể thừa cơ nguy khốn của nhân sanh để bóc lột mà thôi.

Nhưng mười lăm năm tranh đấu, với một học thuật tuyệt xảo, Cụ Hải-Thượng chưa đủ cho ta tôn sùng làm bậc Y Tồ, nếu Cụ không đem tất cả đời của Cụ để tranh đấu cho sự đau khổ của nhân sinh và nhân vị. Sự tranh đấu ấy, chúng ta ngày nay cảm thông để tự sửa lòng, trong những hàng của Cụ viết, trong mỗi cử động của Cụ ghi.

Sanh năm Giáp-Thìn (1725), tháng 11, ngày 12, giờ Dần, ở làng Liên-Xa, huyện Đường-Hào, tỉnh Hải-Dương, con thứ bảy của Cụ Lê-hữu-Hưu làm quan Thượng Thư đời Lê-dụ-Tôn. Cụ tên là Lê-hữu-Trác ; vì là con trai thứ bảy của Cụ Thượng Thư nên gọi là Chiêu Bảy.

Cụ sanh ra lúc đời ly loạn. Lúc ấy là cuối nhà Lê có chúa Nguyễn đang củng cố miền Nam và chúa Trịnh hoành hành miền Bắc. Cả hai chúa đều uy hiếp vua Lê, nên vua Lê lúc ấy chỉ là hư vị. Bên Tàu, vua Càn-Long nhà Thanh hăm he hợp với Chiêm-Thành mà cướp lấy Việt-Nam, còn phía dưới thì Xiêm muốn gây sự với nhà Nguyễn.

Lúc thiếu thời Cụ theo cha lên Thăng-Long (Hà-Nội bây giờ), học tại Quốc-tử-Giám là nơi đã đào tạo được biết bao nhiêu nhân tài. Mới mười lăm tuổi mà văn thơ của Cụ tỏ ra lỗi lạc, nên Cụ có hợp cùng bạn kết thành thi xã để ngâm vịnh những tấm lòng uất ần của loài người.

Nhưng tình hình, quan Thượng Thư thất lạc, Cụ phải từ biệt túi đàn cặp sách mà về quê chịu tang. Không gì xúc động mãnh liệt tâm hồn của một người thanh niên cho bằng cha chết. Như con thuyền mất lái, Cụ Hải-Thượng bơ vơ, ghét oán tử thần sao nở giết mất người cha yêu quý của Cụ. Từ ấy Cụ mới nhận rõ sự tử vong là mối đau thương cho kẻ còn ở lại, lòng Cụ bèn se chặt, ái ngại cho nhân sinh.

Gia biến đã gây được mắch tranh đấu cho nhân vị, thì nay, quốc biến đã làm cho Cụ rõ hai chữ hiếu sinh. Trịnh-Giang huy động phe đảng áp bức vua Lê-duy-Phương. Các tay nghĩa hiệp Bắc-Hà quật khởi để chống chúa Trịnh với khẩu hiệu « Diệt Trịnh Phò Lê ». Dân tình điêu linh đồ thán, loạn lạc nổi khắp mọi nơi. Hải-Thượng Lân-Ông, một trang thanh niên tuấn tú, hồ đồ ngồi yên. Cụ ghi :

Can qua mãn mục

Nam nhi hà tất lão thư song

(Gươm giáo đầy đồng

Nam nhi há chịu chết già ở cửa sò của mình hay sao ?)

Cụ bèn vút bút nghiên, nhảy lên yên ngựa sông sáo ở chiến trường, quyết đem ba tấc gươm để phò chánh nghĩa.

Cụ nhờ học binh lược với Cụ Hương-Tiến họ Vũ, già đã ngoài tám mươi, mà văn võ toàn tài, hết lòng truyền lại cho Cụ. Có tâm, có trí, có tài, lại bí quyết binh lược đã nắm vào tay, Cụ hăng hái xông pha tên

dạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Nhưng rồi cụ ra chiến trường để theo ai và giết ai? Lê-duy-Mật chiếm đất Trấn-Ninh, Nguyễn-Cừ tự nghĩa ở Hải-Dương, Hoàng-văn-Chất ở Sơn-Nam, Nguyễn-danh-Phương ở Thái-Nguyên, ai ai cũng tuyên bố phò Lê diệt Trịnh. Nhưng sự thực họ chỉ thừa gió bẻ măng, chiếm cứ đất đai để thâu thuế bóc lột đồng bào mà thôi. Cụ nào lại theo những người ấy. Phò Trịnh ư? Dân tình đều oán ghét, và phò nhà Trịnh tức là uy hiếp nhà Lê, Phò Lê để diệt Trịnh và diệt các bọn xưng hùng xưng bá chẳng? Dầu thế nào cũng là anh em, đồng bào cốt nhục, tương hại lẫn nhau sao đành. Cụ Hải-Thượng cảm thấy sự thống khổ của đồng bào, cảm lòng không đau, buồng gươm sát sinh mà nuôi lấy chí hiếu sinh. Con người phải được tôn trọng, sự đau khổ của người phải được dưỡng nuôi, Cụ Hải-Thượng lập chí và gây mầm Y Đạo từ đây.

Anh thứ năm của Cụ ở Hương-Sơn nuôi mẹ già với mấy đứa cháu, bỗng nhiên thất lạc. Bối rối tựa vò, Cụ Lân-Ông phải trở về Nghệ-An là nơi quê mẹ để thu xếp việc nhà và tìm kế dưỡng nuôi bảy cháu dại. Lập chí cứu người không được, nuôi nấng cháu dại mẹ già cũng không xong, lòng Cụ Hải-Thượng xót xa như dao cắt. Như điên, như cuồng, bao nhiêu tư lự đều dồn dập nơi tâm sầu não của Cụ. Gia biến rồi quốc biến, rồi gia biến làm cho tâm hồn Cụ càng thống khổ với nhân sinh, càng hiểu rõ phẩm giá con người, càng thấy nổi bật nhân vị. Nhưng cái chí làm trai tang bồng hồ thi, muốn thi hành nhân vị cho toại lòng mình, làm cách chi cho được? Cụ đang tiến thoái lưỡng nan thì bỗng đâu chính thân Cụ đau nặng.

Trong khi tung hoành ở rừng bụi núi non, Cụ cảm nhiễm nhiều sơn lam chướng khí, và vì bị tư lự nhiều quá nên bệnh của Cụ càng ngày càng trầm trọng. Cụ nằm dưỡng bệnh tại danh y Trần-Độc trong một năm trời. Cụ gặp quyền Phùng Thị Cầm nang, đọc đi đọc lại nhiều lần và được Cụ Trần-Độc chỉ dẫn nên Cụ hiểu Y lý rất tường tận. Trong khi nằm trên giường bệnh, Cụ tỉnh ngộ rằng ngoài văn chương thi phú hoặc chém giết lẫn nhau, còn một việc quý báu vô ngần mà ít người nghĩ đến, là làm thế nào nhân loại được sống và mạnh khỏe trên hạnh phúc, như việc tận tâm nghiên cứu Y học để cứu thoát bệnh nảo cho loài người chẳng hạn.

Cụ Lân-Ông đã tự hiến mình cho Y học. Nhưng ở đời, nào dễ lập chí. Tào-Công còn phải thử thách dày vò. Tướng giặc Nguyễn-hữu-Cầu bại trận ngoài Bắc, lẩn dò vào Nam và ghé nhà một đồng chí ở Nghệ An. Quan Tổng Đốc Hải-quận-Công bèn giao phó Cụ bắt tên giặc ấy và hứa nếu Cụ ra tài thao lược thì Cụ sẽ được phong Hầu ngay. Tiền tài, danh lợi, sẽ vào ra cửa Cụ. Cụ khỏi lo túng thiếu gian nan để nuôi cháu dại với mẹ già. Không nghe ư? Thì Cụ sẽ bị khép tội đồng lõa với giặc. Nghe theo ư? Thì công hầu danh lợi để mà làm chi! Cụ bèn tạ từ Hải-quận-Công, thoắt thác rằng mẹ già không cho phép.

Biết bao nhiêu người đã lập chí trên Y học, nhưng có bao nhiêu người đã thành được bậc kỳ tài. Trong những bậc kỳ tài, có hai người đứng đầu sự nghiệp: Cụ Trương-trọng-Cảnh được tôn làm Thánh Tồ cho toàn cõi Á-Đông, và Cụ Hải-Thượng được sùng làm Y Tồ Việt-Nam. Cụ Trương-trọng-Cảnh là người ưu thời mẫn thế, lo cho nhân sinh hơn

QUI LŨẬT CỦA MỘT VÀI LỖI THƠ

« xuôi tai » thì các câu thơ ấy gần đúng hoặc đúng thì luật rồi. Tôi muốn nói gần đúng vì chắc gì những bài thơ lục bát hay ngũ ngôn của bạn ấy đã hoàn toàn đúng niêm luật ?

Sự hiểu biết do tính bất chước tự nhiên, hình ảnh và âm điệu của những bài thơ mà hằng ngày bạn thường đọc đã ăn dần vào tiềm thức của bạn cho đến một ngày nào đó bạn có thể phát diễn tình cảm của mình qua ít vần thơ... Làm một bài thơ không hiểu thi luật, tôi quả quyết rằng bạn không thể làm thơ đúng luật và hay được. Luật thơ là kẻ dẫn đường cho những bạn mới đặt chân trên ngã đường văn nghệ, muốn tiến tới vườn hoa thi ca.

Đành rằng qui luật thơ không máy móc như qui luật toán học, vật lý học, nhưng chúng ta nhớ rằng : muốn viết văn xuôi cho đúng phải hiểu rõ văn phạm ; muốn làm thơ phải học văn phạm và luật thơ. Trước tiên tôi phải luận với bạn cách gieo vần và luật bằng trắc trong thơ.

Bằng và trắc.— Muốn hiểu luật thơ phải phân biệt tiếng bằng và tiếng trắc. Tiếng bằng (mots à accents plains) là những tiếng phát ra nghe bằng phẳng và đều đều. Tiếng trắc (mots à accents obliques) là những tiếng phát ra nghe từ cao xuống thấp hoặc từ thấp lên cao. Những tiếng có dấu huyền hay không dấu thuộc về loại thanh bằng. Những tiếng có dấu sắc, dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng, thuộc về loại thanh trắc :

Liên, liền ; thanh bằng

Liến, liến, liện, liễn : thanh trắc

Nhờ có tiếng bằng, tiếng trắc, nên câu thơ mới có âm điệu.

Cách gieo vần.— Vần tức là những tiếng đồng âm (indentité du son). Những tiếng nào cùng một âm, hoặc âm bằng, hoặc âm trắc, tùy theo lối thơ vần bằng hay vần trắc, đều cùng một vần :

Anh, thanh, lành cùng một vần

Triết, điếc cùng một vần.

Làm thơ phải hiệp vần cho đúng, nếu sai như « anh » mà đi với « ta » thì không được : như thế là lạc vần. Nếu vần hơi sai nhau một tí như « minh » đi với « khanh » hay « hoành » là ép vần.

Thơ Việt-nam có hai cách gieo vần :

I — Cách gieo vần ở cuối câu thơ (cước vận)

a) **Vần tréo.**— Trong đoạn thơ bốn câu có vần tréo thì tiếng cuối câu một, vần với tiếng cuối câu ba, tiếng cuối câu hai vần với tiếng cuối câu tư :

Ngày mai đời vạn ngã

Dù gió sớm mưa mai

Dù thay hoa đời lá

Xin ai đừng quên ai.

b) **Vần choàng.**— Trong đoạn thơ 4 câu có vần choàng thì tiếng cuối câu một, vần với tiếng cuối câu tư, tiếng cuối câu hai, vần với tiếng cuối câu ba :

Tôi, người lính miền Trung

Áo bạc màu sương nắng ;

Em, chuyện đời chưa trắng

Tóc chảy đậm bờ lưng.

c) **Vần ba tiếng bình.**— Trong đoạn thơ bốn câu có vần ba tiếng bình thì tiếng cuối câu một, câu hai, câu tư vần với nhau và là ba vần bình :

Từ buổi thuyền đưa khách thuận dầm,

Trông chừng bến cũ biệt mù tằm..!

Cảm thương chiếc lá bay theo gió,

Rừng nhớ tình xưa ghé lại thăm.

(Quách - Tấn)

d) Văn liền.— Trong đoạn thơ bốn câu văn liền thì tiếng cuối câu một vần với tiếng cuối câu hai, tiếng cuối câu ba vần với tiếng cuối câu tư :

Chứ như bây giờ là trò chơi
Làm báo, làm bung chán mớ đời
Anh đi che tàn một lũ ngốc
Triết lý con trêu ; vẫn con cóc
(Nguyễn-Vỹ)

d) Văn lặp.— Trong đoạn thơ văn lặp có một văn được lập lại, ba, bốn lần :

Tôi viết bài thơ thương nhớ
Giữa mùa sông núi lên hương
Lối đi ngập đường hoa nở
Lúa vàng thơm nặng bờ nương
Miền Nam ca mùa no ấm
Bờ tre xanh vạm vẻo đường.

Văn « ương » được lập lại ba lần trong thi đoạn này.

2.— Cách gieo vần ở giữa câu thơ (yêu vận)

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi
bóng vàng.
(Nguyễn-Du)

Tiếng thứ sáu của câu đầu vần với
tiếng thứ sáu của câu sau. (Vần của thể
thơ lục bát) hay :

Rừng Tây-nguyên trùng trùng điệp điệp
Núi Tây nguyên - núi tiếp mây mù.

Tiếng thứ bảy của câu trên vần với tiếng thứ năm của câu dưới (Vần của thể thơ song thất lục bát)

Xét về hình thức, thơ Việt-Nam chia làm ba loại :

Thơ hoàn toàn của mình :

— Lụa bát.

— Song thất lục bát,
và những biến thể của hai thể ấy.

Thơ mượn của Trung-hoa :

— Thơ cò phong : tứ tuyệt, bát cú hoặc trường thiên.

— Thơ luật : tứ nguyệt, bát cú.

Thơ mựa của Pháp :

— Thơ mới,

— Thơ tự do,

Thơ Việt hiện có nhiều thể như thế :
cái khó của nhà thơ là chọn một thể
thích hợp với đề tài.

Ở đây chúng tôi chỉ trình bày những
quy luật của các lỗi thơ hiện được
thông dụng.

THƠ NĂM TIẾNG

Thơ năm tiếng là một lối thơ mới
câu có năm tiếng mà gần đây ta thường
thấy trên báo chí. Loại thơ này giống
như thơ ngũ ngôn cổ phong ngày xưa,
nhưng chỗ khác nhau là nội dung thơ
cổ phong chịu ảnh hưởng của văn học
Trung-hoa, và thơ năm tiếng chịu ảnh
hưởng của văn học phương Tây.

Luật bằng trắc trong thơ năm tiếng

Thơ năm tiếng không có quy luật nhất định, nhưng thường thường, nếu tiếng thứ hai bình thì tiếng thứ tư trắc, và nếu tiếng thứ hai trắc thì tiếng thứ tư bình. Tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm bình hay trắc cũng được :

Gặp em mùa gió loạn
Thương em mái tóc sầu
Gặp em mùa lửa đạn,
Một bát nước quen nhau.

QUI LUẬT CỦA MỘT VAI LỐI THƠ

Có thơ viết như sau :

2	4
Bình	Trắc
2	4
Trắc	Bình

Nhưng có khi không theo luật ấy :

Ngày mai anh vui chân
Trên đường lên phía Bắc
Áo màu nâu bạc dần
Với chuỗi ngày gian truân

(Hồ-sơn-Hữu)

Cách gieo vần trong thơ năm tiếng

— Vần treó :

Gió lùa qua khe cửa
Đêm nay lất phất mưa
Em ngồi bên bếp lửa
Kể lại chuyện ngày xưa.

— Vần choàng :

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thồn thức ?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu

(Lưu-trọng-Lu)

— Vần liền :

Bao giờ anh trở lại ?
Cho trăng sáng vườn cau
Đề dòng nước đậm màu
Ấm tình người ngóng đợi
Dù chuyện lòng thay đổi !

— Vần ba tiếng bình :

Phượng nở đã ba mùa
Nhớ cánh áo ngày xưa
Em lạc về bến nớ :
Những nẻo đường gió mưa.

Có nhiều bài thơ năm tiếng chia ra từng thi đoạn và cũng có những bài thơ

năm tiếng mà các câu thơ liền tiếp ; trong bài thơ có nhiều thi đoạn, ta có thể dùng những cách gieo vần khác nhau ở mỗi đoạn.

Số tiếng trong câu của thi thể này không quá nhiều hay quá ít so với các lối thơ khác ; có lẽ vì thế mà các nhà thơ ưa dùng thơ năm tiếng để phô diễn những rung cảm vừa độ của tâm tình, những cảm xúc không quá đột ngột hay hơi hợt.

THƠ SÁU TIẾNG

Hình thức của thơ sáu tiếng ngày nay giống như thể lục ngôn cổ phong ngày xưa. Có người cho rằng khi mới tập làm thơ nên làm thơ sáu tiếng thì dễ thành công hơn ; có người bảo rằng lối thơ sáu tiếng ít được dùng hơn các lối thơ khác vì âm điệu của nó kém và vì nó hãy còn xa lạ đối với người làm thơ cũng như người đọc thơ. Chúng tôi lại nghĩ rằng lối thơ này không xa lạ và nghèo âm điệu ; người làm thơ cũng chẳng dễ thành công ở thi thể sáu tiếng : hằng ngày ta gặp khá nhiều lối thơ này trên báo chí ; giá trị một bài thơ không phụ thuộc ở thể thơ, và nếu so sánh các thể thơ thì lời thơ lục bát dễ làm hơn sáu tiếng, vì nó rất gần với nếp sống tình cảm của người dân Việt.

Luật bằng trắc trong thơ sáu tiếng

Cũng như thơ năm tiếng, thơ sáu tiếng không có quy luật nhất định nhưng thường tuân luật bình trắc trong thể thơ này được đặt :

— Nếu tiếng cuối câu là vần bình thì tiếng thứ hai bình, tiếng thứ tư trắc.

— Nếu tiếng cuối câu là vần trắc thì tiếng thứ hai trắc, tiếng thứ bốn bình :

*Em khóc trong lòng hỏa ngục
Thư nào níu lại ngày xanh
Tôi ở bên này gặp lúc
Núi sông mới được thanh bình*

(Thế-Viên)

Có thể viết :

2	4	6
Trắc	Bình	Trắc
2	4	6
Bình	Trắc	Bình

Nhưng có khi không thể :

*Thư em trọn niềm hy vọng
Thư em anh nhận chiều nay
Đẹp như đôi môi hồng mộng
Như màu tơ thắm em quay*

Cách gieo vần trong thơ sáu tiếng :

Thơ sáu tiếng được gieo theo vần treó, vần choàng, vần liền và ba tiếng bình, nhưng các nhà thơ thường dùng vần treó :

*Ai đặt dấu giày trên cát
Cho mưa trở lạnh bao giờ ?
Ai bảo lòng nàng đen bạc
Cho chàng bỗng biết làm thơ ?*
(Mưa trùng dương)

Nhịp điệu của thơ sáu tiếng thường ngắt theo từng vế hai tiếng một. Cách ngắt này ít thay đổi nên điệu thơ thành ra buồn tẻ, vì thế mà các nhà làm thơ ngày nay phỏng theo cách ngắt câu ở thơ Pháp, tùy theo tình ý trong bài mà ngắt câu thành những đoạn dài ngắn khác nhau.

THƠ BẢY TIẾNG

Ở đây, thơ bảy tiếng không phải là thể thất ngôn Đường luật với lối độc vận ; với những câu phá, thừa, thực, luận,

kết. Thơ bảy tiếng ngày nay không có niêm luật nhất định, không còn quá gò bó theo nhất tam ngũ bất luận, nhì tứ lục phân minh », muốn viết bao nhiêu câu dùng bao nhiêu vần cũng được.

Bình trắc trong thơ bảy tiếng

Tuy thơ bảy tiếng không có quy luật nhất định nhưng thường thường :

— Nếu tiếng thứ hai bằng thì tiếng thứ tư trắc, tiếng thứ sáu bằng ;

— Nếu tiếng thứ hai trắc thì tiếng thứ tư bình, tiếng thứ sáu trắc :

*Trải gió dầm mưa đã lắm rồi
Phen này cắt tóc để làm tôi*
(Nguyễn-Khuyến)

hay :

*Anh hỏi làm chi hoa với rượu,
Cõi đời chưa biết mặt trùng dương*
(Trần-minh-Phú)

Có thể viết :

2	4	6
Bình	Trắc	Bình
2	4	6
Trắc	Bình	Trắc

Nhưng có khi không theo luật ấy :

*Dù dương trần khe khát, hiềm nghèo,
Dù gặp ghềnh, dù lắm hùm beo.*
(Huy-Thông)

Ngày nay nhiều nhà thơ mới vẫn còn dùng niêm luật : nếu tiếng thứ hai của câu một bình thì tiếng thứ hai của câu tư cũng bình, và tiếng thứ hai của câu nhì, câu ba trắc ; nếu tiếng thứ hai của câu một trắc thì tiếng hai của câu tư cũng trắc và tiếng thứ hai của câu nhì, câu ba bằng :

lo cho mình. Gia đình Cụ có 200 người, mà trong khoảng mười năm, số người chết đã hết hai phần ba, mà chết vì thương hàn thì mười phần hết bảy. Cảm sự luân tang của dĩ vãng, thương cái bất cứu của hoạn tử yểu vong, Cụ Trương-trọng-Cảnh rước thầy học tập, cần cầu cồ huấn, bác thái quàn thư, viết ra bộ Thương hàn Tập bệnh luận, cứu giúp biết bao nhiêu nhân sinh.

Cụ Hải-Thượng Lân-Ông, lập chũ trên nghịch cảnh, yêu thương đồng loại nên mới hy sinh cho người. Riêng cho cha mẹ, Cụ chưa đền bù nghĩa nặng sinh thành, riêng cho thân mình, Cụ không đủ nuôi thân. Con trai yêu quý của Cụ bị bệnh đậu mùa mà Cụ chưa trị được, phải nhờ đến phàm y cho đến chết. Cụ vừa uất ức, thương tiếc mến yêu đứa con trai dính ngộ. Lòng Cụ bèn cảm thương đến cảnh ngộ của muôn vạn người như Cụ và sự chết oan uổng của muôn trẻ em như con của Cụ. Cụ bẽ môn tuyệt khách, rước thầy học thuốc trong mười lăm năm, viết ra bộ Y-tôn Tâm-lĩnh, 66 quyển.

Cụ Trương-trọng-Cảnh và Cụ Hải-Thượng Lân-Ông được tôn sùng làm Thánh Tồ và Y Tồ, không phải vì hai Cụ để lại cho đời hai bộ sách quý giá vô song. Hai Cụ được tôn sùng vì hai Cụ, sau khi trải qua những cảnh ngộ gian nan, hiểu thấu giá trị của nhân phẩm nhân vị, mà tranh đấu cho nhân loại trên con đường nhân thuật, với trí óc sáng suốt, tấm lòng nhân đạo vô biên của tất cả đời mình. VÌ CON NGƯỜI mà hai cụ phải khổ nhọc long đong, nên ai là người, đều cảm thông tinh thần thiêng liêng của hai Cụ mà ghi nhớ tôn sùng không phút nào ngơi.

Pho sách của Cụ Hải-Thượng gồm có 66 quyển, toàn là lời luận xác đáng, những phương pháp tuyệt xảo. Lúc Cụ còn sanh tiền, sách của Cụ được học trò chép và phổ biến khắp nơi, được những bậc danh y trong nước khen tặng, đến nỗi có người lập bài vị mà thờ sống Cụ, mỗi ngày hai buổi cúng bái.

Lòng của Cụ không vì đó mà kiêu căng. Chỉ biết ước mong sao cho bộ sách ấy in được để phổ biến cho rộng rãi mà thôi. Nhưng bản gỗ phải khắc rất nhiều tiền và không sao kiếm tiền cho nổi. Một sự thử thách chót làm cho sáng tỏ rằng Cụ không chỉ hành động vì nhân phẩm nhân vị của người khác mà thôi, mà chính Cụ đã xây dựng nhân phẩm nhân vị của Cụ trên một mức rất cao. Lúc ấy, Cụ đã sáu mươi, thời của Trịnh-Sâm làm chúa, một người văn võ kiêm toàn, ở ngoài thì Trịnh-Sâm đẹp được Lê-duy-Mật, Hoàng-văn-Chất, trong Nam thì chiếm được đất Thuận đất Quảng của chúa Nguyễn, nên Trịnh-Sâm hống hách vô cùng, không coi nhà Lê ra gì hết, tự tôn mình là « Thánh Thượng » và vợ mình Đặng-thị-Huệ là « Chánh Cung ». Bà Đặng-thị-Huệ tức là Bà Chúa Chè, có một đứa con là Trịnh-Cán rất thông minh nên được Trịnh-Sâm yêu quý vô cùng.

Trịnh-Cán đau nặng, bệnh cồ trướng. Các ngự y đều bó tay, nên Trịnh-Sâm phải treo bảng cầu danh y ở khắp mọi nơi. Cụ không đi, nhưng Trịnh-Sâm truyền chỉ cho Đốc-Trấn Nghệ-An là Côn-lĩnh-Hầu đến tận nhà mà rước Cụ vào Kinh. Trong quyền Thượng Kinh Du Ký, Cụ có chép rằng : «Bây giờ tôi bút rứt không biết chừng nào, suốt đêm không ngủ được. Tôi tự

nghĩ rằng lúc thiếu thời mình mài gươm đọc sách, rồi phiêu đảng chốn giang hồ, chốc ngoai mười lăm năm, đã không sở đắc được điều gì. Sau vứt bỏ cả công danh sự nghiệp, về ẩn cư dưới núi Hương Sơn, vừa nuôi mẹ, vừa đọc sách, tiêu diêu trong vườn hoa Hiên-Kỳ, tự lấy việc *bảo thân tế dân* làm đặc sách, ai hay nhất dán lại khố về cái hư danh ! Cụ than :

Thùy tri kỷ vô danh lợi tâm,

Phục tác danh lợi thân.

(Ai biết đâu rằng lòng ta không danh lợi nữa,

Mà thân ta phải còn ở trong danh lợi như không).

Và Cụ buồn mà rằng :

Lạc tại an bần xứ,

Hà cầu nhất phạn ktm.

(Vui tại chỗ an bần.

Nào cần chi một chén vàng mới vui).

Nhưng không đi không được. Cụ cố tìm một điều để tự an ủi. Cụ viết trong tập Du Ký : « Mình khốn tâm xem xét Y khoa đã ba mươi năm nay, soạn được bộ Y khoa Tâm Lĩnh, cũng muốn in ra để hỏi đời xem sao, nhưng chưa có dịp thi hành được ? Hoặc giả nhờ chuyển đi này, quý thần cảm thành tâm của mình mà khiến cho mình thi hành được chí nguyện cũng chưa biết chừng ». Đi thì Cụ cứ đi, nhưng tự phê rằng :

Phụng Chiếu, xu hành dịch

Cần lao tiểu Lân-Ông.

(Phụng chỉ đi hành dịch

Cười sự vất vả cho ông già lười biếng này !)

Lúc đến nơi, Cụ xem bệnh, bắt mạch và cho toa. Nhưng lời lẽ của Cụ bị bọn ngự y ganh tỵ dèm pha nên chúa Trịnh không đem ra thi hành. Chúa Trịnh vẫn yêu quý Cụ, cầm chân Cụ trong Vương Phủ, ban bố nhiều ngấu lộc, may cho cụ nhiều áo gấm đẹp để Cụ ra vào cho tiện, nhưng Cụ vẫn cứ mặc áo vải thô trắng, chống một cây gậy với một đôi dép rơm như Cụ còn trong túp lều tranh, là nơi Cụ đã học được Đạo Hiên-Kỳ.

Cụ cũng không khinh bạc đời một chút nào cả. Đối với chúa Trịnh, Cụ vẫn thành kính, không dám lãng quên. Cụ lấy đó làm mực thước trong khi giao thiệp với mọi người. Ở giữa quyền quý, lòng cụ không lay chuyển, mà Cụ cũng không khinh bạc quyền quý ấy, dầu bất nghĩa hay không.

Hơn một năm trời sau, bệnh Thế Tử Cán trở lại nặng quá, chường gọi đến Cụ trở lại thì Cụ làm y án rồi lắc đầu không chữa. Lận đận chống gậy từ Hương Sơn ra Thăng Long, rồi lại từ Thăng Long chống gậy về, nguyện vọng của mình và của người trông cậy ở mình đều không thành cả.

Nhưng, vô tình trong khi nhân rồi, Cụ cầm bút chép lại những nỗi lòng mình, những nhân vật Cụ gặp, những cảnh ngộ đa đoan, những phương xử thế nhân vị của Cụ, khiến ngày nay chúng ta cảm thông được sự tranh đấu của Cụ từng chi tiết, thật là một kho tài liệu đáng giá ngàn vàng, không những cho Đông Y giới chúng ta biết rõ thân thể và sự nghiệp Y tồ mà thôi, lại còn, chúng ta cần có thể nói và lập luận Nhân Vị của chúng ta trên những bằng cứ chắc chắn và những nét bút ghi chép hân hoi.

Thì này đây, hơn phút rảnh rang trong khi hành nghiệp, Cụ có chép nhiều cảm khái bằng những vần thi đây ý tưởng NHÂN-VỊ :

*Khuy vọng Hiên-Kỳ trấp tải dư,
Hàn ôn khằng phóng án đầu thư ;
Chưởng trung họa phúc tâm dĩ cụ,
Hung thứ phương viên thán bất như.
Thực Hạnh khởi kham đồ hậu báo,
Huyền hồ ngẫu hữu cố cùng lưu.
Công danh đại bệnh thâm nan liệu,
Đạo đức y ngô kiện khởi cư.*

Cụ nói : « Trộm xem Y đạo của Hiên-Kỳ trải 20 năm dư, sách gối đầu năm, bao nỗi hàn ôn đầu dám đành bỏ luống. Nghĩ đến họa phúc nằm trong bàn tay, tâm mình hằng lo sợ; học thuật chưa được vuông tròn, lòng mình luống những thờ than ! Trồng cây Hạnh (nói việc học thuốc), tôi dám đâu riêng mong có lộc tốt ; còn treo được hồ ở cửa, đề ngẫu nhiên ai có bệnh biết mà đến tôi. Công danh là một đại bệnh, càng thâm sâu càng khó trị, nên tôi chỉ lấy Y đạo tự sửa mình cho công tác xã hội mình được kiện toàn đấy mà thôi ».

Trên 20 năm, trong lúc đó có 15 năm bế môn tuyệt khách, đọc sách với nước mắt máu lòng, Cụ Hải-Thượng Lân-Ông vì nhân sinh mà lập tâm chí

nguyện. Sách gối đầu năm, đầu khi rét lạnh lúc nóng bức mình, Cụ nào dám vì thân mình mà rời bỏ ? Họa phúc của nhân sinh đã giao trộn trong lòng bàn tay, tâm Cụ hằng lo sợ không dám khinh suất ; lúc nào cũng chậm chậm học hỏi thêm, sợ rằng học thuật mình chưa đủ để cứu người. Lúc nào Cụ cũng vì nhân sinh, tôn trọng nhân vị mà học Y, chớ đâu vì trồng cây Hạnh để mong được báo đáp nhiều tiền ; còn có treo bầu thuốc trước nhà cũng vì để cho ai rủi có bệnh biết đấy mà đến thôi, chớ nào dám quảng cáo cho tên tuổi mình. Tiền không dám nghĩ, lợi không dám suy, còn cái công danh là một bệnh nặng, Cụ nào vướng mà làm chi, Cụ chỉ vì NGƯỜI, vì yêu NHÂN-LOẠI, vì trọng NHÂN VỊ mà tự sửa mình, cho sự cứu vớt sinh linh được được toàn hảo mà thôi.

Thời gian qua, Cụ mất ở góc núi Hương-sơn, trong cái lều Cụ đã vì NHÂN LOẠI mà tranh đấu với bệnh tật và tử thần. đúng rằm tháng giêng năm 1792, hưởng thọ được 67 tuổi. Họ Trịnh đã mất, nhà Lê cũng mất, Lê-hữu-Trác cũng mất theo, nhưng Cụ Hải-Thượng Lân-Ông hãy còn, Bộ Y Tôn Tâm linh hãy còn, NHÂN VỊ của Cụ gây dựng cho Y giới nước nhà hãy còn, chói lọi một góc trời Nam.

NGUYỄN-VĂN-BA

★ GIỜ thử thách là giờ làm việc có kết quả hơn hết.

QUI LUẬT CỦA MỘT VÀI LỐI THƠ

Minh-Anh



HƠ là tiếng nói của tình cảm ; và từ ngàn xưa, dân tộc Việt-Nam đã có tiếng là dân tộc giàu tình cảm ; có lẽ vì thế mà trong chúng ta có rất nhiều người yêu thơ ? Chúng ta thích đọc thơ, ngâm thơ, bình thơ và thích làm thơ. Trong những đứa con thai nghén của người văn nghệ, đứa con đầu lòng vẫn là đứa con thơ. Thơ nở trên đầu súng, thơ nở trên luống cày, trong lòng bàn tay sạm nắng của người thợ, trong trang vở nháp của các cậu học trò... Hôm nay, trên trang báo này, tôi xin trình bày sơ lược với các bạn yêu thơ, nhất là với cội lòng thơ đang chập chững trong vườn hoa Văn nghệ, những qui luật của các lối thơ hiện được thông dụng.

Có đôi anh em bảo rằng : cần gì học những qui luật của các lối thơ, và khi tôi bắt đầu làm thơ, tôi không hề biết đến những qui tắc ấy mà tôi cũng vẫn viết những câu thơ lục bát hay ngũ ngôn đúng niêm luật. Tôi không hoàn toàn phủ nhận giá trị của câu nói ấy, nhưng khi anh em ấy nói rằng tôi không biết luật thơ, thì thật ra anh đã biết ít nhiều về luật thơ rồi đấy ! Kho tàng văn chương bình dân của chúng ta đã có biết bao nhiêu cánh hoa thơm mát của những tác giả chưa bao giờ nghiên cứu đến thơ luật, mà có ai dám bảo rằng các « cánh hoa » ấy không phải là thơ và người bình dân không biết làm thơ ? Thơ là âm điệu, là hình ảnh... mà những vần thơ giàu âm điệu là những vần thơ nghe êm tai, cho nên khi bạn làm được năm ba câu thơ

hỏi ở người làm thơ nhiều biệt tài và điều luyện hơn.

Nhưng chúng ta nhận thấy rằng các nhà thơ tự do vẫn thường viết những bài thơ theo các thể văn cũ, như song thất, lục bát, thơ năm tiếng, thơ sáu tiếng mà những bài ấy thường là những bài hay cả về tình ý và âm vận.

Ta cũng nhận thấy rằng những thi sĩ có thiên tài, dù làm thơ theo lối cũ hay lối mới, vẫn có thể làm nên tác phẩm hay được; mà thể thơ bao giờ cũng có khuôn khổ nhứt định — dù cái khuôn khổ ấy rộng rãi thế nào — và

qui củ phân minh — dù cái qui củ ấy không chặt chẽ cho lắm — : cái tài của nhà thơ chính là ở chỗ cứ theo cái khuôn khổ ấy, cái quy luật cũ ấy, mà diễn đạt được tình ý một cách tự nhiên và thành thực

Tôi muốn dùng ý kiến của Nguyễn-hiến-Lê để kết thúc cho vấn đề hôm nay : « Đến văn xuôi cũng còn có qui tắc hướng là thơ. »

Thị xã Quảng-ngãi, mùa nhập học 57-58.

MINH-ANH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

SI...

Si tu peux voir détruit l'ouvrage de ta vie
Et sans dire un seul mot, te mettre à rebâtir,
Ou perdre en un seul coup le gain de cent parties
Sans un geste et sans un soupir ;

Si tu peux être aimant sans être fou d'amour,
Et tu peux être fort sans cesser d'être tendre,
Et te sentant haï, sans haïr à ton tour,
Pourtant lutter et te défendre ;

Si tu peux supporter d'entendre tes paroles
Travesties par des gueux pour exciter les sots,
Et d'entendre mentir sur toi leurs bouches folles
Sans mentir toi-même d'un mot ;

Si tu peux rester digne en étant populaire,
Si tu peux rester peuple en conseillant les rois,
Et si tu peux aimer tous tes amis en frères,
Sans qu'aucun d'eux soit tout pour toi ;

Si tu sais méditer, observer et connaître,
Sans jamais devenir sceptique ou destructeur ;
Rêver, sans laisser ton rêve être ton maître ;
Penser, sans n'être qu'un penseur ;

Si tu peux être dur sans jamais être en rage,
Si tu peux être brave et jamais imprudent,
Si tu sais être bon, si tu sais être sage,
Sans être moral ni pédant ;

Si tu peux rencontrer triomphe après défaite,
Et recevoir ces deux menteurs d'un même front,
Si tu peux conserver ton courage et ta tête,
Quand tous les autres la perdront,

Alors les Rois, les Dieux, la Chance et la Victoire,
Sont à jamais tes esclaves soumis,
Et ce qui vaut mieux que les Rois et la Gloire,
Tu seras un Homme, mon fils. (1)

ANDRÉ MAUROIS

(1) Nguyên văn là « If », tiếng Anh, của Ruydard Kipling.

NẾU...

Nếu con thấy cơ đồ sụp đổ
Mà thân nhiên lao khổ đắp xây,
Hay bạc tiền một phút trắng tay,
Không than thở cau mày thê thảm ;

Nếu con yêu song không mê đắm,
Mạnh dưng mà không kém dịu dàng,
Không oán hờn dầu bị ghét oan,
Song tranh đấu, sẵn sàng tự vệ ;

Bị xuyên tạc, con nào sợ kẻ,
Không dại khờ mắc kế lưu manh,
Dầu miệng sẵn thêu dệt quẹo quanh
Một lời con chẳng đành dối thế ;

Bình dân, nhưng vẫn tròn phong thể,
Quyền cao mà như kẻ bạch đình,
Thương bạn như huynh đệ thâm tình
Song chẳng nặng riêng mình ai hết,

Nếu như con trầm ngâm, xét, biết,
Nhưng hoài nghi, phá diệt, thì không ;
Mơ màng chẳng đề mộng xiêu lòng,
Suy tưởng song thoát vòng lý thuyết ;

Cứng cỏi nhưng không hề nóng tiết,
Gan dạ thừa song quyết chẳng liều,
Tủi tể nhiều, khôn khéo bao nhiêu,
Con cũng chẳng làm kiêu, lên mặt,..

Dầu thắng, bại, con không đòi sắc,
Về hiên ngang, trối mặc cơ cầu ;
Vững can tràng, tỉnh trí mặc dầu
Những kẻ khác điên đầu tán loạn ;

Thì khi ấy Vương, Thần, May, Thắng
Con khiến sai hăn dễ như chơi,
Hơn vinh quang, vua chúa trên đời,
Vì con sẽ là Người, con ạ.

TRIỆU-ĐƯỜNG

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

THE BANK OF EAST ASIA, LTD
(ĐÔNG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

QUI LUẬT CỦA MỘT VÀI LỖI THƠ

Đêm qua tàn lạnh một mùa đông
Mẹ vuốt tóc con vợ bảo chồng
Lửa thăm tin yêu cười pháo nổ
Ngày nao Nguyễn-Huệ chiếm Thăng-long
(Diên-Nghị)

hoặc :

Có một mùa xuân ngập sắc hoa
Bướm vàng lá lứt, gió lán la
Có cô hàng xóm bầu đôi má
Nhìn nắng mùa xuân lợp mái nhà
(Tạ-Ký)

Cách gieo vần trong thơ bảy tiếng

Thơ bảy tiếng được gieo theo vần liền, vần choàng, vần tréo, vần ba tiếng bình nhưng các nhà thơ thường dùng vần tréo và vần ba tiếng bình. Vần choàng và nhất là vần liền ít được dùng trong thơ mới, trái lại rất thường gặp trong thơ cổ phong :

Dù đường trần khe khát hiem nghèo,
Dù gập ghềnh dù lắm hùm beo,
Cứ quả quyết đường hoàng ta tiến ;
Đời thăm đạm, ta càng vinh hiển.
(Huy-Thông)

Ghi chú. — Có lúc trong đoạn thơ bảy tiếng, ta gặp một vài câu thơ không đủ bảy tiếng :

Chẳng phải ngô, chẳng phải ta
Đầu thì trọc lóc áo không tà
Oản dăng trước mặt năm, ba phẩm
Vải mập sau lưng sáu, bảy bà.
(Hồ-xuân-Hương)

Thỉnh thoảng ta còn gặp những bài thơ bảy tiếng mà tất cả tiếng trong bài đều là thanh bằng cả :

Ta và năm nay chim không ca
Điêu hiu không gian mây vương nhòa
Hoa đào không rơi, cành khô khan
Đồi cao cheo leo im hơi đàn
(Trần-kỳ-Hùng)

Các nhà thơ thường dùng thể thơ bảy tiếng để diễn tả những đề tài lâm ly, bi tráng. Thi thể này đòi hỏi ở người làm thơ nhiều cố gắng hơn, vì dù sao nó cũng chưa thoát khỏi những ràng buộc cũ.

THƠ TÁM TIẾNG

Thơ tám tiếng được thịnh hành vào khoảng 1930-1940 ; ngày nay thể thơ này không được công dụng lắm.

Bảng trắc trong thơ tám tiếng

Không có quy luật nhất định, nhưng thường thường tiếng cuối câu trắc thì tiếng thứ sáu, tiếng thứ năm bình, tiếng thứ ba trắc ; nếu tiếng cuối câu bình thì tiếng thứ sáu, tiếng thứ năm trắc, tiếng thứ ba bình :

Người ta khổ vì yêu không phải cách
Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm nơi
(Xuân-Diệu)

hoặc :

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành, hống hách những
ngày xưa.
(Thế-Lữ)

Có thể viết :

3	5	6	8
Trắc	Bình	Bình	Trắc
3	5	6	8
Bình	Trắc	Trắc	Bình

Nhưng có khi không theo quy luật này :

Ngoài xa xa, không, ngoài xa nữa
Thấy không cô, ánh nắng kéo hồn tôi
(Chế-lan-Viên)

Cách gieo vần trong thơ tám tiếng

Thơ tám tiếng thường được gieo theo vần liền và vần tréo :

1.— Văn liền :

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn
phương ngàn.

(Thế-Lữ)

Trong bài thơ tám tiếng, có khi lại gặp
lại gặp đôi, ba câu thơ mà số tiếng
không đủ tám :

2.— Văn tréo :

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt đất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.
Của ong bướm này đây buồn tháng mật ;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì.
Này đây là của cành tơ phơ phất
Của yến oanh này đây khúc tình si.

Lối thơ tám tiếng có thể dùng để
diễn tả hình ảnh và tư tưởng một cách
đầy đủ và tự do hơn, so với các lối
thơ mang hình thức cũ.

THƠ LỤC BÁT

Thơ lục bát rất được thông dụng
vì nó là một thể thơ đặc biệt Việt-
Nam ; người ta có thể dùng lối thơ
này để diễn tả đầy đủ mọi khía cạnh
của cuộc sống. Thơ sáu tám tương đối
dễ làm hơn các thể thơ khác.

Bằng trắc trong thơ lục bát

Trong câu lục tiếng thứ hai bình,
tiếng thứ tư trắc, tiếng thứ sáu và tiếng
thứ tám bình :

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền đi thấp thoáng cánh buồm
xa xa !

(Nguyễn-Du)

hay :

Ngày đi thương nhớ tràn trề

Biết chăng thương nhớ ngày về còn
không ?

Có thể viết :

2	4	6	
Bình	Trắc	Bình	
2	4	6	8
Bình	Trắc	Bình	Bình

Trong câu bát tiếng thứ sáu và tiếng thứ
tám cùng bình nhưng phải một tiếng có
dấu huyền và một tiếng không dấu :

Tên em thắm một bài thơ
Tên em là những đường tơ tuyệt vời.

Cách gieo vần trong thơ lục bát

Tiếng thứ sáu của câu lục vần với tiếng
thứ của câu bát. Tiếng thứ tám của câu
bát vần với tiếng thứ sáu câu lục tiếp
theo. Tiếng cuối câu lục này lại vần với
tiếng thứ sáu của câu bát tiếp theo và
cứ như thế cho đến hết bài :

Lòng tôi như chiếc thuyền lan
Tình cô như khách sang ngang một chiều
Thu nào quá đổi cô liêu
Bờ hun hút lạnh nắng hiu hiu buồn
(Sang ngang)

Đôi khi ta cũng gặp đôi câu thơ lục
bát mà tiếng cuối câu lục vần với tiếng
thứ tư của câu bát :

Sông sâu thì mặc sông sâu
Nối lại nhịp cầu, mai mối anh sang.

THƠ SONG THẤT LỤC BÁT

Phát sinh từ phương ngôn, tục ngữ, thơ
song thất lục bát là lối thơ biến thể của thơ
lục bát. Thi thể này gồm có «song thất» và
«lục bát», một lối thơ hoàn toàn Việt-Nam.

Các thi gia thường dùng lối thơ này
để diễn tả những sự việc, tâm trạng
tức bực, cảm hờn : Ôn - như-Hầu với
«Cung oán ngâm khúc» và Đoàn-thị-

QUI LUẬT CỦA MỘT VÀI LỐI THƠ

Điền với « Chinh phụ ngâm ».

Bình trắc trong thơ song thất lục bát

Trong câu thất trên tiếng thứ ba trắc, tiếng thứ năm bình tiếng thứ bảy trắc. Trong câu thất dưới tiếng thứ ba bình, tiếng thứ năm trắc, tiếng thứ bảy bình. Hai câu tiếp theo theo thể lục bát :

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chiến
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.*

(Chinh phụ ngâm)

Có thể viết :

3	5	7
Trắc	Bình	Trắc
3	5	7
Bình	Trắc	Bình

Có đôi khi tiếng thứ ba câu thất trên bình :

*Rét Thát-nguyên rét về Yên-thế
Gió qua rừng đèo Khế gió sang*

Trường hợp này hai câu bảy đặt thành hai câu song nhau hoặc đối, hoặc không đối :

*Chàng thì đi cỡi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn*
(Đối nhau)

(Chinh phụ ngâm)

hoặc :

*Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này, nghỉ mát phương nao.*
(Không đối)

(Chinh phụ ngâm)

Cách gieo vần thơ song thất lục bát

Tiếng cuối câu bảy trên vần với tiếng thứ năm câu bảy dưới, đều là vần trắc. Tiếng cuối câu bảy dưới vần với tiếng cuối câu sáu, đều là vần bằng. Tiếng cuối câu sáu vần với tiếng

sáu câu tám mà là vần bằng (theo thể lục bát). Nếu có đoạn thơ song thất lục bát tiếp theo thì tiếng bằng thứ tám của câu bát vần với tiếng bằng thứ năm của câu thất :

*Chiều xuân dịu, vàng vàng ánh nắng
Nước sông đầy, trắng trắng làn sông
Thuyền ai biệt bến sông Hồng ?
Một người thơ thẩn trên sông tiễn thuyền
Thuyền đi nhẹ vào miền mây nước
Hồn thơ ta hẹn ước cùng đi*

(Thuyền thơ)

Âm điệu của thi thể này trầm và đều, cho nên ngày nay ít người dùng thể này để viết trọn một bài thơ. Thể này cũng gọi là lục bát gián thất, nghĩa là câu sáu, câu tám có xen vào những câu bảy.

THƠ TỰ DO

Đúng như tên gọi, thi thể này không có quy luật trong cách gieo vần, trong luật bằng trắc, số tiếng một câu... Số câu trong bài không nhất định. Có khi đặt câu liên tiếp nhau từ đầu đến cuối, có khi chia các câu trong bài thành nhiều đoạn. Số câu trong đoạn cũng không nhất định : hoặc 4 câu, hoặc 8 câu, mười câu... và có khi các đoạn trong một bài có số câu khác nhau.

Đọc một bài thơ tự do ta không còn gặp những câu thơ làm theo một thể nào rõ rệt. Ở đây các thể thơ đã bị rạn nứt, biến đổi : câu thơ hai tiếng đi liền với câu thơ mười tiếng, và tiếp theo là một câu thơ năm tiếng hoặc bảy tiếng :

*Anh Hai mấy bữa qua còn đùa cợt
đâu đây*

*Nay đà vắng mặt
Chị hàng thoáng buồn
Thầy tướng ngần ngại*

Vài tiếng sì sào ướt vì nước mắt,
Rồi nhìn trước nhìn sau
Im bất.

(Ninh-huân)

Trong thơ tự do, thi sĩ vẫn phải trọng luật âm điệu. Nói đến nghệ thuật phải nghĩ đến quy tắc, đến sự câu thúc vì « nghệ thuật phát sinh từ sự câu thúc ». Ở đây tôi không nói đến thơ tự do không vần không điệu, bất chấp cả các dấu chấm, phết, vì có người cho rằng lại này không phải là thơ.

Thi sĩ dùng thể thơ tự do không cần theo đúng bố cục trong thể thơ luật, cũng không cần theo luật bằng trắc ; không cần ngắt ý ở cuối mỗi câu ; cứ theo cảm hứng của mình mà cho nhạc điệu dồn dập, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc trầm hoặc bổng, lúc nhanh lúc chậm, miễn là phô diễn được tình cảm, ý nghĩ một cách thành thật và chân xác. Về âm thanh, các nhà thơ tự do thường dùng những tiếng có âm thanh nhẹ

nhàng để diễn tả những tình cảm mãnh liệt.

Đừng nên làm thơ tự do nếu bạn mới tập làm thơ. Điều nên chú ý khi làm thơ theo thể này là nhạc thơ phải ăn liền với ý thơ. Trong thơ tự do người ta muốn dùng vần gì cũng được, miễn là âm thanh ăn liền với hình ảnh, ý tưởng. Câu thơ tự do không có số tiếng nhất định, các thi sĩ thường dùng những câu quá dài hay quá ngắn, để phô diễn những ý tưởng, tức bực, đau khổ hay một cảm nghĩ, một rung động ngược lại :

Tôi đi

Mang bao nhiêu hoài vọng

Mai tôi về

Hà-nội bừng lên sức sống

Hà-nội rực hương yêu

Những người em gái đô thành nụ cười
nhỏ nhỏ, chiếc nón nghiêng trao

Mừng đón người anh xa vắng

Áo hào hoa bạc màu

hay :

Nhớ Bồ-Đề cầu xưa mấy nhịp

Ta nhớ nhất những con đường sạm
đen rừng rưng màu máu

(Huyền-Không)

Ngày nay, tình cảm con người có nhiều thay đổi. Rung cảm và nếp nghĩ của chúng ta đã vượt khỏi những ràng buộc cũ, hình thức thơ tự do rất hợp với đời sống đang lên. Ta đã gặp khá nhiều bài thơ tự do có giá trị, nhưng so sánh với các thi thể khác, thơ tự do vẫn đòi

GIỚI THIỆU SÁCH

Chúng tôi vừa nhận được của nhà xuất bản **Tân-Việt** những cuốn sách sau đây :

1') **NHO-GIÁO** của **Trần-Trọng-Kim**, quyền hạ, giá **150đ.**

2') **HÀN MẠC TỬ**, thân thể và thi văn ; tác giả **Trần-Thanh-Mại**. Giá **50đ.**

3') **TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ**, văn chương và thân thể **TRẦN-TẾ-XƯƠNG**, cũng cùng tác giả. Giá **25đ.**

Chúng tôi xin cảm ơn nhà xuất bản và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách khảo cứu có giá trị và « những mảnh gương » rất bổ ích.

VIỆT-NAM NĂM NGÀN NĂM VĂN HIỂN

của LÊ-VĂN-SIÊU

NGUYỄN-NGU-Í



RANH vẽ « Việt-Nam năm ngàn năm văn hiến » đặt cho người xem tranh một vấn đề :

Ấy là vấn đề thể phả dân tộc khác với thể phả

văn hiến.

Nếu là thể phả dân tộc, tác-giả đã phải dò tìm nguồn gốc dân tộc, hoặc theo phương pháp lịch sử, hoặc theo phương pháp khảo cổ sử như kiểu Auroousseau, Maspéro, Đào-Duy-Anh v.v., rồi trình bày những sự pha giống, những làn sóng di dân, những trận tranh chiếm đất đai, mở mang bờ cõi, với những tên các vua chúa, có khi cũng có ích, nhưng nhiều khi cũng

chẳng lợi gì cho sự trao đổi văn hoá quốc tế hiện đại.

Ở đây, tác giả đã chỉ trình bày thể phả văn hiến là những gì tạo thành nền văn minh giống Việt, những gì đề cao được tinh thần văn hiến nòi Việt qua năm ngàn năm lịch sử.

Ở đây, tác-giả đã không coi ông vua là quan trọng, nếu ông vua ấy không có một công nghiệp gì góp vào sự xây dựng nền văn minh Việt-Nam, mà tác giả đã đặt một ông vua (nếu ông vua ấy có một sự nghiệp văn học hay chính trị) đứng cạnh một ông quan, một văn nghệ sĩ, một tu sĩ, một chính trị gia. Tác-giả đã chú ý đến công nghiệp tài bồi di sản văn hóa là công nghiệp chung của

mọi người ở mọi giai đoạn lịch sử. Và đó chính là điểm lý thú của bức tranh.

Điểm lý thú hơn nữa là ở nguồn gốc, tác giả đã trình bày mầm mống của tiếng nói Việt-Nam là một thứ tiếng « tượng hình », với những âm, những thanh, những cách nói lái, nói lóng, câu đố, là những gì hết sức đặc biệt, chỉ có người Việt mới có.

Đầu tiên nói về tiếng tượng hình

Cho đến ngày nay, người ta chỉ mới nghe nói đến danh từ *tiếng tượng thanh* (onomatopée) là thứ tiếng bắt chước tiếng kêu của loài vật hay của các vật đụng chạm nhau, như: con ngỗng kêu oang-oác, con chó sủa gâu gâu, cái bình vỡ choang, đám cửa thình thình... Và người ta cũng chỉ mới nghe nói đến danh từ *chữ tượng hình* (caractères idéographiques) như chữ nhật 日: mặt trời, là hình vuông biến từ hình tròn vẽ theo hình mặt trời ra; hay chữ nhân, 人: người, vẽ cái đầu với tay xuôi ra theo hình một người; hay chữ vật 物 vẽ cái đầu với bốn chân con vật.

Người ta chưa hề nghe nói đến danh từ « *tiếng tượng hình* » (langue idéographique). Đó là một công phu sưu tầm của ông Lê-Văn-Siêu, mà chúng tôi thấy có phần sự phải nói rõ.

Trong sách « *Nguồn gốc Văn học Việt-Nam* », trang 129, ông đã viết:

« Nói về nguồn gốc Văn học Việt-Nam mà chưa nói tới tinh thần tiếng Việt-Nam là chưa nói được gì hết.

Phần lạ lùng nhất của tiếng Việt — ngoài tính cách tượng thanh như những thứ tiếng khác — là tính cách tượng hình các vật và các việc.

Nếu chữ tượng hình là một sáng chế đặc biệt của các dân tộc cổ Trung-hoa, thì tiếng tượng hình lại là một sáng chế đặc biệt khác của dân tộc chúng ta. Một đàn dùng hình vẽ để diễn tả, một đàn dùng âm thanh để diễn tả.

Tuồng như có một số âm gốc với những tiếng gốc của nó, mà người xưa dùng tới luôn luôn, vừa dùng vừa làm dấu hiệu. Rồi theo với thời gian và theo với những trường hợp đặc biệt, nó khiến nảy sinh ra những tiếng khác, tuy nghĩa có khác đi, mà tính cách ở đại thể thì vẫn không đổi.

Mỗi âm vi vậy mà được mặc nhiên nhìn nhận là dấu hiệu để tượng hình ra vật gì hay việc gì không thể lẫn được.

Sau này, có những tiếng cùng âm gốc ấy lại không chỉ định vật hay việc gì giống với tính cách gốc ấy của nó, thì đó có thể là những tiếng lai. Còn nếu tạo ra tiếng mới mà muốn được dễ dàng công nhận ngay, thì chỉ cần phải dựa theo đúng ý nghĩa của mỗi âm ».

Tiếp theo đó, cũng trong sách nói trên, tác giả đã đưa một số âm gốc làm thí dụ:

Như âm OM, tả cái việc ở trên ngó xuống một hang sâu. LOM KHOM là cúi để làm việc ấy. DÒM là chú ý ở chỗ sáng nhìn vào chỗ tối hay trên cao nhìn xuống dưới thấp, hay ở ngoài nhìn vào trong. Lửa LOM NHOM là lửa ở trong

bếp mới bắt đầu bén vào củi (bếp của ta xưa là thứ bếp ngồi, thành ra đầu cao phải cúi xuống thồi lửa) ; **dÓM** bếp hay **nhÓM** lửa cũng là ở ý ấy mà ra. Cái **dÓM** cũng dùng vào việc lấy lửa. **cÒM cOM** là làm việc một cách tội nghiệp từ sáng tới tối chăm chú hết vào công việc.

Chúng ta nhận thấy sự nhận xét của tác giả đã hết sức nhiều đề chỉ thu gọn trở lại bằng một nhận định ngắn ngủi :

Từ thời thượng cổ, năm 2897 trước Tây lịch tới nay, gần năm ngàn năm, người nước Văn-lang... đã có mầm móng của một tiếng nói riêng, gọi là tiếng tượng hình.

Nếu người đọc chỉ lướt qua, thì không thấy cái nặng nghìn cân của mấy chữ : đã có mầm móng của một tiếng nói riêng gọi là tiếng tượng hình.

Cái nặng nghìn cân ấy của mấy chữ đã là một điểm son tô lên cái quá khứ của dân tộc.

Theo lối nghiên cứu về Văn minh học, người ta phân biệt tiếng kêu của loài vật với tiếng ú ớ của những bộ lạc man rợ, với tiếng nói của những dân tộc bắt đầu có nền móng văn minh.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được cuốn « **VỖ LÒNG** » của **Đỗ-Đức-Thu**, do nhà xuất bản **Nguyễn - Thế** gửi tặng.

Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

Ông Lê-Văn-Siêu đã trình bày bằng cứ đề nói rằng người nước Văn-lang đã có mầm móng của một tiếng nói riêng. Ấy là ông đã giúp chúng ta dứt khoát với cái băn khoăn mà người ta gán cho chúng ta cái gì cũng do Trung-quốc tạo nên.

Điều này chúng tôi xin thành thực cảm ơn tác giả.

Đến những âm, những thanh, những cách nói lái, nói lối, tiếng đệm (đặc biệt của nòi giống) trong dòng dài lịch sử về sau, đã khiến tiếng nói ấy vô cùng phong phú và tế vi... thì chúng tôi thực tình xin chịu sự cô đọng cả bao nhiêu trang sách vào một câu văn tắt ấy.

Chỉ một câu viết mà mở được cả một chân trời tươi sáng của quá khứ từ trước văn tối om, và chuyển sang bức tranh lại cô đọng hơn một từng nữa, chỉ mấy chữ : *âm, thanh, nói lái, tiếng đệm v. v...* ông đã đặt vững gốc rễ của cả một nền Văn hiến. Đó là một kỳ công về văn học.

Cái tiếng nói như chúng ta đã biết, là một khí cụ đề chuyên chở cái gì. Cái gì ấy theo tác giả là « *quan niệm nhân sinh của người quân tử coi linh nghĩa trọng hơn quyền lợi* », quan niệm chứa đựng trong bao nhiêu những truyện thần thoại, truyện cổ tích là bấy nhiêu những tác phẩm văn nghệ đời lại đời đã tác động vào tiềm thức của nhân dân.

Cả cái vật đề chuyên chở và khí cụ chuyên chở đã là rễ cái của nền Văn hiến Việt-Nam, nó hút sức sống ở sông núi nước ta : Núi Tản, sông Hồng, đầm Dạ-trạch,

VIỆT NAM NĂM NGÀN NĂM VĂN HIỂN

Phong-châu, v.v... để truyền lên cho dòng nhựa chính từ Trưng-vương, Bà Triệu (1) tới Ngô - Quyền, Trần - Hưng - Đạo Bình-Ngô đại cáo, Đống-Đa, Phan-Bội - Châu, Phan - Châu - Trinh ... Yên-Báy.

Ta đã thấy rõ chẳng cái miên tục của lịch sử, với cái hứa hẹn của tương lai ?

Và ta đã thấy rõ chẳng cái ý nghĩa toàn cả con dân không phân biệt tôn giáo, giai cấp, địa phương, đều là cùng chung một gốc, như đôi câu đối đã ghi :

*Năm ngàn lịch sử cây Văn hiển,
Một mối giang san giống Lạc-Hồng.*

Bức tranh « Việt-nam năm ngàn năm Văn hiển » này của Lê - Văn - Siêu,

quả là một cái gì không thể thiếu được trong mỗi gia đình người Việt vậy.

NGUYỄN-NGU-Í

(1) Chúng tôi rất lấy làm ngạc nhiên mà thấy một người thân trọng như ông Lê-văn-Siêu vẫn gọi theo người Tàu đầy ác ý — người anh thư họ Triệu là Triệu-Âu : cái con mẹ già xấu xí họ Triệu. Chúng tôi đồng ý với các tác giả bài « *Sử gia Tàu đối với Triệu-Âu* » đăng ở « *Bách-khoa* » số 2, mà « *khai tử* » cái tên Âu ; nếu chẳng gọi bà là Triệu-Thị-Chinh hay Triệu-Trinh-Nương, thì gọi Bà Triệu không cũng đủ. Tương cũng cần nhắc lại, theo báo « *Cách mạng quốc gia* » ra ngày 29-5-1957.

« Các giáo sư phụ trách môn Sử ký đã cấm học sinh không được dùng chữ Triệu-**Âu** », vì chữ « **Âu** » tiếng Tàu có nghĩa « **mụ già** ». Phải thay chữ « **Âu** » và gọi Bà Triệu hay Triệu-Thị-Chinh ».

NEVER SUCH A SIGHT! NEVER SUCH MIGHT!



WARNER BROS. PRESENT
**GREGORY
PECK**

**RICHARD, LEO
BASEHART GENN**

IN THE
JOHN HUSTON

PRODUCTION OF HERMAN MELVILLE'S

MOBY DICK

COLOR BY **TECHNICOLOR**

SCREEN PLAY BY
RAY BRADBURY AND JOHN HUSTON • A MOULIN PICTURE DIRECTED BY JOHN HUSTON • PRESENTED BY
WARNER BROS.

WILL BE PLAYED FROM DECEMBER 24 TO 31 1957

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Không-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

BÀI THƠ DỄ HIỂU

Tôi viết cho anh
Bài thơ dễ hiểu
Đây không mắt xanh
Tóc không là tơ liễu
Không cầm ca gõ nhịp bến Tầm-Dương
Không mộng xa vời những chuyện mười phương
Không bóng dáng hồ ly, không má thắm
Không cuộc tình duyên nửa chừng thông cảm.
Bài thơ tôi
Nói chuyện yêu đời
Vì bài thơ đẹp anh ơi
Chỉ là nói được những lời của anh.
Anh yêu đất hiền lành,
Yêu con trâu, cái cuốc
Ban đêm ngắm đàn con lem lốc,
Ban ngày, đồng lúa xanh xanh
Và lời thơ đẹp của anh :
« Hôm qua tát nước đầu đình,
« Bỏ quên cái áo với cành hoa sen ».

BÀI THƠ DỄ HIỂU

Dạo nào gió lên
Đời anh chuyễn hướng,
Bờ tre tan tành
Máu loang bờ ruộng,
Nhà thân yêu lửa đốt ra tro
Con anh bữa đói, bữa no
Vợ anh sớm bến, chiều đò gian nan.
Anh thề chịu cực làm dân
Còn hơn sung sướng làm quân quên thù.
Thơ tôi không viết
Những vần âm u
Tay anh rắn chắc
Xây dựng một đời Tự do
Mồ hôi hòa với giòng thơ đẹp
Mong được ngày mai sống ấm no.
Bài thơ dễ hiểu
Viết đầu mùa thu
Gieo không lạc điệu
Như những vần tâm tư
Những vần thơ loạn anh ơi
Làm sao ăn nhịp với lời thơ anh.
Nhạc điệu kinh thành
Điên cuồng ủy mị
Áo tôi đứt chỉ
Vải nhạt màu xanh
Một bài thơ rất hiền lành
Đọc lên giữa lúc tàn tành núi sông
Ngày mai, tôi chỉ chờ mong
Đất, thơ thành vợ thành chồng với nhau.

Ta-Ky

THOÁT

NGUYỄN-PHÚC



NHŨNG ngọn điện vàng trên thành lao vụt tắt. Tối cảm đến ngửa bàn tay không thấy. Cây ngã đã giật đứt tung giây điện. Mưa đổ xuống ào ào và gió lại nổi lên. Từ xa cây cối chuyển ầm ầm mỗi lúc một gần. Những tấm tôn ở dẫy nhà xí giờ lên đập xuống loảng soảng. Trên lầu gác cao, mấy người lính la gọi ới ới; một người vừa suýt bị gió thổi xuống sân! Đèn bấm bật lên, rồi loang loáng một lúc. Tiếng chân bước xuống cầu thang hấp tấp. Trên sân gạch giữa khu nhà lao, ánh đèn bấm xanh lè như những con đom đóm không lồ bay rờ rờ. Gió vẫn vùn vụt đuổi nhau luồng này đến luồng khác, trong cái tăm tối mông lung của bầu trời. Cả khu nhà lao như sắp bị bùng đi nơi khác. Một nhánh cây to gãy rơi

xuống đập vào mái. Không ai có thể biết rõ là ở đâu, nhưng nghe ngói trượt, đồ xuống rào rào. Những tấm tôn vẫn bị gió đập loảng choảng không ngớt.

Trong khi đó, một tên phạm nhân vừa mới thoát ra khỏi phòng giam đứng nép mình gần một góc tường. Vai gã đeo cái gì trông gần như cái bị. Đó là một ống quần túm cột hai đầu để đựng lương khô. Lưng và hai tay gã áp sát tường như dán vào. Gã không nhúc nhích. Mắt gã thao láo nhìn trong đêm tối. Thình thoảng gã xoay đầu một cách dè dặt, quan sát hai đầu sân và cái bốt gác ở cửa lao. Có lẽ gã đang chờ một sự may mắn nào đến. Nhưng bức thành bao bọc nhà lao vẫn vững chãi, kiên cố, chặn đứng tầm mắt của gã. Cây dầu-lai-tây đang bị lay chuyển dữ dội. Một nhánh cây bị tách ra, bay xuống, song bị bức thành gạt rớt ra

ngoài. Gã tù đứng nhìn và nghe ngóng. Hai đầu sân vẫn không có bóng một người lính nào qua lại. Trên các lều gác tường như không còn ai cả. Họ sợ bão to có thể bay cả người và cả mái gác. Gã tù nhóm mình, chạy băng qua sân như một bóng cây thoáng qua. Một tiếng ú ớ nổi lên trong trại giam. Gã vội trụt xuống, nằm dài theo mương nước, quay đầu nhón nhác ngó lui. Hình như có vài tiếng ho và tiếng thì thầm tiếp theo. Không hiểu tiếng gió hay tiếng người ? Gã nằm lóng tai nghe và phỏng đoán. Bốn bề vẫn im lặng. Hơi yên tâm, gã nằm sắp đặt cách vượt thành. Gã biết trước mặt gã, cách chỗ nằm chừng hai mươi bước có năm cây sắn dài của tốp Sáu dùng để gánh gạo và khiêng đất. Gã nhớ trong năm cây sắn ấy có một cây dài nhất mang một cái tỉ ở giữa và một vết sơn đỏ ở đầu. Sợ dĩ gã nhớ tỉ mỉ như vậy vì những buổi đi gánh gạo hoặc đập đường, gã đã lợi dụng những lúc nghỉ, tập dựng chum đầu những cây sắn ấy lại vào một bức tường hay một thân cây làm một cái móc cao có thể để chân đứng lên được. Rồi từ đó, gã đu mình lên mặt thành. Gã còn tập chuyền gân tay trong những đêm khuya khoắt ở trong trại giam. Những mưu chước và công trình luyện tập chỉ để dành cho hôm nay. Gã hết sức dấn dọ trước từng việc phải làm khi đến chân thành. Gã suy đi tính lại và cố nhớ từng chỗ lờn vôi. Gã quên phứt cái bị lương khô của gã đang ngấm dần nước bẩn ở mương và mưa đang xối xuống người gã. Bỗng trong nhà giam có tiếng ồn ào. Có cả ánh lửa nữa.

Gã sợ chậm trễ, định nhóm dậy chạy đến chỗ năm cây sắn để hành động chớp nhoáng, nhưng một bóng người mặc áo mưa dềnh dàng đi lại. Lưỡi lê khua lắt cắt bên hông. Gã nhẹ bóng cả người. Gã nín thở, đầu hạ thấp xuống quá thành mương. Bước chân xát dưới nền gạch tiến đến gần chỗ gã. Một ý định thoáng đến làm gã xuất bật dậy. Gã nghĩ đến việc phải làm sao để hạ thủ người lính này trong tức khắc vì gã đã bị lộ dạng rồi. Nhưng gã vẫn nằm yên. Thân hình ốm o của gã đã sớm chặn đứng cái ý định ấy lại. Và bây giờ gã chỉ còn nằm chờ cho họ tóm cồ. Một ánh đèn bấm vụt sáng. Gã trông thấy bóng đầu của gã, tóc lờm xờm ở mặt nước mương. Thế là xong ! Mười hai năm tù nay sẽ có thể tăng thêm, đó là chưa kể hai ba tháng ở biệt phòng. Cuộc đời của gã không còn chỗ, không còn thời gian để mưu tính một việc gì sáng sủa hơn. Ước nguyện được gần gũi đứa con trai độc nhất đã tan biến. Ít năm nữa, đứa con của gã khôn lớn sẽ biết gã là một tên sát nhân ghê tởm nhất, đã giết mẹ nó. Người thù độc nhất của nó chính là gã rồi. Gã không còn một hy vọng nào nữa để giải bày vụ án này, không phải trước công luận mà trước mặt đứa con của gã. Mọi mơ tưởng về cuộc sống sắp đến ở nước ngoài với đứa con thân yêu đúng là một hư ảo đau đớn, một khát vọng đến điên cuồng sẽ mãi mãi theo đuổi gã cho đến khi gã tắt hơi thở cuối cùng trong một xó nhà giam cô đơn và nhớp nhúa ! Gã cảm thấy hình như máu trong các huyết quản sắp ngừng lưu thông. Thần kinh của gã bắt đầu

rối loạn. Tất cả cơ năng gần như tê liệt. Gã chỉ còn nhận được một cảm giác sau cùng của một người sắp chết. Gã toan ngất đi thì một nhánh cây nhỏ rớt ngay trên mình gã. Gã lạng người một lúc rồi mới tìm hiểu cái vật đang nằm trên mình gã. Gã có cảm tưởng từ sự đụng chạm nơi da thịt chuyển đến trung tâm thần kinh để thành sự hiểu biết là cả một con đường dài chậm chạp có thể sai lạc. Gã không tin hẳn đó là một nhánh cây. Gã ngờ đó là gót giày của một tên lính vì tai gã nghe một chuỗi cười dài. Đúng rồi, tiếng cười sung sướng của tên lính khi tìm thấy gã, một phạm nhân án nặng vượt ngục ! Nhưng không phải, gã vừa nhận ra tiếng cười đó rồi. Tiếng cười dòn tan của một tên tù điên mang số 408, nằm cách gã năm giường, cứ lâu lâu, vào lúc nửa đêm cười một lần. Gã nhận ra được là tiếng dọa dẫm, bưng bính của thằng Bảy-Sun, một tên giật đồ trên xe lửa mang số hiệu 424. Gã bàng hoàng tưởng rằng mình đang nằm trong trại giam. Gã ngàng đầu nghe ngóng. Tên lính đã biến đâu mất. Trời vẫn gió to và mưa nặng hạt.

Gã từ đưa mắt nhìn quanh một lượt. Dưới nền trời, nhà giam và bót gác là những khối đen vừa quái gở vừa dữ tợn. Tinh thần của gã tự nhiên bị uy hiếp mạnh. Gã có cảm tưởng rằng suốt đời gã không thể nào chạy thoát khỏi hai cái hình tượng ấy. Sự tồn tại của con người gã ở trên đời vĩnh viễn là một bóng đen, một bóng đen như bị hấp mất bởi cái bóng tối nhớp nhúa

của nhà lao. Gã rung mình, ớn ao với ý nghĩ ấy. Gã trườn mình bò tới như cố vớ lấy một quyết định cuối cùng sẽ giải quyết được số phận của gã.

Đến chỗ những cây sắn, gã nằm nghỉ lại, đầu nép sát đất. Bốn bề vẫn lặng lẽ. Thu hết can đảm, gã đứng dậy. Gã nghĩ rằng có lẽ mới khỏi bối rối khi dựng các cây sắn vào thành và mới đủ sức giở bông thân mình gã bằng hai cánh tay khẳng khiu. Bóng gã lum hum ở sát chân tường như bóng một bà lão lú lẫn đang dè dặt ra vườn làm việc để kéo dài những ngày ngắn ngủi còn lại của mình. Gã không dám quay lại nhìn ra sau vì sợ tự mình gây thêm bối rối cho mình và tránh thấy những khối bóng đen ghê tởm của bót gác của trại giam. Gã nhún mình nhảy lên đứng trên các đầu cây chụm lại, tay vít đứng vào hàng mảnh chai trên thành. Gã lần tìm chỗ đặt bàn tay. Nhưng nơi nào mảnh chai cũng cắm dày. Gã lay thử một vài chiếc mảnh. Người gã rung chuyển mà những chiếc mảnh vẫn chưa nhóm chân. Tim gã đập mạnh hơn. Gã thấy người gã là một mục tiêu rõ ràng nhất cho những tên lính đứng bất cứ ở một nơi nào trong sân nhà lao. Gã liều, vận hết sức đu mình lên. Bàn tay của gã bị mảnh chai cắt đứt nhiều chỗ. Gã cảm biết ngón tay giữa đã bị cắt sâu đến xương. Máu nóng hồi chảy xuống cánh tay và sau khi đến nách thì lạnh và quánh lại. Gã trườn lên trượt xuống. Hai đầu gối của gã bị xây xát vì phải cọ mạnh vào tường. Thành cao, sức gã lại yếu nên

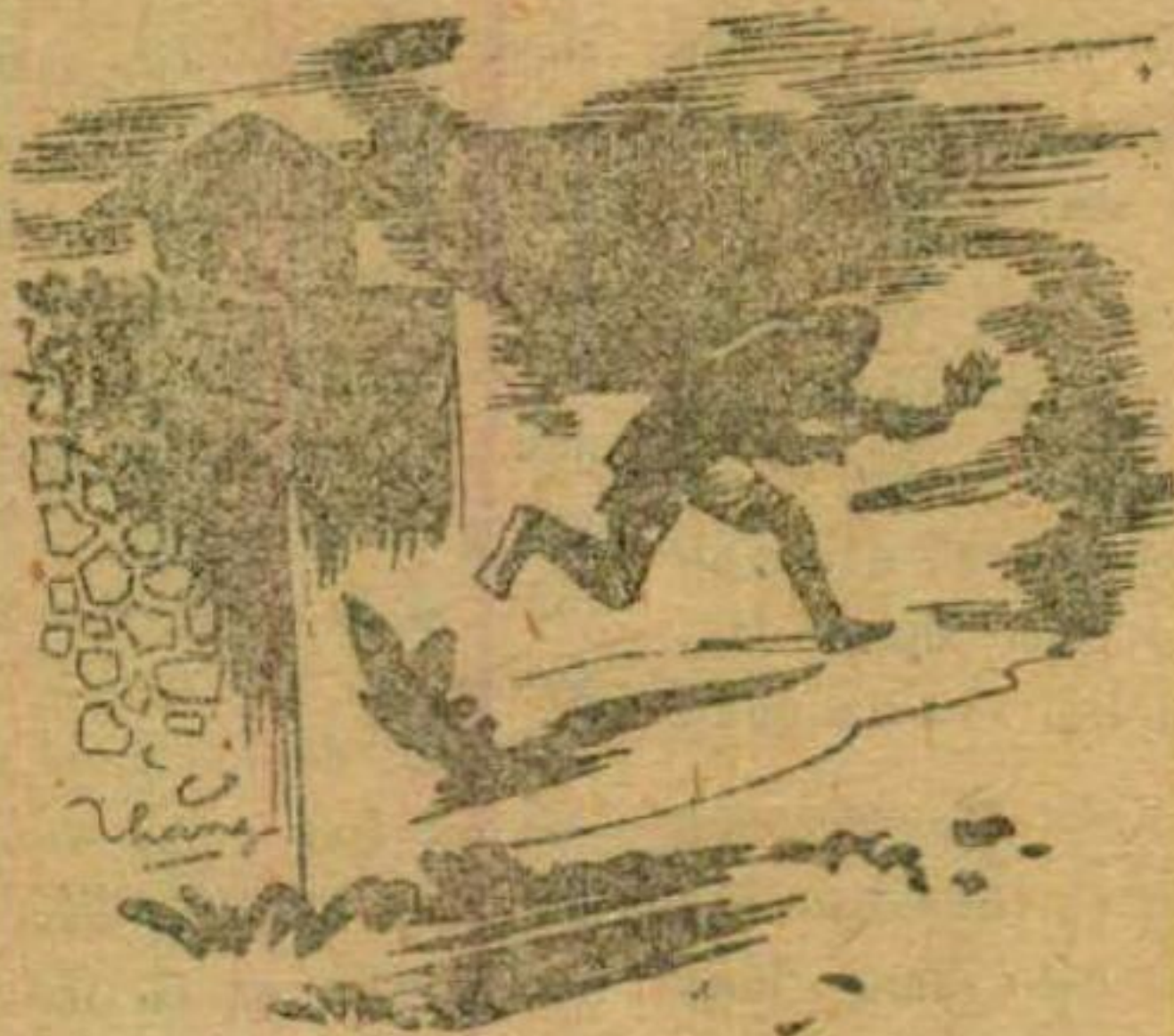
nhòai rất lâu mới lên tới. Gió thổi mạnh quá làm gã suýt ngã xuống sân. Bóng gã đen, gầy gò nổi lên nền trời trông chẳng khác nào một chú mèo hoang đang đêm mò đi ăn vụng. Khi gã đang tìm thế vút vào một cột sắt nhỏ nào gần đó để thả người ra ngoài thành thì một phát súng nổ ở lầu gác phía Đông. Gã hoảng hốt nhắm mắt nhảy liêu xuống trong khi một phát súng thứ hai vang lên. Chân vừa chạm đất, gã đã lao mình chạy. Một loạt súng liên thanh tiếp theo.

Đạn rít gần bên gã, nhưng gã chỉ nghe tiếng gió và vù bên tai. Thình thoảng một cành cây quật vào mặt làm gã ngã chúi xuống. Những loạt súng liên thanh chen lẫn những phát súng trường. Đạn xé không khí, rít lên ghê rợn đuổi theo. Gã vẫn cầm đầu chạy thẳng ra bờ sông. Một bóng cây to nghiêng thấp trước mặt. Gã chớp mắt mấy cái rồi vẫn chạy thẳng. Cây đổ xuống gần sát lưng gã. Chân gã dội lên vì đất rung chuyển dữ dội. Đến bờ sông, gã ngừng lại thở. Giòng nước sáng mờ mờ chảy trong bóng đêm...

Gã nghe súng liên thanh nổ nhưng nhỏ như tiếng pháo tiêu của trẻ con chơi trong ba ngày Tết. Gã ngó lui và đi nhẹ nhẹ đến một chỗ cây rậm, sát

bực sông. Gã chúi xuống nước, lặn lẽ bơi qua.

Đêm hôm đó, gã vừa đi vừa chạy. Theo sự sắp đặt của gã thì phải rẽ về phía Ninh-An, băng qua Truong-Bài, Suối-Kiệt và đến Hốc-Đá trước khi mặt trời chưa mọc. Quảng đường ấy dài chừng hơn bốn mươi cây số mà cách đây bốn năm về trước, khi chưa lập gia đình, gã vẫn thường qua lại đi săn.



Khi đến Suối-Kiệt thì trời đã nhẹ gió. Gã đưa tay định nắm cái bị cơm khô mới hay đã rơi mất lúc nào không biết. Gã lảo cuống không hiểu phải làm sao xoay xở cho ra lương khô để có thể băng rừng, vượt qua... đường 14 đến Đông-

Miên. Gã thất vọng dừng lại, đi chậm chậm. Hai tay thõng xuống một mối. Nhưng bỗng nhớ sự đến cái bóng tối của nhà giam bên cạnh cái mặt sáng sủa, mồm mỉm của thằng con trai hai tuổi, gã lại dám đầu chạy, như có lính đuổi sau khi gã vừa mới vượt thành.

Gã chạy qua một xóm nhỏ nằm dưới chân núi. Mấy con chó nghe tiếng chân người giữa đêm khuya, sủa rộ lên. Chợt gã nghĩ đến sự cần thiết phải có một con dao hay một thanh sắt bên mình.

Gã lén vào nhà của một bác thợ rèn ở cuối xóm. Nhà trống, nên gã vào một cách dễ dàng ? Gã mò đến chỗ đặt cái đe. Tay gã sờ soạng đồng sắt vụn. Gã tìm được một cái rựa mẻ, rỉ ăn nhám cả lưỡi. Nhưng gã vừa nhận thấy một bóng người to lớn đứng trước mặt gã, tay cầm một vật gì mà gã không thấy kịp, đang giơ thẳng cánh nhắm ngay đầu gã bổ xuống. Gã kinh hãi nghiêng mình tránh và sẵn chiếc rựa trong tay, gã quơ mạnh ra đằng trước để tìm lối thoát. Một tiếng ứ làm gã càng kinh hãi hơn. Bóng người to lớn lao đảo ngả về phía ống bệ, rền rĩ. Gã xách cái rựa chun ra khỏi rào.

Chạy đã xa, gã vẫn còn sợ người trong xóm đuổi theo. Thình thoảng gã quay đầu nhìn quãng đường vắng vẻ mà gã vừa chạy qua. Tóc của gã dài, dính bết với nhau, bị gió làm dựng lên, nhọn ở trên trông ban đêm như ma quái.

Trời tờ mờ sáng, gã đến địa đầu vùng Hốc-Đá. Ở đây chỉ hơn hai chục nóc nhà rải rác trong các thung lũng hẹp. Có một điều làm gã lo sợ nhất là trạm kiểm soát cuối cùng nằm ngay trên đường đi đến buôn Ai-Blum cách nơi gã độ bảy cây số. Gã nghĩ đến chiếc áo mang số tù 402 mà gã đang mặc. Gã đã định vứt nó đi mấy lần rồi, nhưng sợ sẽ bị chết rét trong rừng nên lại thôi. Đang băn khoăn về con số 402 gã chợt thấy một người đàn bà ở trần tay hơi to béo, nhưng nghèo khổ đang trải chiếc áo cánh trên bờ dứa gần đường. Gã đoán chiếc áo ấy ướt vì ấp con nhỏ. Gã bỗng nảy ra ý dùng

chiếc áo này vào việc vượt qua trạm kiểm soát. Gã đến lấy chiếc áo sau khi người đàn bà quay lưng trở vào nhà. Không hiểu gã nghĩ những gì nhưng trông bộ dạng của gã vụng về từ khi đánh cắp chiếc áo cho đến khi mặc. May mà người gã ốm nhỏ, nên chiếc áo cánh đàn bà trông có vẻ của gã. Còn chiếc áo tù màu xanh số 402 được gã cuốn lại nơi tay. Gã vừa đi vừa tự hứa sẽ không đề một chuyện gì xảy ra nữa sau khi đánh cắp lần chót chiếc áo cánh này. Nhưng đến trưa gã lại phạm thêm một tội cướp giật. Thật là xui xẻo vì gã đã nông nổi tự hứa sớm quá. Gã quên nghĩ đến cái bao tử của gã hay có lẽ gã đã quên phứt cái bị lương thực của gã không còn đeo nơi vai gã nữa. Trưa, gã tự thấy không còn đủ sức giở chân lên nếu không có một thức gì ăn. Mồ hôi đã thoát ra khắp người gã. Đó là một thứ mồ hôi nhót gần như dầu. Chính thứ mồ hôi đó đã làm gã lạnh thấu xương. Mắt gã hoa lên, đầu gã nặng dần, và chân thì run, cơ hồ như gã có thể rớt xuống suối một cách dễ dàng nếu gã ngoan cố đi liều lên chiếc cầu tre. Gã dừng lại nghỉ ở đầu cầu, nhưng mồ hôi vẫn cứ ướm ra. Gã run cầm cập. Người gã rú riệt. Gã vừa nằm xuống cố định nhắm mắt, nhưng hình ảnh các tên lính và cái bóng đen ghê tởm của nhà lao lôi bắt gã dậy. Gã lẩy bầy đứng lên. Ruột gã cồn cào và sôi réo kịch liệt. Một cơn đói và mệt mà gã chưa hề phải chịu bao giờ. Hơi thở của gã ngắn và mau. Một lần nữa gã nghĩ đến người sắp chết. Gã té xiu xuống nơi gã vừa

đứng dậy. Mắt gã nhìn chiếc cầu tre đang quay tròn. Gã cho rằng vượt khỏi nhà lao còn dễ hơn đi qua chiếc cầu tre này. Ngay lúc đó, một đứa bé mười tuổi, miệng hát nghêu ngao, tay bưng bát xôi đi qua cầu...

Sau khi ngốn hết bát xôi, gã tỉnh hẳn và bắt đầu suy nghĩ đến hành động vừa rồi. Gã thấy xa lạ lắm đối với con người của gã. Gã bàng hoàng vì sao gã lại có thể làm việc ấy không chút đắn đo. Gã đâm hoài nghi đến đạo đức của gã, và giật mình kinh hoàng khi nghĩ đến những lời buộc tội cố sát của lão già biện lý là đúng. Chính gã đã cố ý giết vợ? Gã đáng tội mười hai năm khổ sai? Gã không còn nên gặp con gã nữa? Bây giờ gã lại là là một tên trộm cướp? Còn gì nặng hơn tội của một tên sát nhân và cướp của. Gã thấy chỉ có một khoảnh thời gian ngắn, con người của gã đã thay đổi đến ghê gớm. Trong óc gã rồi lên những câu hỏi. Gã ôm đầu, mặt khổ sở, thất thểu bước qua cầu. Nhưng gã bỗng rú lên. Một tiếng rú của một người tuyệt-vọng sắp ngã xuống hố sâu. Gã vô tình trông thấy bóng gã trong một vũng nước ở trên bờ cát. Gã thấy gã không còn là gã nữa; một tên giết người và trộm cướp. Mặt gã râu xồm xoàm, đen dũi nhẵn nhừ trên mặt nước gợn. Cái trán cao của gã như cổ tình phơi bày đôi mắt sâu và sắc dưới cặp mày hơi xếch lên. Gã bước nhanh qua cầu, mặt nhợt nhạt, đau khổ lẫn sợ hãi. Gã đang lẫn trốn một tên sát nhân trong vũng nước...



Ba ngày hôm sau ở vùng Hóc-Đá xuất hiện một gã ăn mày. Nhưng gã này đi xin được ít lâu lại thấy làm công cho một lão thợ săn. Gã ăn mày ấy chính là tên tù mang số 402. Hằng ngày gã chỉ có mỗi một việc là giữ đứa con trai lên bốn tuổi. Đôi khi gã cũng thôi cơm vì nhà thiếu đàn bà. Vợ lão thợ săn đã chết từ từ lâu, nhà chỉ có một đứa con gái nhỏ chăm lo bếp núc. Gã cẩn thận lắm trong việc chăm non đứa bé và cũng rất dè xẻn về cơm gạo. Bữa cơm nào cũng vậy, sau khi cho đàn chó săn ăn, gã tém vánh số cơm thừa phơi khô. Những ngày trời mưa, gã lại hong cơm trên giàn bếp. Cái rựa của gã bị mẻ một miếng thật to thế mà gã vẫn chưa chịu bỏ, gã khéo léo làm quen với một anh thợ rèn nhờ cậy đập lại. Chính cái đức tánh này làm cho lão thợ săn thích gã. Có lúc lão nghĩ rằng dân ở gần rừng nên sắm rựa tốt và cơm khô như gã này.

Vì gã giữ đứa bé lên bốn nên gã làm quen rất rất nhiều trẻ con trong xóm. Ngày nào cũng có năm, sáu đứa trẻ đến chơi và thường thường đòi gã kể chuyện đời xưa. Dần dần chúng nó mến gã, cả đến cha mẹ của chúng xung quanh đấy cũng thế. Người ta không biết tên gã là gì nhưng thấy gã cẩn thận, tỉ mỉ, thương trẻ con, nên đều gọi gã là chú vú em. Thỉnh thoảng người ta gọi gã đến nhà cho một rổ sắn hay một rổ khoai lang. Về nhà, gặp trời nắng to gã đem luộc hết, một số phân phát cho lũ trẻ hàng xóm đang tụm nhau chơi đất trước ngõ, còn lại bao nhiêu gã tằn mằn ngồi xắt thành lát mỏng phơi khô, và những khi thằng bé ngủ, như một bà lão, gã ngồi

nơi ngạch cửa chằm chỉ may những cái ruột tượng.

Suốt ngày gã yên lặng hiền lành đến nỗi không ai có thể tưởng rằng gã là một tên tù, phạm tội sát nhân đang trù liệu trốn xa. Bọn trẻ con trong xóm thấy gã kể truyện hay và không bao giờ hết truyện, nên nghĩ bụng rằng gã sinh ra để kể chuyện chứ không phải để giữ em, phơi cơm khô và may ruột tượng. Chúng nó rất ghét những công việc ấy lắm vì choán của chúng nhiều thời giờ kể chuyện. Còn người lớn trong vùng thấy gã ăn nói khôn khéo, siêng năng, hay giúp đỡ người này người kia, nên nghĩ rằng, gã sinh ra không phải để đi ăn xin và ở mướn. Họ quyết đoán mớ mà ông bà của gã không yên. Riêng lão thợ săn, tuy rất thật thà vô tư, nhưng mỗi lần đi đâu về là lão nhìn gã, vì càng ngày cái trán cao và đôi mắt gã như sáng thêm, có cái vẻ bao quát, rộng rãi của một người hiểu biết. Sự chú ý ấy bắt đầu từ cái hôm thằng bé con của lão bị ngã từ trên thềm cao xuống sân. Khi ấy lão thợ săn nóng ruột, la mắng gã không tiếc lời. Nhưng bây giờ mỗi lần nhớ lại, lão thợ săn cho thái độ của gã vú em hôm ấy là một biểu lộ kỳ lạ nhất làm cho lão không thể nào hùng hổ thêm được: gã vú em ôm đứa bé trên tay, ấp ngực nó sát vào ngực gã, hai tay vỗ về êm ả, mắt rung rung đau xót như chính con của mình bị ngã. Gã im lặng đi lui đi tới. Trong khi đứa bé thấy cha giận dữ la hét, nó meo máo rồi đưa tay ôm cứng lấy

cổ gã. Mấy phút sau đó, lão thợ săn bỗng thấy mình vô lý. Lão liền cò xét ý tứ của gã vú em xem thử có một phản ứng nào không? Song đôi mắt của gã vẫn bao quát và xa xôi như chưa bao giờ để ý đến lời mắng chửi của lão. Tay gã vẫn vỗ về êm ả ru cho đứa bé, miệng gã thì một điệu nhạc cò trầm buồn. Vì thế, lão thợ săn đến nay vẫn còn vẫn vương mãi những phút xúc động bồi hồi đã làm lão phải chịu thua một người dưới mình. Chính hôm ấy là lần đầu tiên lão nhận thấy cái trán cao rộng rãi và đôi mắt sáng, như chan chứa yêu thương và bình tĩnh đã vượt lên cao, thu phục và ngự trị tâm hồn của lão một cách mau chóng. Rồi từ ngày đó, cứ bắt lão nhìn cái trán cao và đôi mắt của gã...

Lão thợ săn bắt đầu nghi ngờ thân thể của gã vú em. Nhưng chẳng được mấy ngày, hôm sau gã vú em đã xin thôi việc và biệt tích trong một đêm gió lớn?

Chiều xuống lão thợ săn ôm con ngồi trên chiếc vông tre đưa kéo kệt nhìn ra sân vắng bóng chơi đùa của trẻ nhỏ mà nghĩ về gã vú em. Còn những đứa trẻ, chúng nó vẫn quen lối, thần thờ đi qua lại nhìn lão thợ săn, tìm một bóng người đã cho chúng nó ăn khoai khô và kể chuyện đời xưa.

(Còn nữa)

NGUYỄN-PHÚC

TẶNG VỆ-BÁT XỬ SỸ

Nhân sinh bất tương kiến,
Động như Sâm dư Thương !
Kim tịch phục hà tịch ?
Đồng thử đặng chúc quang.
Thiếu tráng năng kỷ thì ?
Mao phát hốt dĩ xương.
Phong cưu bán vi quý,
Kính hô nhiệt trung trường.
Yên tri nhị thập tải,
Trùng thuởng quân tử đường ?
Tích biệt quân vị hôn,
Nhi nữ hốt thành hàng.
Dy nhiên kính phụ chấp,
Vấn ngã lai hà phương ?
Vấn đáp vị cập dĩ,
Khu nhi la tửu tương.
Dạ vũ tiền xuân phi,
Tân xuy gián hoàng lương,
Chủ xưng hội diện nan,
Nhất cử lủy thập trường...
Thập trường diệc bất lủy,
Cảm tử cố ý trường.
Minh nhật cách sơn nhạc,
Thế sự lưỡng mang mang...

ĐỖ PHỦ

TẶNG NHÀ AN SỸ VỆ-BÁT

Người đời khó gập gổ,
Như sao Hôm, sao Mai,
Đêm nay lại đêm gì ?
Cùng chung đèn đuốc soi.
Nhỏ lớn chừng mấy thừa,
Râu tóc đã xanh rồi !
Thăm củ mất đến nửa,
Kêu than ruột nóng sôi.
Hai mươi năm, nào biết,
Lại tới nhà bạn chơi ?
Trước đi, bạn chưa vợ,
Chốc đã đầy gái, trai,
Hón hờ kính bạn bố,
Hỏi ta đâu tới nơi ?
Hỏi han chưa kịp dứt,
Khua trẻ dọn thức xơi :
Đêm mưa hái xuân phi,
Kê vàng trộn gạo xôi.
Chủ nói xum họp khó,
Cất luôn mười chén mời.
Mười chén cũng chẳng thắm,
Cảm ai tình ý dài.
Ngày mai non núi cách,
Đôi ngả việc bời bời...

A-Nam TRẦN-TUẤN-KHAI

Lời giải thích của dịch giả

Người ta sống ở đời, quen nhau mà không được năng họp mặt, khác nào sao Hôm sao Mai chẳng từng bao giờ gặp gỡ. Nhưng đêm nay là cái đêm gì mà đôi ta lại được cùng nhau ngồi chung dưới ánh đèn sáng sửa nơi đây ?

Hồi tưởng, người đời thăm thoát, từ nhỏ tới lớn có được là bao lâu ? mà giờ đây cả đôi ta đều đã râu tóc khác với trước xa. Hồi thăm lại bạn bè ngày trước thì có đến nửa phần

chết chóc mất rồi, không khỏi làm cho ta phải kinh khủng kêu than mà nóng sôi trong dạ. Ai hay đâu ta với bạn xa cách nhau phút chốc đã 20 năm mà ngày nay lại có dịp tới chốn nhà này để chơi thăm bạn ?

Nhớ từ khi ta với bạn chia tay, thì bạn còn chưa có vợ, thế mà ngày nay bạn đã đầy dẫy gái trai : chúng thấy ta tới, thấy đều tỏ ý mừng vui cung kính người bạn của bố và hỏi ta từ đâu lại ? Trong khi chào hỏi chưa hết lời thì bạn đã sai các con bày các thức ăn lên thớt dãi : đương lúc đêm xuân mưa gió, hái năm rau phi đem lên làm đồ nhắm, và thêm vào đó cả xôi gạo mới pha lẫn kê vàng.

Trong khi uống rượu, bạn có ý ân cần than thở, cho là anh em ít khi có dịp được gặp mặt nhau, nên lại hết sức khuyên mời và nâng luôn hàng mười chén mà ép nhau phải uống. Riêng ta đây, đối với cái cảm tình lai láng của bạn, ta cũng nhận thấy rằng dù uống luôn ngay mười chén cũng không thế nào mà say ngay được. Hơn nữa là ngày mai đây không khỏi lại đến chia tay mỗi người một ngã, mà việc đời man mác chưa biết rồi đây sẽ ra sao ?

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI

TIN VĂN NGHỆ

Trong tháng 10 này, nhà xuất bản Trùng-Dương đã phát hành những tác phẩm sau đây :

— **TÌNH HƯƠNG DẠ LÝ**, tập truyện ngắn chọn lọc của **Lưu-Nghi, Tạ-Tỵ, Lê-Vĩnh-Hòa, Sai-Giang.**

— **CHIẾC GHẾ NGỒ** truyện vui của **Son-Minh.**

— Hai nhạc phẩm : **KHÚC CA DUYÊN LÀNH** của **Y-Vân** và **Tô-Kiều-Ngân ;**

— **THUỞ BAN ĐẦU**, của **Phạm-Đình-Chương.**

Nội dung những tác phẩm này đều lành mạnh, bổ ích, nhẹ nhàng.

Hình thức trình bày và ấn loát rất công phu, đẹp mắt trong một lề lối mỹ thuật độc đáo, mới lạ.

BÁCH-KHOA



★ **BẠN** muốn cho cây hồng trổ hoa, thì bạn phải tỉa bớt cành lá nó đi.

P. DANTAIS

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LUỢC DẪN. — Nhân cuộc nội loạn quyền phi và việc tiến quân của chín nước lên mình đề đánh Bắc-Kinh, ông Diêu-Tư-An, một phú thương, phải đem gia quyến đi lánh nạn. Chẳng may giữa đường, cô con gái lớn của ông, là Mộc-Lan, bị thất lạc.

Đã tốn công tìm kiếm mà không ra manh mối, ông đành cùng vợ con về thẳng Hàng-Châu, nơi quê hương, sau khi phái người đi tìm tòi.

Vừa ra may, ông Tăng-Văn-Phát, một vị quan kinh, về thăm quê nhà, được hay tin buồn của Diêu-gia, chỗ quen biết, nên ông ra công tìm thấy Mộc-Lan và chuộc cô ra khỏi tay của quân buôn người trên Vạn-hà. Ông liền báo tin mừng cho Diêu-gia và tiển đường, ông đem Mộc-Lan và vợ con ông cùng về Thái-An, nơi nguyên quán của ông.

Ông bà Tăng có ba cậu con trai là Bân-A, Khâm-A và Tân-A.

Cũng là thiên duyên tiền định mà nhân việc hội ngộ đó, Mộc-Lan, sau này, sẽ về làm dâu nhà họ Tăng.

Dưới đây, là đoạn tả sinh hoạt của Mộc-Lan giữa gia đình họ Tăng tại Thái-An.

MỘC-LAN vốn có một phương tâm tế nhị và mẫn cảm, nên cô cho cái trò chơi này là một thứ tàn sát rất thảm khốc. Trong óc còn thơ ngây của cô, cô tưởng chừng như, đó không phải là những con côn trùng nhỏ bé mà chính là mấy con ác thú hung hãn nó đem những thứ nanh, vuốt, hãi hùng ra cắn, xé nhau cho đến tan thây, nát thịt. Ai nỡ đành tâm đem những con vật bé nhỏ, xinh xắn, với cái đầu bóng láng, đen láy như sơn then đó, cho

chúng cắn xé nhau cho đến tử thương bao giờ ! Cô thấy không thể bắt nắn mà đứng xem cho tới rốt cuộc, bởi vậy, cô vội vàng nắm tay Ái-Liên, bỏ đó, chạy đi nơi khác.

Còn Man-Ny thì cứ đứng y nguyên ở đấy. Xưa nay, nàng rất nhút nhát, dĩ chí đến một con sâu, hay con bướm, nàng cũng không dám động tới. Ấy thế mà nàng chăm chú xem vì nàng đương hồi hộp về số phận con dế của Bân-A, có lẽ nó bị thua

đến nơi rồi. Nàng nằn nì yêu cầu đình cuộc đấu và giảng hoà, nhưng khốn nỗi, cái con đế của Bân-A đến là gan góc, nó nhất định không chịu phục khí; coi bộ, nó còn tí dư lực nào, đem dốc nốt ra đề nhất sống, nhị chết, cầm cự cho đến cùng. Mà, cái con « hồng linh » của Tân-A cũng đã mang thương tích ở ngay đầu rồi, vì vậy, Bân-A lại càng muốn xem kết cục ra sao. Cuộc đấu càng gay go. Hai cậu « chủ đế », mỗi cậu cầm một nhánh cỏ sắc, chọc vào thân hai đầu thủ đề kích thích chúng.

Một lát sau, con đế của Bân-A bị gãy mất hẳn một bên giò; nó ngã vệt ra đất và còn đương lồm cồm bò dậy thì, không ngờ, đối thủ đã nhanh như cắt, a lại, đề ngang lưng mà bồi cho một nhát răng đến tử thương. Man-Ny kêu rú lên và nắm chặt lấy cánh tay Bân-A.

Tuy bị vết thương sau cùng gần chết mà con đế đến vẫn còn vùng vằng, chống chọi, nhưng, thương thay, đại thể đã mất, chỉ vài giây sau, là nó bị kẻ ác định cắn chết và chà đạp lên thân thề nó, đề ngâm vang khúc ca toàn thắng!

Man-Ny lại càng niu chặt lấy cánh tay Bân-A, hai mắt đầm lệ. Bân-A cúi đầu, mặt mày thờ thẩn, cậu đứng lên và nhìn lại mới rõ người bạn ngọc của mình, đương vì mình, chia sẻ nỗi tru tư...

Man-Ny thở thề:

— Em đã bảo anh hãy thôi cuộc đấu và giảng hoà, anh « chẳng » nghe em, đề đến nỗi!... Em đã trông thấy

hiển nhiên cuộc đấu đó không công bình một tí nào cả...

Có lẽ lần này là lần đầu tiên, Bân-A nhận thấy Man-Ny của cậu kiều diễm biết chừng nào! Đôi mắt phượng của nàng đen lay láy và long lanh sáng, như nước hồ thu; nó đương lưu động trong làn lông mày xấp xỉ trót và đề lộ ra tất cả tấm nhiệt tình của một trang phần đại, đương độ tuổi xuân hờ hớ.

Bân-A dịu ngọt nói:

— Có một tí bấy nhiêu mà em cũng buồn, cũng khóc hay sao!

Man-Ny đáp:

— Giá, anh nghe em có phải hơn không...

Bân-A nói:

— Thôi đề lần sau, anh sẽ nhất định nghe theo em.

Cậu nói xong, liền ân cần cầm lấy cổ tay nàng. Chính ra, cái cử chỉ đó không hợp với lễ giáo, nhưng, nó đã ghi vào trong tâm khảm của hai người một môi tình tố mà chung thân họ, không bao giờ, họ có thể quên đi được.

Họ còn đương mê ly trong niềm mộng thì bỗng nhiên một trận hô hoán làm cho họ kinh tỉnh. Họ hoảng hốt quay lại thì vừa bắt gặp Ái-Liên chạy ra và kêu to lên:

— Mộc-Lan ngã! Mộc-Lan bị ngã!

Họ vội chạy về phía trước vườn và bất chợt thấy Khâm-A đương lênh lênh chạy tọt vào lối đình viện như kẻ đương lạng trốn.

Lúc Mộc-Lan bỏ cuộc chọi đế, dắt Ái-Liên chạy về, thì Khâm-A cũng ra vườn đề chơi với các anh, chị em.

Chỉ vì không có để tốt để dự cuộc nên bây giờ cậu mới bỏ đến. Kề ra, cậu cũng là một đứa trẻ thông tuệ, nhưng có đôi phần kém hẳn những người kia về cách xử thế. Cậu có một thiên bẩm cần sức nhưng lại rất hay hồ nghi. Cứ bằng vào lời ăn, tiếng nói thường nhật của cậu, ta cũng có thể rõ một phần nào, tính tình của cậu. Không bao giờ, cậu dám quyết đoán một điều gì; cậu thường trù trù mãi rồi mới nói ra, nhưng, sau khi đã nói ra, thì hình như cậu lại tiếc lời, có vẻ như nói lỡ, nói hớ. Không may cho cậu, ông thân cậu lại quá nghiêm khắc, nên lúc nào cậu cũng nơm nớp sợ hãi, và coi như riêng mình bị áp bức. Trong thâm tâm cậu, cậu tưởng chừng như trên thế giới này, chỉ đầy đầy những chông gai, hiểm trở, và cậu ráp tâm bất cần, tuốt cả.

Cậu thường lý luận như thế này :

Ta không thể có được một con để tốt, nhưng, có chắc thế không? Có được một con để tốt như con để của Tân-A, không phải là dễ kiếm. . . Ta không tin rằng ta có thể kiếm được một con để tốt. Dẫu sao, ta sẽ cố kiếm cho kỳ được một con để tốt, nhưng, vị tất nó đã tốt được bằng con để kia. Mà biết đâu đây, nó có thể tốt lắm chứ, nhưng ta vẫn hồ nghi. Nếu vậy, hà tất phải mất công đi tìm kiếm làm chi, vì nếu ta có kiếm ra chẳng nữa, con để ấy cũng sẽ không sao tốt bằng con để kia, cơ mà. . .

Thế rồi, cậu bỏ dở việc lý luận đó một cách rất cơ giới và cái vấn đề «bất để» có đầu mà chẳng có đuôi. Cậu nghiêm nhiên bỏ lửng câu chuyện,

mặc cho nó trôi vất vưởng trong dòng thời gian. Rồi, cậu nghĩ sang chuyện khác, và cứ thế...

Khâm-A rủ Mộc-Lan đi ra phía vườn cây ăn quả; ý cậu muốn đi kiếm xác ve sầu để chơi. Mùa này chính là mùa ve sầu đương lột xác, thật chẳng khác gì một cô nương trút bỏ bộ y thường cũ kỹ ra. Nhân ở lưng con ve có một đường nẻ, con ve do đó chui ra và để lại nguyên hình, có đủ đầu, cánh, thân mình, chân, không thiếu một tí gì. Nếu cái vỏ đó không trong bóng như pha lê thì ta có thể lầm tưởng là một con ve sống vậy.

Khâm-A chợt nhìn thấy một cái xác ve ở một chạc cây táo. Cậu bèn leo lên. Bỗng trong tâm tư cậu, nảy ra một ác ý, cậu muốn «chơi khăm» một «võ» cho cô bé Mộc-Lan. Phía dưới gốc cây táo ấy có một cái cành cây nhô ra, chỉ cao trên mặt đất chừng một đầu một vớ. Cậu liền nói ngon, nói ngọt, rủ cô leo lên đó. Cô bé nghe bùi tai, nên giơ tay cho cậu ta lôi lên. Khi cô đã đứng vững trên chạc cây, cậu ta né mình tụt xuống đất và bỏ cô đứng trơ trọi đó một mình. Cô đâm hoảng sợ, vội vàng cũng tụt xuống. Hai tay cô níu chắc lấy cành cây rồi bỏ thõng hai chân, quờ quạng, nhưng chân cô còn cách xa mặt đất, thành ra cô bị đánh đeo lơ lửng ở lưng chừng gốc cây. Bỗng Khâm-A, đứng ở xa, vỗ tay cười vang lên vì cậu chợt trông thấy áo cô bị xoắn lên và để hở thịt ở cạnh sườn ra. Mộc-Lan sợ quá, cuống quýt, vội lay ra. Cô bị ngã vật xuống mặt đất. Chẳng may, đầu cô lại đập phải một hòn đá. Cô bị đau quá, điếng người

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

đi, bất tỉnh nhân sự. Ái-Liên kinh hãi kêu cứu thất thanh. Khâm - A lại nhìn thấy ở thái dương Mộc-Lan có vết máu, cậu đâm hoảng bỏ đó lần trốn về nhà.

Khi Bân-A, Tân-A và Mân-Ny chạy lại, Mộc-Lan vẫn mê man bất tỉnh, họ chẳng còn hồn vía nào nữa! Mặt cô lại đỏ lôm những máu tươi. Ái-Liên sợ quá, khóc vánh lên. Hai anh em Bân-A chạy ù về nhà và la lối ầm lên:

— Mộc-Lan ngã, chết rồi! Mộc-Lan ngã chết rồi!

Cả nhà kinh hoàng đổ ra hoa viên. Tăng phu nhân cùng lũ tớ gái cũng chạy theo ra.

Ông Tăng-Văn-Phác đang ngủ trưa cũng bừng tỉnh và vội vã ra xem.

Quế-Cô đương lui húi cho con vẹt ăn ở mãi phía trước đình viện, nên mãi sau mới biết tin. Chợt nghe thấy kêu có người ngã chết, cô liền tưởng ngay là chính Ái-Liên ngộ nạn nên cô mê cuống, đánh rơi bát nước đang cầm trên tay, cả áo quần phía trước bị ướt đầm. Cô ba chân, bốn cẳng, chạy về; chốc chốc cô lại phải vịn vào bờ tường hay bấu vào cột trụ, không thì bị ngã khụy xuống vì cô bó chân, mà lại chạy xấp, chạy ngửa nên thành ra bước thấp, bước cao, không vững.

Người nhà bồng Mộc-Lan về phòng của Tăng phu nhân rồi đặt cô lên trên bực gạch (những bực gạch này, chỉ riêng có miền bắc nước Tàu dùng; bực xây toàn bằng gạch hay đá tảng, dưới rỗng có lỗ ăn thông ra một thứ lò lửa, mở ra phía ngoài tường; Vào độ nghiêm đông, người ta dùng củi hoặc cỏ mà

đốt cho toàn thể cái bực nóng lên; sức nóng giữ được rất lâu; nằm lên trên đó cực ấm). Cụ Bà cũng nóng ruột như bèo, nên cụ đã đợi ở đó từ lâu. Bọn trẻ con sợ quá đến điếng người đi, không nói năng được nữa. Chúng xúm quanh cả bên bực. Quế-Cô mới bắt đầu đi rửa vết thương cho Mộc-Lan. Cả cái phòng cứ chật ních, những người là người.

Tăng phu nhân nói:

— Thiệt là khờ! nếu chẳng may, con bé em nó có làm sao, mình còn mặt mũi nào nhìn thấy người nhà nhà họ Diêu nữa!

Ông Tăng-Văn-Phác hỏi lũ trẻ:

— Thế thì đầu đuôi ra làm sao?

Tân-A đáp:

— Thưa Ba, chúng con có ở đấy lúc Mộc-Lan bị ngã đâu, chỉ có Ái-Liên và Khâm-A cùng ở phía vườn lê với cô ấy.

— Khâm-A đâu?

— Chúng con trông thấy hình như anh ấy đi trốn ở đâu rồi ấy ạ...

Ông Tăng-Văn-Phác liền bắt người nhà đi tìm Khâm-A ngay tức khắc, và ông quay hỏi Ái-Liên:

— Thế nào, Ái-Liên, con trông thấy thế nào?

— Thưa, thưa Ba, con thấy anh Hai rú Mộc-Lan trèo lên cây đề lấy xác ve sầu,... khi Mộc-Lan trèo được lên cây rồi thì anh ấy tụt xuống... đề Mộc-Lan còn có mỗi một mình ở trên cây... Mộc-Lan sợ hãi... anh ấy ở phía dưới lại vỗ tay cười ầm lên, Mộc-Lan càng sợ, vừa kêu gọi, vừa tụt xuống, rồi bị ngã.

DESCOURS ET CABAUD

B ả o - H i ệ m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nan

Hỏa-Hoa 火華 二

TRANSPORTS

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE



Parker 61

Đại hội Đoàn viên lần này ra đời trong khi bộ phận
của nước

Nội thanh gổ (sinh-vi) cách sử dụng đơn giản nhất của bút máy Parker 51 chỉ (chỉ) một tăng phần tỷ trọng đặc biệt. Chỉ vào phần trên 55 một bút máy Parker 51, xuống đến một tỷ trọng 10 giây, chỉ ở phần dưới (sinh-vi), bạn sẽ có cảm giác rằng tỷ trọng của nó đã thay đổi.



Đến nay thì hai sông vẫn chảy như một sông mà Phần Lan quanh nó hai phần Phần B.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐAI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

Ông Tăng-Văn-Phác giận lắm, ông hét lên :

— Đồ khốn kiếp, quân này tệ thật !

Quế-Cô thấy con bé con mình nói như vậy thì không yên tâm, cô liền nói chữa :

— Thưa, trẻ con nó ă nói thất thố, lỗ mỗ, không thề tin cả vào lời nói của nó được, đâu ạ. . .

Ông Tăng-Văn-Phác quát :

— Hãy đem cái « gia pháp » ra đây cho ta !

Gia pháp đây là một thanh gỗ, xưa nay vẫn dùng để răn phạt lũ trẻ con trong gia đình.

Cả nhà bỗng im phăng phắc.

Tăng phu nhân nói :

— Xin ông hãy đợi cho Khâm-A nó ra đây để xem nó nói đầu đuôi ra sao cái đã, ạ. . .

— Tôi tin chắc là nó đã phạm lỗi nên mới lần trốn như vậy, chứ.

Cu cậu Khâm-A bị mấy người nhà lôi ra ; cậu ta đã oà lên khóc vì họ đã bảo cho cậu rõ, thân phụ cậu đương nổi giận dùng đòn.

Cậu vừa lộ mặt ra đã bị ngay một cái tát nầy đom đóm mắt, rồi bị nắm tay lôi tuốt ra sân. Ông dẫn cậu, bắt cậu quỳ xuống. Người quản gia thấy vậy liền đánh liều, nài xin tha cho cậu, nhưng đời nào ông chịu nghe theo.

Cái thanh gỗ « gia pháp » đã được mang ra. Rồi thân mẫu cậu nghe rõ ba tiếng quát « đốp ! đốp ! đốp » và tiếng cậu con gào khóc, bà cầm lòng không đậu, liền chạy ù ra sân ; bà a lại, che chở cho cậu.

— Xin ông tha cho nó, nó bị mấy tha h đòn đó cũng là đủ rồi... nó trẻ con, đại dột, chẳng lẽ bây giờ đem mà đánh chết nó hay sao, xin ông hãy bình tâm, tha cho nó lần này.

Cụ Bà thấy vậy cũng lật đật, bước thấp, bước cao, trống gậy ra sân để xin cho cháu.

— Thôi con, con nên nghe lời mẹ... con trẻ nó đại dột, phải trừng phạt, nhưng, ngần ấy là đủ lắm rồi... cho dầu bây giờ con có đánh chết nó đi nữa thì cũng sự đã rồi, con nên nghe lời mẹ, tha cho nó. . .

Ông liền bỏ thanh gỗ xuống, quay lại, cung kính thưa với Cụ :

— Bầm mẹ, cũng là sự bất đắc dĩ... bầm trẻ con, bé chẳng vin, cả gây ngành ; nếu lúc bé mà không răn dạy đến nơi, đến chốn, khi chúng lớn lên thì nhất định là hư hỏng.

Quế-Cô cũng chạy ra, nói xen vào :

— Xin lão gia bớt cơn thịnh nộ, con em Mộc-Lan đã hồi tỉnh rồi, nó chẳng sao hết.

Lũ a hoàn dìu Cụ Bà vào. Một gia nhân bỗng Khâm-A vào trong nhà ; cậu vẫn sụt sùi khóc.

Quế-Cô lật áo cậu lên xem thì ở lưng ba vết lằn đỏ bầm nằm vắt ngang. Tăng phu nhân thấy thế, không sao cầm nổi nước mắt, bà thút thít khóc :

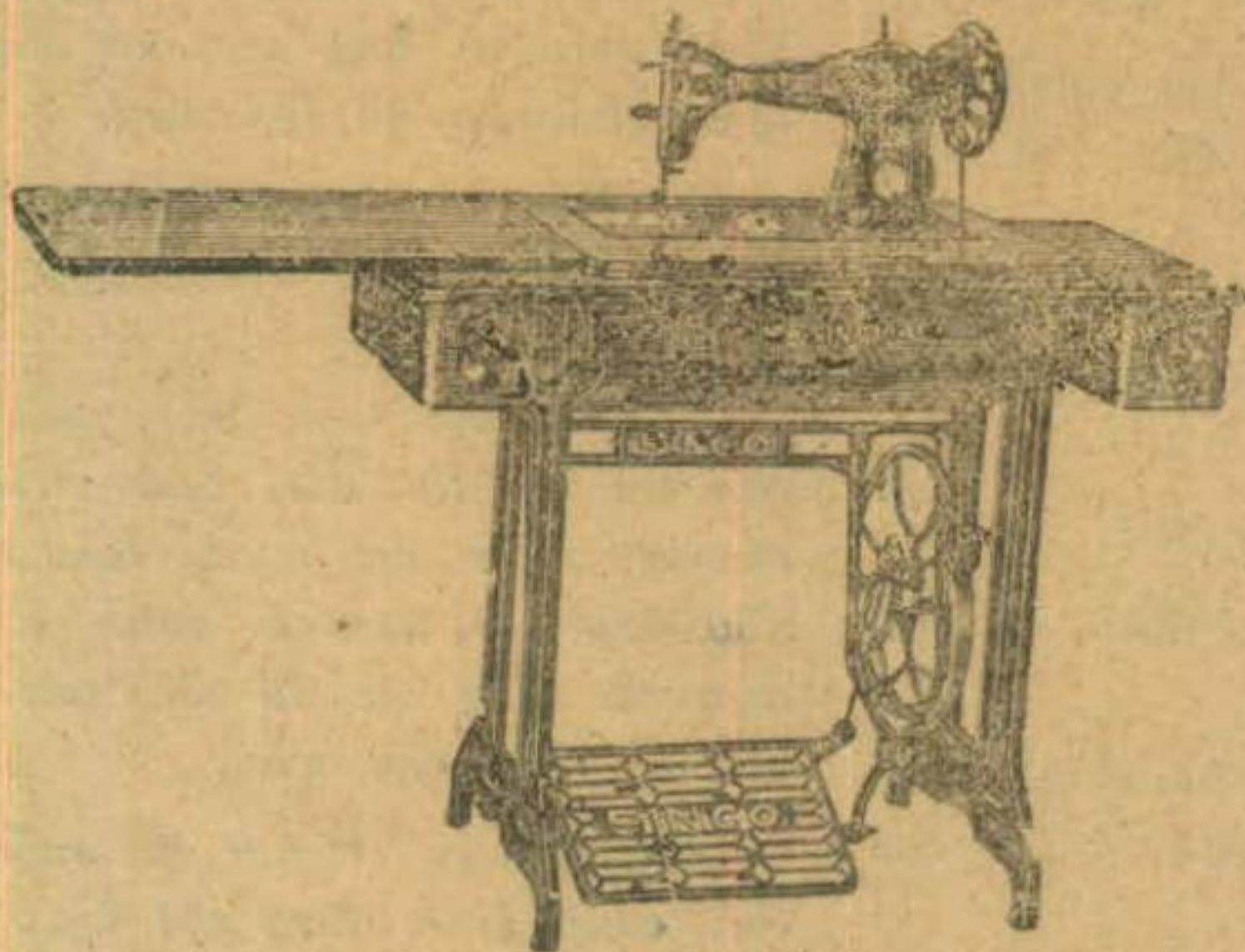
— Rõ khờ thân con nhá ! nhưng thân làm tội đời, ời bảo con chơi đại ! . . . mà, khờ quá, con trẻ nó đã biết gì và được bao hơi sức mà đánh đập nó phũ phàng như thế này, bao giờ !

Quế-Cô nghe thấy thế cũng lấy làm áy náy trong lòng ; cô cũng mấy cái

CHỈ CÓ :

Máy may hiệu SINCO

BỀN BỈ ! NHẸ NHÀNG ! ÊM ÁI !
VỚI SỰ BẢO ĐẢM 20 NĂM



chắc chắn quý
Ngài sẽ rất hài
lòng về công dụng
của nó trong khi
may hoặc thêu.

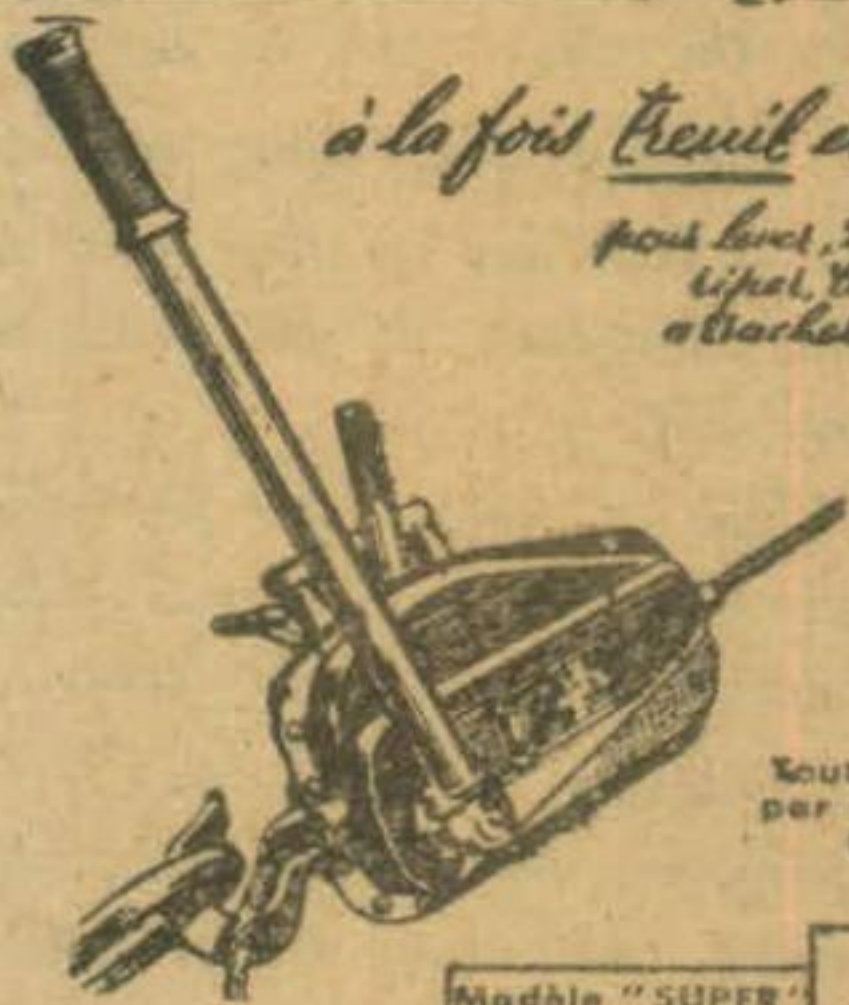
TỔNG PHÁT HÀNH :

HÀNG MÁY MAY

SINCO

SAIGON : số 1 tới 5, đại-lộ Trần-hưng-Đạo
CHOLON : số 155 tới 157, đại-lộ Đồng-Khánh

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois frein et palan!

*pour levée, tirée
légère, tendre
attachés et -*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(à l'usage)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universal)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINIS"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 15 et 21 kgs

*Levier et palan
1.500 services!*

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

khá đau vào đầu con bé Ái - Liên, và bảo :

— Chỉ tại nơi này, khỏe leo lên cái mòm, để cho anh nó phải đòn.

Ái - Liên vừa oà lên khóc, vừa cãi :

— Con có nói sai đâu!... Có thể nào, con nói thế... tất cả còn đang mãi xem chọi để, chỉ có mỗi mình con trông thấy rõ...

— Mày hãy cầm cái miệng mày đi, leo khầu nó vừa vừa chứ! Tao lại tát cha vỡ mòm ra bây giờ!

Ý cô, không muốn cho con nhỏ kẻ thêm đề vạch tội của Khâm - A mãi ra làm gì.

Tăng phu nhân nói :

— Thôi, thầy kẻ nó, mắng nó làm gì.

Mộc - Lan nằm thêm thiếp ở trên bực đã nghe rõ hết cả, cô chợt nhớ lại các việc vừa xảy ra, với việc cô bị ngã; cô mở to mắt và hỏi Quế - Cô :

— Ờ kìa, sao cô lại đánh em Ái - Liên thế kia?

Mộc - Lan nói xong muốn nhồm dậy, nhưng Quế - Cô ngăn lại. Man - Ny đang ngồi phục ở một bên Mộc - Lan, nghe rõ thì mừng đến chảy nước mắt ra, vì thấy Mộc - Lan đã tỉnh hẳn.

Ông Tăng - Văn - Phác cũng bỏ đó đi lên nhà trên, trong lòng không được thư thích vì ông hối rằng, ông đã quá nghiêm khắc đối với con cái. Cái lúc người nhà đem thanh gỗ gia pháp ra thì lũ trẻ con, cậu nào, cậu ấy, đều hoảng sợ mà bỏ trốn tất cả vào trong bếp. Đến khi họ nghe thấy rõ các việc đã yên và thân phụ họ cũng đã lên

nhà trên, họ mới kéo nhau trở vào phòng của bà mẹ. Họ thấy cả Mộc - Lan lẫn Khâm - A đều nằm ở trên bực gạch mà Khâm - A thì nằm nghiêng hẳn về một bên; còn Ái - Liên thì đang nằm tức khóc. Bà - A và Tân - A liền chạy đến bên Khâm - A, ân cần hỏi cậu có sao không, bất ngờ bị Tăng phu nhân quở :

— Hai đứa lảng vảng làm cái trò gì ở đó, có đi lấy sách vở ra đi học, đi không!

Hai anh em Bân, Tân, linh linh ra khỏi phòng; họ cũng chẳng rõ học hành thế nào, bài cũ thì thuộc rồi, mà cụ đồ thì đi vắng mặt, dầu sao, cứ lấy sách vở ra mà đọc thì họa may mới yên thân, mát ngót, được qua cái buổi chiều ngày hôm nay!

Cụ Bà bảo người nhà sắc một thang thuốc cho Mộc - Lan và Khâm - A uống để an thần,

Tăng phu nhân nói :

— Thôi, đêm nay, phải để cho Khâm - A nó ngủ đây với tôi vì tôi, e nó sợ quá thất thần đi, rồi sinh bệnh ra cũng chưa biết chừng. Còn Mộc - Lan, tuy có mất một ít máu đấy, nhưng thương tích không có gì đáng quan ngại, vậy, cứ theo lệ mọi ngày, để cùng nằm với Man - Ny cũng được, không sao.

Cả nhà bị ồn ào, rối rít lên mất cả ngày và đêm hôm đó. Quế - Cô phải thức suốt sáng để rít cao vào lưng cho Khâm - A.

Sau đó, lớp học phải đình mất ba, bốn bữa, phần thì cụ đồ cũng chưa được bình phục hẳn, phần thì Khâm - A cứ nằm lì ở giường, và Mộc - Lan, nhân có Man - Ny đánh bạn nên cũng nản, không muốn lên học. Phải đợi

91000210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Mardi Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Lundi,
HONGKONG — VIENTIANE : Mardi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche



VIENTIANE-XIENGKHOANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

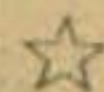
với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



mãi cho tới khi cả Mộc-Lan lẫn Khâm-A khỏi hẳn, lớp học mới lại khai giảng trở lại. Ngoài hoa viên thì sương bủa dày đặc, gió thu hiu hắt thổi, lá cây chuyển từ xanh sang vàng, năm đã sang thu.

Lão thái thái nói :

— Theo tục lệ cổ truyền, mùa này chính là mùa thêu thùa vá may của con gái, mùa cung cử của đàn bà ; bởi vậy, dạo này ve sầu xuất hiện và ngâm vang, cơ hồ như đề báo cho phụ nữ chăm lo việc phòng chức ; cái chuỗi thanh âm, thu thu, tức tức của giọng ve kia, hòa nhịp với tiếng thổi đưa, mà lại...

Đến đây việc học của Mộc-Lan ở Sơn-Đông đã kết thúc. Mỗi khi xong các buổi cơm và buổi học, cô vẫn hội diện với lũ anh em nhà họ Tăng để trò chuyện, riêng có Khâm-A, hình như cậu vẫn hàm hận Mộc-Lan. Có gì đâu, cậu ta đương ở vào cái độ tuổi mà lúc đó, mấy con trai chẳng ưa gì mấy cô con gái. Sự kinh nghiệm vừa rồi lại càng làm cho cậu tin chắc rằng cả tụi con gái chỉ là cội nguồn của tai họa.

Chính Mộc-Lan cũng có ý muốn hòa với cậu, nhưng cậu nhất định làm ngơ. Cái thái độ này, sau uyên nhiên đòi ra một thứ thành kiến trong suốt đời cậu, và từ đó về sau, không ưa gì Mộc-Lan.

Mà, từ cái buổi ấy trở đi, Mộc-Lan cũng chẳng hề bước chân ra hoa viên nữa, vì Man-Ny không ưng và vì trời đã bắt đầu giá lạnh.

Trừ cái bữa mừng chín tháng chín, tiết trùng cửu ra, các cô nương không

hề bước chân ra khỏi cửa ; hôm ấy, cả nhà lên chơi Thái - Sơn, riêng có Tăng phu nhân và hai đứa nhỏ, con của Quế-Cô ở lại nhà ; Tăng phu nhân muốn cho Quế-Cô đi chơi, nên bà tự ý ở lại trông nhà và coi mấy đứa bé ; vả lại, cứ hễ sang thu là cái bệnh đau chân cũ của bà lại phát lên. Cụ bà cũng cao hứng muốn đi chơi núi với vì chẳng mấy khi, cả nhà được vui vầy đoàn tụ, cụ rất đặc ý ; thêm vào đó, cụ xưa nay vẫn là người rất bảo thủ và giữ những cổ tục.

Bầy trẻ con đã khôi phục hẳn tinh thần và vui vui, vẻ vẻ, cười, nói một cách rất là náo nức. Mộc-Lan quên làm sao được cái lần đầu, lên chơi Nam-thiên-môn ; ấn tượng đó đã in sâu trong tâm não cô.

Vì đường cheo leo, hiểm trở nên Mộc-Lan và trẻ nhỏ phải dùng kiệu, cô cùng ngồi chung một chiếc với Tân-A. Nhiều lúc cô thấy mình đương như lơ lửng ở lưng chừng trời. Mỗi lần chiếc kiệu lắc lư, cô sợ hãi lại ôm chặt lấy Tân-A. Rồi ít năm về sau đây, Cô lại còn có lần lên ngoạn cảnh nơi này, nhưng trong một hoàn cảnh khác hẳn.

Cuộc đi chơi núi ngày hôm nay quả thật là vui vẻ một cách đầy đủ. Khi đi xuống chỉ mất có ngót một tiếng đồng hồ. Nhìn ra xa, huyện thành nằm an toàn trên một vùng đất phẳng như một cái vòng lớn. Khi về gần tới nhà, trời đã hoàng hôn, và phố phường đã lên đèn sáng trưng cả.

(Còn nữa)

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại-diện các Ngân-Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hãng xuất nhập-cảng - Số vốn VN\$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| ZUNDAPP DELPHIN (Đức) | — Máy găn ghe lườn và tam bản. |
| BAUSCHER (Đức) | — Máy kéo diesel, nằm và đứng. |
| FACIT (Thụy-điển) | — Máy tính, quay tay và chạy điện. |
| ROCKET (Nhật-bổn) | — Máy làm nước đá và cà-rem. |



1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*

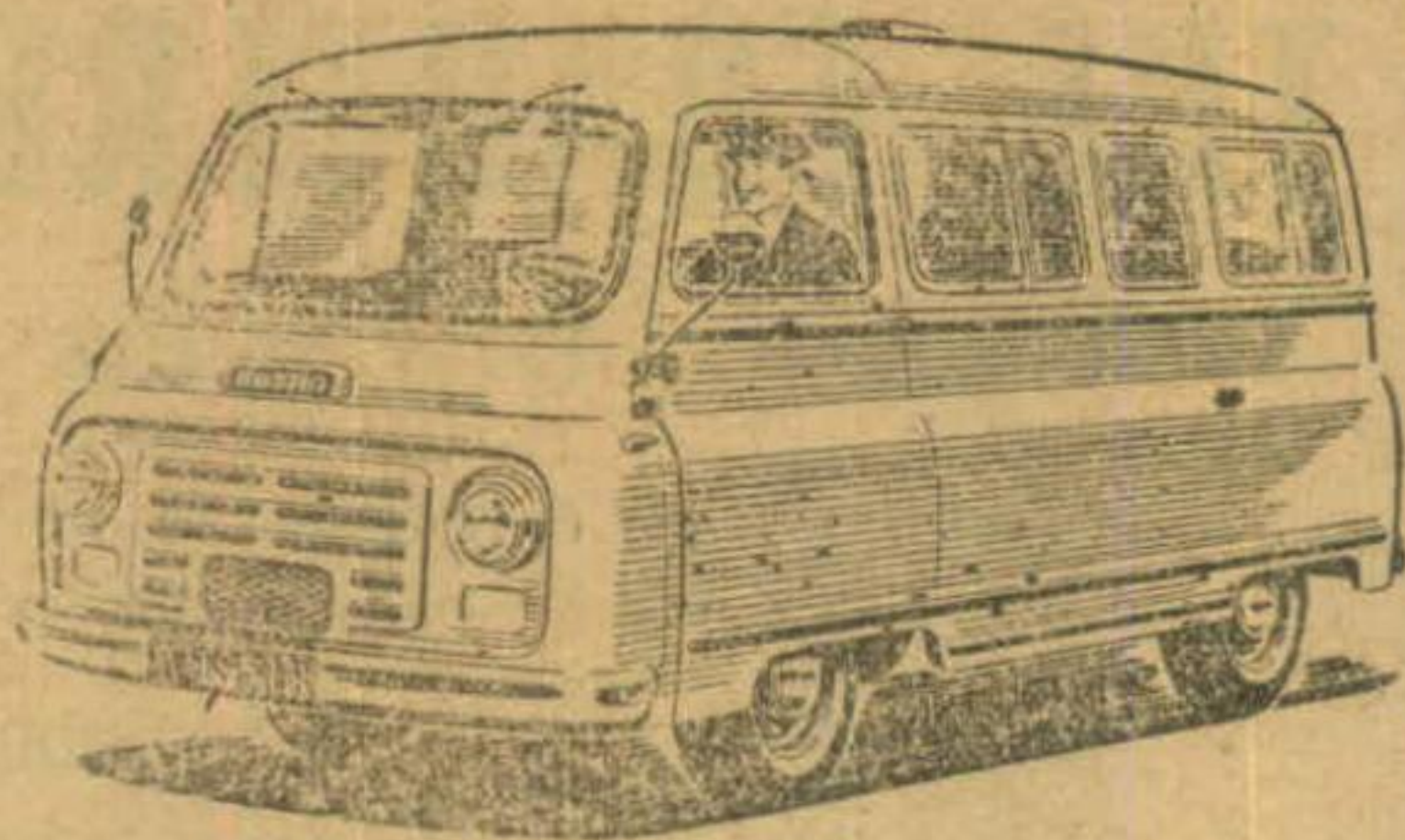

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY

T A I

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

HÃNG



Giấy nôi : 305

Giấy thép : KOL CHOLON

*51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON*

SẢN XUẤT :

- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyéthylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne & Lotions de PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grosse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.



Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

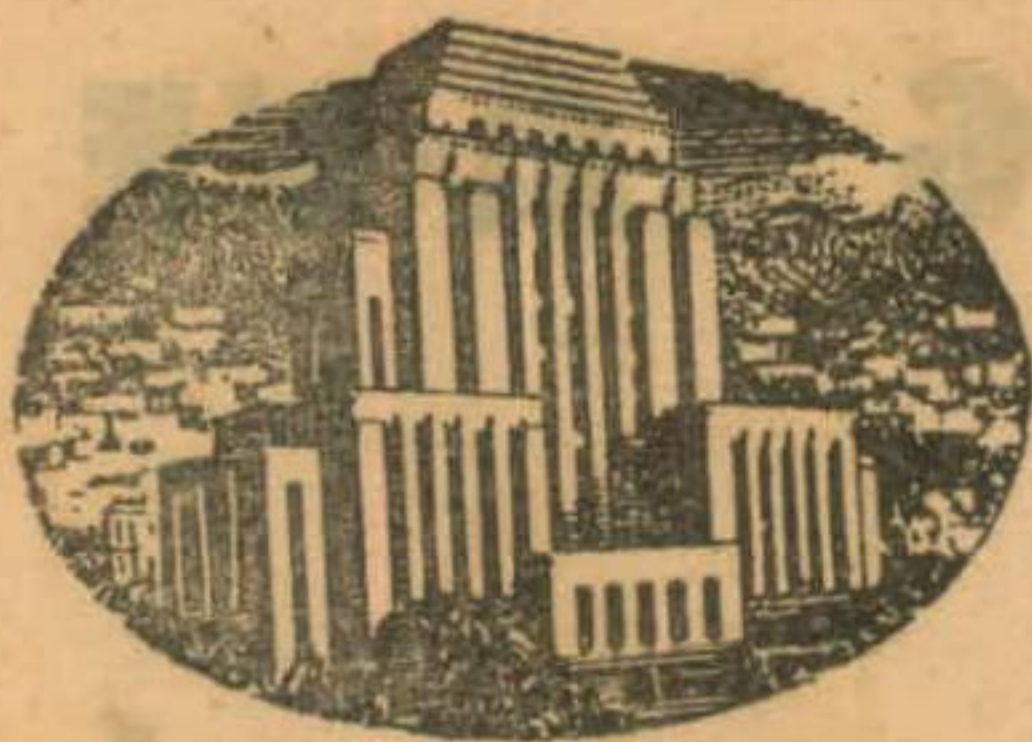
HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Su nên
Kính-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



THE HONGKONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION

Số vốn phát hành và đóng đủ :

HK \$ 50.000.000 (3.124.000 Anh kim)

Số dự trữ :

HK \$ 128.000.000 (8.000.000 Anh kim)

Trụ sở chính : HƯƠNG CẢNG

Trụ sở tại SAIGON : 9, Bến Chương-Dương
lện thoại số 20.036 và 20.037

Trụ sở tại PHNOM-PENH : 1, rue Ang-Duong

Trụ sở tại LUÂN - ĐÔN : 9, Gracechurch Street, E.C.3

Trụ sở đặt ở : New - York, San - Francisco, Los Angeles,
Hamburg, Paris và khắp Viễn - Đông

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
- U** – Khởi mát ngay giờ
- T** – Không khói, không bụi
- A** – Dùng nấu nướng các thứ
- G** – Không làm nhút dầu hay cay mắt
- A** – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** – Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHI
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHAI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VŨ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TAN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG MINH TUYNH
BÙI-CÔNG-VAN